

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYỄN THỦY

Phát hành vào đầu mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh kiêm Trị sự
Đại đức Thích Thiện Minh kiêm Thư ký Tòa soạn

PHÓ THƯ KÝ

Cư sĩ Nguyễn Văn Bính

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh
Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Tòa soạn
ĐT: (08) 37290248

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu,
Q. Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370
Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT
ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

CHẾ BẢN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

ảnh bìa 1: Đoàn GHPGVN tham dự Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc - 2012 tại Thái Lan

Trong số này

1. TIÊU ĐIỂM

- Thông điệp chúc mừng Vesak của GHPGVN
- Chúc mừng Vesak của thủ tướng Thái - Quảng Trí
- Hội nhập PG Thế giới của GHPGVN - Kiều Nga
- Đạo Phật với cộng đồng Việt - HT. Thiện Tâm
- Truyền thống An cư kiết hạ - Bảo Long
- Nhà Phật với Giáo dục - Nguyễn Khắc Thuần
- Tính chất Hòa bình của Phật giáo - Thích Phước Sơn

2. KINH TẠNG

- Kinh Tâm hoang vu, Đức Tin - HT. Thích Minh Châu

3. LUẬT TẠNG

- Giới luật của người xuất gia - Nguyệt Thiên

4. THIỀN HỌC

- Thiền Định là gì? - Hoàng Phong

5. LUẬN TẠNG

- Lộ trình sắc Pháp - TK. Pasādo

6. VĂN HÓA

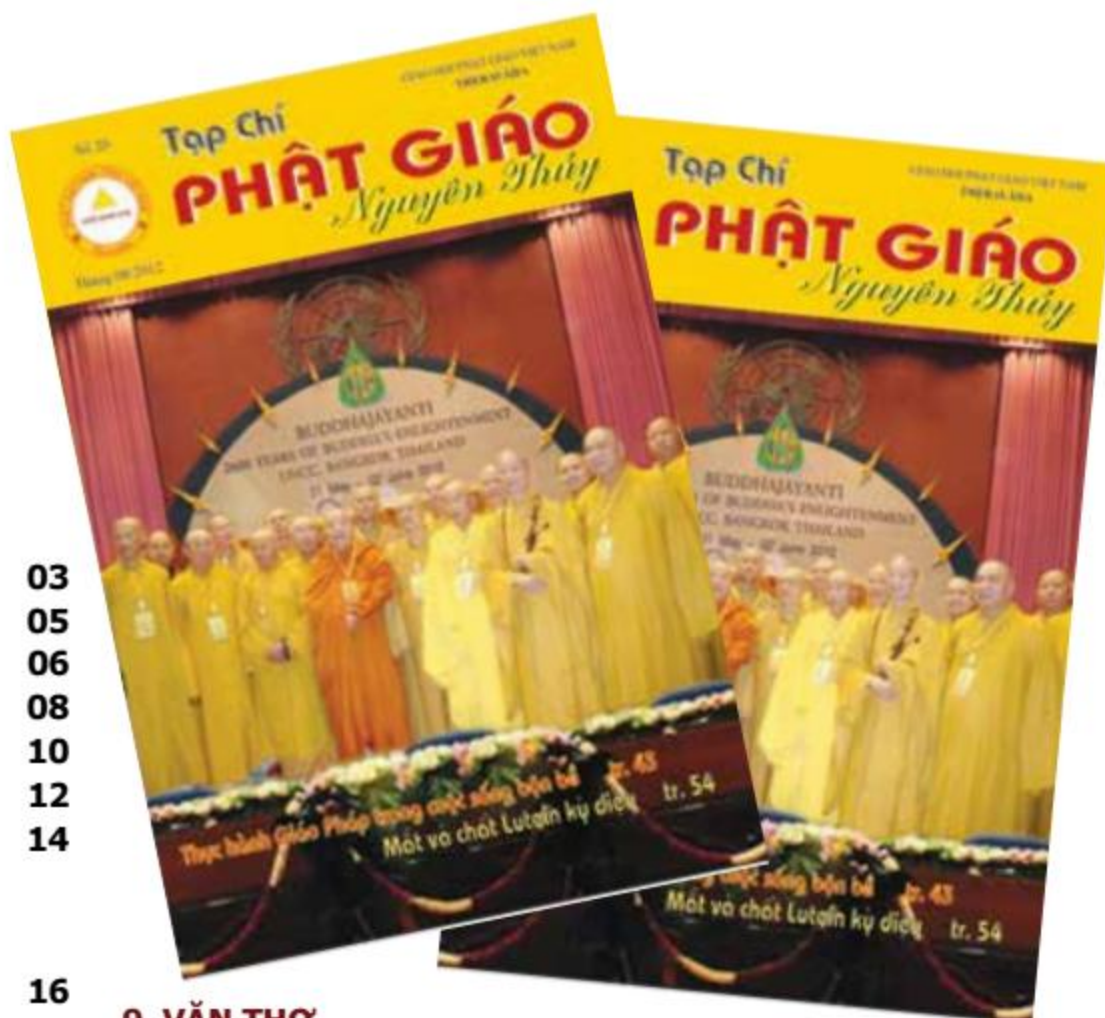
- Các nhà chiêm bái - Hoa Cúc
- Sự khác biệt giữa - TTTS. Bửu Chánh
- Sự giảng sanh của Chư Phật - TK. Định Phúc

7. ĐỐI THOẠI

- Phỏng vấn HT Thích Đạt Đạo - PV Quang Duyên

8. SUY NGẪM

- Suy gẫm - Huyền Trang



03
05
06
08
10
12
14

16

9. VĂN THƠ

- Đức Phật là bậc Nhất Thiết Trí - TTTS. Giác Dũng
- Nghiệp - ĐĐ. Thiện Minh
- Trường xưa - Hoa Huệ
- Lối tôi - Huệ Trắng

17

18

10. PHẬT GIÁO TRONG ĐỜI THƯỜNG

- Thực hành giáo Pháp - Phan Minh Đức
- Tôn giáo giúp giới trẻ - Pháp Luân online
- Đại đức Danh Dương

21

23

26

29

11. PHẬT GIÁO BỐN PHƯƠNG

- Phật giáo tại Sri Lanka - Minh Hạnh
- Quá trình phục hoạt giáo đoàn TK ni - Trần Như Mai

12. VĂN HỌC PĀLI

- PG và truyền thống Chú giải - Nguyễn Cửu Long

33

13. ẨM THỰC - DƯỢC THẢO

- Mất và chất Lutein - BS Nguyễn Ý Đức

36

14. THEO DÒNG

37

39

42

42

43

44

46

48

49

51

54

55



Thông điệp chúc mừng

Vesak Liên Hiệp Quốc của đoàn Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Chiều ngày 31-5-2012, tại Hội trường chính Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc, HT. Thích Trí Quảng, Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN, Trưởng ban Phật giáo Quốc tế Trung ương Giáo hội, Trưởng đoàn đại biểu GHPGVN tham dự Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc lần thứ IX - 2012 đã đọc thông điệp chúc mừng của phái đoàn Giáo hội Phật giáo Việt Nam gửi đến toàn thể đại biểu. Sau đây là nội dung chính của Thông điệp này.

Lời đầu tiên, tôi rất hoan hỷ và vinh dự được bày tỏ lời chúc sức khỏe và lời chào mừng chân thành nhất đến tất cả quý vị đại biểu tham dự Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc 2012 tại Vương quốc Thái Lan.

Hiện nay, chúng ta đang sống trong giai đoạn quan trọng nhất của xã hội nhân loại. Nền khoa học kỹ thuật hiện đại và nền văn minh tiến bộ ngày càng cao, chúng ta ngày càng phải đối diện rất nhiều về sự căng thẳng, khổ đau và những thách

thức về các vấn đề trầm trọng như: chiến tranh, xung đột, bạo động, sự khủng hoảng kinh tế, sự hâm nóng toàn cầu, và những thảm họa tự nhiên bao gồm những trận động đất, sóng thần, lũ lụt v.v... Lời dạy cao quý của Đức Phật về tinh thần vô ngã, bất bạo động, hòa bình, đoàn kết, từ bi, hạnh phúc và giải thoát v.v..., chính là kim chỉ nam cho tất cả các hàng đệ tử Phật tinh tấn tu tập, an tịnh nội tâm, giác ngộ và giải thoát.

Hôm nay, nhân kỷ niệm 2600 năm Đức Phật

thành đạo và kỷ niệm sinh nhật lần thứ 80 của Hoàng hậu Thái Lan và sinh nhật lần thứ 60 của Đông Cung Thái tử Thái Lan, Trường Đại học Mahachulalongkornrajavidyalaya chính thức đăng cai tổ chức Đại lễ Phật Đản Liên Hợp Quốc lần thứ IX năm 2012 tại thành phố Ayutthaya và thủ đô Bangkok, Vương quốc Thái Lan từ ngày 31-5 đến 2-6-2012, với sự chứng minh của Hội đồng Tăng đoàn tối cao và Chính phủ Hoàng gia Thái Lan cùng với sự hiện diện gần 5.000 đại biểu tham dự đến từ nhiều quốc gia trên thế giới. Đó chính là cơ hội rất tốt cho chúng ta hội tụ, ngồi lại với nhau trên tinh thần hữu nghị và hòa hợp để tôn vinh cuộc sống thánh thiện và lời dạy trong sáng của Đức Phật về sự phát triển đạo đức con người và trật tự xã hội; để tự xem xét nội tâm dựa trên nguyên lý đạo đức Phật giáo hầu phát triển tâm linh; và để thảo luận tìm ra những giải pháp hữu hiệu nhất nhằm khôi phục toàn cầu v.v... Đây chính là nền tảng của sự sống chúng ta, nền tảng của sự hòa bình, hạnh phúc và tính bền vững của nhân loại trên thế giới.

Thay mặt cho phái đoàn Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam và bản thân cá nhân của tôi, tôi rất vinh dự được biểu lộ niềm cảm kích sâu sắc với những lời vắn an sức khỏe và lời chúc mừng chân thành nhất đến Đức vua, Hoàng hậu và Đông cung Thái tử Thái Lan; Đức Tăng thống và Hội đồng Tăng đoàn tối cao Thái Lan; cơ quan Liên Hợp Quốc; Ban tổ chức Đại lễ Phật đản Liên Hợp Quốc 2012 và Trường Đại học Mahachulalongkornrajavidyalaya cùng tất cả công dân Vương quốc Thái Lan. Cuối cùng, tôi xin thành kính cầu nguyện Tam bảo gia hộ đến Đức Vua, Hoàng hậu và Đông Cung Thái tử Thái Lan luôn khỏe mạnh, trường thọ và hạnh phúc. Cầu nguyện cho tất cả quý Đại biểu, các phái đoàn Phật giáo quốc tế cùng tất cả mọi người luôn sống hòa bình và an lạc trong giáo Pháp Phật. Kính chúc Hội thảo Phật giáo quốc tế 2012 thành công tốt đẹp". ■



HT. Thích Trí Quảng phát biểu



Lễ cầu quốc thái dân an tại Văn phòng Chính Phủ



Toàn cảnh Hội nghị



Thủ tướng Thái Lan

Lời chúc mừng Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc 2012 của Thủ tướng Thái Lan

Quảng Trí (chuyển ngữ)

Sáng ngày 2-6-2012, Thủ tướng Thái Lan Yingluck Shinawatra đã đến dự và có bài phát biểu tại Trung tâm Hội nghị Liên Hiệp Quốc (Bangkok). GNO giới thiệu nội dung chính của bài phát biểu này.

Ngày Lễ Vesak hoặc Visakha Puja là một trong những ngày quan trọng nhất đối với tín đồ Phật tử trên toàn thế giới. Đây là ngày kỷ niệm sự kiện Đản sinh, Thành đạo và Nhập diệt của Đức Phật. Trong vòng 45 năm sau khi giác ngộ, Đức Phật đã đi nhiều nơi trên đất nước Ấn Độ để giảng dạy giáo lý của Ngài hay Chánh Pháp cho tất cả mọi người, không phân biệt nguồn gốc dân tộc, giai cấp xã hội. Sau đó, thì Phật giáo đã được truyền bá ra khắp thế giới, góp phần nuôi dưỡng đời sống tinh thần của hàng triệu người trong hơn 2,5 thiên niên kỷ.

Ngày Lễ Vesak cũng là ngày phản ánh ba phẩm tính của Đức Phật, đó là Trí tuệ, Thanh tịnh và Từ bi, và ba phẩm tính này đều có sẵn trong tất cả mọi loài và đều như nhau. Những phẩm tính này tiếp tục có giá trị quan trọng trong xã hội hiện tại, thời điểm mà nhân loại đang phải đối mặt với nhiều thách thức về đời sống vật chất cũng như đời sống tâm linh, từ sự vô minh và tuyệt vọng đến chủ nghĩa cực đoan và bạo lực. Đi đôi với những phẩm tính ấy, sự bao dung và tôn trọng tính đa dạng, tôn trọng những nguyên tắc đạo đức quan trọng của Phật giáo cũng như những nguyên tắc phổ quát của vũ trụ, và đây cũng là những phương thức quan trọng để giúp khắc phục những thách thức ấy. Nhằm công nhận ý nghĩa của ngày Lễ Vesak, tại kỳ họp thứ 54 vào năm 1999, Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc đã chính thức thông qua một nghị quyết tôn vinh ngày Lễ Vesak là ngày Vesak Liên Hiệp Quốc.

Thái Lan được vinh dự đăng cai tổ chức Hội nghị



Giáo sư Lê Mạnh Thát (bìa trái) đang tham gia điều phối chương trình thảo luận tại Hội trường chính

Phật giáo Quốc tế lần thứ 9 nhân ngày Vesak Liên Hiệp Quốc từ ngày 31-5 đến 2-6-2012. Hơn 5.000 đại biểu đến từ 84 Quốc gia, bao gồm chư Tăng Ni, các vị lãnh đạo tinh thần Phật giáo và các học giả Quốc tế. Với sự hỗ trợ của Chính phủ, Hội nghị năm nay cũng sẽ tổ chức lễ kỷ niệm sự kiện tốt đẹp mừng Khánh thọ 80 tuổi của Hoàng hậu (ngày 12-8-2012) và mừng Khánh tuế lần thứ 60 của Hoàng thái tử (ngày 28-7-2012) của Hoàng gia Thái Lan.

Thay mặt Chính phủ Hoàng gia Thái Lan, tôi vinh dự và hân hoan chào đón tất cả quý vị đại biểu tham dự Hội nghị Phật giáo Quốc tế lần thứ 9 nhân ngày Lễ Vesak Liên Hiệp Quốc. Tôi xin bày tỏ lòng tri ân chân thành đến Ban Tổ chức đã tiến hành tổ chức hội nghị này. Nhân đây, tôi xin gửi những lời chúc tốt đẹp nhất đến hội nghị và hy vọng rằng, những lời dạy của Đức Phật sẽ góp phần mang lại sự bình an và thanh thản cho tất cả mọi người. ■

Lịch sử cho thấy, hoạt động ngoại giao của nước ta ngày càng được coi trọng, hoạt động đối ngoại của các Tôn giáo, trong đó có Phật giáo đã đạt được nhiều kết quả, góp phần tích cực vào việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên trường Quốc tế.

Hội nhập Phật giáo thế giới của Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Kiều Nga

Với Phật giáo, từ những năm đầu Công nguyên, Phật giáo từ Ấn Độ truyền sang nước ta, trở thành một trong những nơi để Phật giáo truyền đi các nước phía Bắc. Rồi sau đó chịu ảnh hưởng ngược lại của Phật giáo từ Trung Quốc truyền sang. Đồng thời trong lịch sử cận đại chịu ảnh hưởng của Phật giáo các nước lân cận, chủ yếu là Campuchia.

Trên thế giới Phật giáo là một Tôn giáo lớn, có đặc điểm rất dễ hòa nhập, tự thân Phật giáo giữa các dân tộc đã có những giao lưu, quan hệ đối ngoại trong quá trình đấu tranh phát triển.

Đối với Việt Nam, trong quá trình bảo vệ và phát triển, trước nhiều thế lực ngoại xâm, Phật giáo với tư cách là một tôn giáo nhập thể, "vị chúng sinh thành tựu Phật Pháp", có lúc được xem là quốc giáo, đã đóng góp không nhỏ trong quan hệ đối ngoại và các chính sách quốc gia, nhằm mục đích đoàn kết, hòa bình, hữu nghị hợp tác với các nước trong khu vực và quốc tế.

Phật giáo Việt Nam đã góp phần quan trọng vào hoạt động ngoại giao của nước ta. Ví dụ như HT. Thích Minh Châu (hiện là Phó pháp chủ GHPGVN), Thiền sư Thái Thuận một trí thức Phật giáo tích cực trong hoạt động công tác xã hội, nghiên cứu Phật học và phiên dịch kinh sách. Ông tham gia hoạt động ngoại giao nhân dân trong tổ chức ABCP (tổ chức Phật giáo châu Á vì hòa bình), có uy tín lớn trong công tác đối ngoại nhân dân.

Phật giáo Việt Nam luôn luôn thực hiện lời dạy của đức Phật: "Vì lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha". Trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc, Phật tử cùng với đồng bào cả nước tích cực tham gia đấu tranh giải

phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Nhiều vị đã được thế giới biết đến, tiêu biểu như HT. Tố Liên, HT. Thiện Hào, HT. Thích Thế Long, HT. Thích Quảng Đức, HT. Bửu Chơn, Ni trưởng Thích nữ Huỳnh Liên v.v...

Từ khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập năm 1981 tại thủ đô Hà Nội đến nay, Phật giáo cả nước tăng cường hơn nữa mối quan hệ hữu nghị đoàn kết với Phật giáo các nước trong khu vực Asean và thế giới ngày càng mở rộng.

Hiện nay, nước ta đang trên đường hội nhập toàn diện với cộng đồng thế giới, thế giới ngày càng biết nhiều đến Việt Nam hơn, với một quốc gia độc lập, dân chủ, đa phương hóa các mối quan hệ, đổi mới, hội nhập và phát triển. Trong đó, Phật giáo Việt Nam mà đại diện là Giáo hội Phật giáo Việt Nam, một tổ chức Phật giáo duy nhất đại diện cho tăng ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước cũng không ngừng phát triển về mọi mặt.

Sự hội nhập Phật giáo thế giới của Giáo hội Phật giáo Việt Nam như hợp tác, liên kết thân hữu với các nước Phật giáo và khu vực như: Lào, Campuchia, Myanmar, Thái Lan, Triều Tiên, Mông Cổ, Sri Lanka, Ấn Độ, Nhật Bản, Pháp, Trung Quốc, Đài Loan, và một số nước châu Âu, các chức sắc lãnh đạo và Ban Phật giáo Quốc tế cũng đã đón tiếp và làm việc với hàng trăm phái đoàn Phật giáo đến thăm hữu nghị Việt Nam và Giáo hội tại trụ sở Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Mặt khác, Giáo hội đã tổ chức đi thăm hữu nghị một số nước Phật giáo trong vùng Đông Nam Á và châu Âu cũng như thực hiện các cuộc hội thảo chuyên đề về văn hóa, đạo đức, giáo dục Phật giáo đạt được



Đoàn Bộ Lễ nghi Tôn giáo Campuchia thăm Giáo hội Phật giáo Việt Nam



Đoàn Liên minh Phật giáo Lào thăm Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội



Bộ Tôn giáo Myanmar thăm và làm việc với Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội



Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam thăm Bộ Tôn giáo Myanmar

kết quả tốt đẹp

Việt Nam đã tham gia và chủ trì nhiều hội nghị thế giới, khu vực; một số tổ chức Tôn giáo ở Việt Nam, trong đó có Phật giáo đã đăng cai tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo về Tôn giáo quốc tế lớn để lại dấu ấn đậm nét trong lòng bạn bè thế giới.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tham dự 66 cuộc Hội nghị Quốc tế tại Mông Cổ, Cộng hòa Liên Bang

Nga, Cộng hòa Séc, Ấn Độ, Lào, Campuchia, Thái Lan, Trung Quốc, Malaysia, Indoneisia, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Pháp, Italia, Canada, Sri Lanka, Hà Lan, Đài Loan, Hàn Quốc.... Với các chủ đề về Văn hóa, đạo đức, giáo dục Phật giáo, môi trường, hiệu ứng nhà kính, biến đổi khí hậu, vũ khí hạt nhân....

Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham dự 06 lần Đại lễ Phật đản Liên hợp Quốc tại Thái Lan, 02 Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc tại New York.

Tiếp đón hàng trăm phái đoàn Phật giáo Quốc tế, các tổ chức Phật giáo Quốc tế, phái đoàn Đại sứ quán các nước, tiếp đón phái đoàn Bộ trưởng Bộ lễ nghi Tôn giáo Chính phủ Hoàng gia Campuchia, phái đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Lào Xây dựng Đất nước, phái đoàn tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh Phật giáo thế giới (Nhật Bản), Vua sãi Tép Vong, phái đoàn Hội quán đạo đức Phật giáo Nhật Bản, phái đoàn Pakistan, phái đoàn Phật giáo Ấn Độ (Kim Cang Thừa), phái đoàn Phật giáo Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan, phái đoàn Viện Nghiên cứu Tôn giáo Toàn cầu Hoa Kỳ, phái đoàn Nữ giới Hội Sakyadhita... đến thăm viếng và trao đổi thông tin với Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại Văn phòng Trung ương Giáo hội ở Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và tại trụ sở Văn phòng thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Thừa Thiên Huế, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng, Hải Phòng, Bắc Ninh, Ninh Bình, Bà Rịa - Vũng Tàu, Kon Tum, Khánh Hòa...

Được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, Giáo hội Phật giáo Việt Nam phối hợp với Ủy ban Tổ chức Quốc tế (IOC) tổ chức thành công tốt đẹp Đại lễ Phật đản Liên Hợp Quốc năm 2008 tại Việt Nam từ ngày 14 – 16/5/2008 với sự tham dự của 4.000 đại biểu trong nước và quốc tế đến từ 74 quốc gia và vùng lãnh thổ, đây là lễ hội Tôn giáo lớn có uy tín với thế giới; hội nhập, đối ngoại Tôn giáo đóng góp tích cực cho cuộc đấu tranh trên lĩnh vực dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo, chống âm mưu "Diễn biến hoà bình" của các thế lực xấu, bày tỏ tình đoàn kết quốc tế với bạn bè thế giới, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.

Hội nghị nữ giới Phật giáo thế giới lần thứ XI được Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức thành công tốt đẹp tại nhà Truyền thống Văn hóa Phật giáo – chùa Phổ Quang, TP. Hồ Chí Minh từ ngày 28/12/2009 đến ngày 03/01/2010.

Tổ chức Đoàn Đại biểu cấp cao Giáo hội Phật giáo Việt Nam thăm hữu nghị Phật giáo các nước Campuchia, Lào, Ấn Độ và Myanmar.

Tổ chức nhiều Đoàn Hoằng pháp Giáo hội Phật giáo Việt Nam thăm viếng, thuyết giảng Phật pháp và tổ chức lễ Cầu an đầu năm, lễ Thượng ngươn, lễ Phật đản, Vu Lan tại các Trung tâm Văn hóa Phật giáo ở châu Âu cho Hội Phật tử Việt Nam yêu đạo Phật tại Cộng hòa Séc, Ucraina, (xem tiếp trang 32)



Chân dung Bacc Hồ là một nhà sư hành đạo (hoạt động Cách mạng tại Thái năm 1919 có tên là Thầu chín

ĐẠO PHẬT

Trong cộng đồng Việt kiều tại Thái Lan

HT. Thích Thiện Tâm

Phó Chủ tịch Hội Hữu Nghị Việt Nam - Thái Lan TP. HCM

Việt kiều có mặt tại Thái Lan

Dân tộc của một quốc gia luôn gắn bó với

quê hương đất tổ, khi phải ra đi vì lý do kinh tế, buôn bán làm ăn, hay vì lý do chính trị, thay đổi triều đại, hay bất cứ một lý do nào khác đều hướng về quê cũ với niềm hoài vọng cố hương.

Vào năm 1781, một đoàn người Việt đến Thái Lan được ghi nhận là nhóm người Việt đông đảo nhất do vua Gia Long cùng đoàn tùy tùng hướng dẫn, đã đến Thái Lan lánh nạn chính trị, số đông dân chúng trong đoàn đã ở lại hòa nhập với một số người Việt sang Thái vì nhiều lý do khác trở thành cộng đồng Việt kiều trên đất Thái, luôn hướng về Việt Nam, mang theo đạo Phật Việt Nam, đạo hiếu nghĩa, thờ cúng ông bà, xây dựng những ngôi chùa mang hình ảnh ngôi chùa làng thân thương trên đất Thái.

Cũng chính cộng đồng Việt kiều trên đất Thái đã hỗ trợ người Việt Nam, tham gia đấu tranh vì tổ quốc thời nhà Nguyễn, thời Cách mạng tháng 8-1945, và đặc biệt ưu ái nuôi dưỡng, cứu mạng, tạo điều kiện cho Bác Hồ tuyên truyền Chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa Mác-Lê, chuẩn bị huấn luyện cán bộ hình thành tổ chức Cách mạng Việt Nam trên đất Thái.

Như vậy, khi nói về đạo Phật trong cộng đồng Việt kiều tại Thái Lan phải nói đến ba dấu ấn quan trọng:

1. Đạo Phật trong đoàn người Việt theo vua Gia Long sang Thái Lan,
2. Dấu ấn Văn hóa Phật giáo Việt qua các ngôi tự viện, cách thờ cúng, dòng tu Phật giáo Việt Nam, Annamnikaya, Việt tông
3. Sự kiện Bác Hồ được Phật giáo Việt Nam tại Thái cứu mạng trong thời kháng chiến.

Đạo Phật trong đoàn người theo vua Gia Long sang Thái Lan

Trong đoàn người Việt đi với vua Gia Long, có nhiều người theo đạo Phật. Đối với người Việt theo đạo Phật, ngôi chùa trong tâm trí họ là hình ảnh

chùa làng êm ả, thanh tịnh, là hình ảnh trong tâm cảm của mỗi người về lý tưởng con đường thoát khổ và tình yêu quê hương (*Mái chùa che chở hồn dân tộc. Nếp sống muôn đời của tổ tông*) hai ngôi chùa do cộng đồng Việt kiều thành lập đầu tiên vào khoảng năm 1776. Sau đó, hai ngôi chùa kế tiếp được xây dựng khi vua Gia Long còn trên đất Thái, vào khoảng năm 1782, triều đại Rama. Vua Yodfah chulaloke- Rama I (1782-1809) đã ban sắc đặt tên cho dòng Phật giáo của người Việt trên đất Thái là Annamnikaya. Annamnikaya có từ thời đó vẫn mãi lưu truyền và phát triển cho đến hôm nay (vua Rama IX) và mai sau.

Theo sử liệu người Thái gọi vua Gia Long với tên gọi vừa kính nể vừa thân thiện Ong Ziang -Sue (ông Thiên Tử). Người Việt trong đoàn tháp tùng vua Gia Long đứng ra xây chùa Việt đầu tiên trên đất Thái là Ong Ziang-Zun (có người nói đó là Tôn Thất Thuyết).

Dấu ấn văn hóa Việt qua các ngôi tự viện Việt Tông Annamnikaya

Một trong hai ngôi chùa đầu tiên của cộng đồng Việt kiều được xây dựng trên đất Thái là chùa Hội khánh Wat Mongkornsamagom tại Bangkok (có nơi gọi là Mongala-samagom). Từ đó, nhiều ngôi chùa mang hình ảnh ngôi chùa Việt Nam trên đất Thái được xây dựng, tính đến nay đã có 15 ngôi chùa.

Ở Thủ đô Bangkok có 7 ngôi chùa: Wat Kusol-samakorn (chùa Phổ Phước), Wat Ananamnikayaram (chùa Quảng Phước), Wat Lokanuckor (chùa Từ Tế), Wat Samananamborihan (chùa Cảnh Phước), Wat Upairadchabamrung (chùa Khánh Vân), Wat Chaiyapum-mikaram (chùa Tỉ Ngạn), Wat Mongkornsamakom (chùa Hội Khánh).

Ở miền Nam Thái Lan có 7 ngôi chùa: Wat Thamkhounoy (chùa Khánh Thọ), Wat Thawornwararam (chùa Long Sơn), Wat Khednabunram, Wat Mahayank-anchanamadrabamrung, Wat Annamnikaya (chùa Tam Bảo Công), Wat Upaipatikaram (chùa Khánh Thọ), Wat Thawornwararam Hadyai và 01 chùa ở Đông bắc Thái Lan: Wat Sunthonpradid (chùa Khánh An).

Theo một thông tin khác cho biết có thể có 18-19 chùa đã xây dựng và 15 chùa đang xây dựng. Hầu hết các chùa Việt trên đất Thái đều được vua Thái sắc phong. Hiện tổng số các tu sĩ trong Annamnikaya Việt tông vào khoảng 500 vị. Văn phòng của Việt tông đóng ở Học viện

Tăng già Phổ Phước, do Tăng trưởng Annamnikaya là trụ trì chùa Phổ Phước điều hành. Annamnikaya luôn là chỗ dựa tinh thần của cộng đồng người Thái gốc Việt từ hơn 200 năm qua. Đặc biệt, kiến trúc chùa có hình mái cong, màu ngói đỏ, có hình rồng (khác hình rồng Thái). Các bảng hiệu, hoành phi, trướng liễn, kinh sách còn viết chữ nho, bên cạnh phiên âm tiếng Thái. Riêng chùa Hội Khánh có bảng tiếng Việt. Cách bài trí bên trong phỏng theo chùa Việt ở quê nhà, khác với chùa Thái, theo kiểu tiền Phật hậu Thánh, và thờ nhiều tượng Phật cùng các vị Bồ tát, có nhà tổ thờ các vị tổ sư tiền nhiệm. Mỗi năm có 2 ngày lễ lớn là lễ đầu năm âm lịch Tết Nguyên Đán và lễ hội ngày rằm tháng bảy Vu Lan báo hiếu. Cộng đồng Việt kiều Thái ngoài việc thờ Phật, còn thờ cúng tổ tiên, ông bà cha mẹ đã qua đời.

Chùa Việt trên đất Thái thuộc Annamnikaya có những nét phải theo luật Quốc gia dành cho tu sĩ Phật giáo Thái Lan. Chùa không có điệu, chú tiểu, chỉ có sa di dưới 20 tuổi, và tỳ kheo nếu tu sĩ trên 20 tuổi. Các sa di được đào tạo theo chương trình của Bộ Giáo dục Thái. Các sa di sau khi tốt nghiệp Học viện được tiếp tục học trong các trường Trung cấp Phật học hoặc Đại học, nếu đủ tuổi sẽ được thọ cụ túc giới, nếu không tiếp tục làm tu sĩ sẽ trở về gia đình làm thiện tín. Các tu sĩ, vào mỗi buổi sáng sớm phải quần y đi khất thực như các tu sĩ Phật giáo Thái Lan. Do số lượng tu sĩ Việt tông giới hạn, nên việc các ngôi chùa tổ chức cho các tu sĩ giảng pháp, làm công tác xã hội có hạn chế.

Năm 2002, trường Đại học Đại Trí ra đời, tên đầy đủ là trường Đại học Đại Trí Văn Thù, của Việt tông Annamnikaya tổ chức chiêu sinh giảng dạy giáo lý Bắc truyền

Nhìn chung, hệ thống chùa Việt, người Thái gọi là Wat Yuon, thuộc Việt tông, được tạo dựng trang nghiêm thanh tịnh, luôn tận tu và động viên người con Phật Việt kiều xa quê an tâm làm ăn sinh sống trên đất người, nhận đất người làm quê hương thứ hai. Sự tin tưởng của cộng đồng Việt kiều Thái được tăng trưởng và vững vàng một phần lớn nhờ ân đức của chư tôn đức, tăng chúng đang hành trì ở các chùa Việt tông. Trong các vị này, phải kể đến Hòa thượng Thích Kính Chiếu, Tăng trưởng Annamnikaya, đã trực tiếp hoặc hỗ trợ xây dựng các ngôi chùa Việt, lập trường học giáo dục tăng ni từ tiểu học đến đại học... Hòa thượng Bình Lương, trụ trì chùa Việt Tông Từ Tế, là người đã cứu mang Bác Hồ trong suốt thời gian từ tháng 7 đến tháng 11/1929. Hòa thượng Bình Lương còn được cộng đồng người Việt ở Thái gọi là cụ sư Ba. Ông sinh năm 1882 tại xã Sơn Bằng, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh. Tên thật của nhà sư là Phan Ngọc Đạt...

Bác Hồ được Phật giáo Việt Nam tại Thái cứu mang trong thời kháng chiến

Trong cuộc đời hoạt động Cách mạng, tháng 7 năm 1928, Bác Hồ từ Đức sang Thái Lan tìm đường giải phóng dân tộc, lấy tên Thầu Chín, hoạt động trong phong trào Việt kiều yêu nước ở các tỉnh Udon Thani, Phi Chit, Sakon Nakhon... trước khi về ở tại bản Na-Chok của tỉnh Nakhon Phanom. Hiện nay có di tích

Nhà Bác Hồ ở bản Na-Chok, tỉnh Nakhon Phanom.

Bác Hồ đã đi khắp bản làng có Việt kiều để mở lớp huấn luyện, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, khơi dậy lòng yêu nước trong Việt kiều, xây dựng được đội ngũ quần chúng trung kiên của Cách mạng. Nhiều cán bộ nòng cốt đã trở về tham gia Cách mạng tháng 8 năm 1945. Trong đội quân liên minh Việt - Lào chống thực dân Pháp.

Năm 1929, Thực dân Pháp ra lệnh cho mật thám Pháp phối hợp với cảnh sát Thái quyết truy lùng ráo riết tìm bắt Bác Hồ tại Thái Lan. Để có thể tiếp tục sự nghiệp Cách mạng, Bác ẩn mình trong một ngôi chùa trên đất bạn. Theo hồi ký bà Đặng Quỳnh Anh (một Việt kiều Thái Lan viết), lúc ấy, Bác từ U đơn đi bộ 70km đến huyện Sa Vàng (tỉnh Sa Côn) mất 1 ngày. Sau đó, Bác từ Sa Côn lên Băng Kok (cách đó hơn 600 km) và vào chùa Từ Tế vào thời gian trên Bác Hồ phải cạo đầu, mặc áo cà sa làm sư và ẩn dật trong ngôi chùa này. Sau thời gian trên, Bác Hồ mới rời Thái Lan sang Thượng Hải, rồi sang Hồng Kông (Trần Dân Tiên 1975), "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch" NXB Sự Thật.

Sự việc trên cũng được minh chứng bởi hình ảnh Bác mặc áo cà sa vàng. Bức ảnh này từng được Hội Việt kiều Thái Lan tại Uông Bí tặng cho Hội Việt kiều Hà Nội. Tại khu lưu niệm về Hồ Chí Minh tại U đơn Tha Ni của Thái Lan cũng có treo một bức ảnh Bác Hồ trong trang phục áo cà sa tương tự.

Hơn một năm hoạt động ở Thái Lan, cuối năm ấy, Bác lại sang Trung Quốc, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày 3-2-1930, tại Cửu Long, Hương Cảng. Một tháng sau Bác trở lại Thái Lan, xây dựng tổ chức Đảng trong Việt kiều.

Sự kiện trên cũng làm tăng thêm tình nồng ấm giữa cộng đồng Việt kiều Thái theo đạo Phật với người Việt yêu nước ở quê nhà.

Kết Luận

Để có một cái nhìn chung cuộc về đạo Phật trong cộng đồng Việt kiều Thái, không ai không nhận thấy, Phật giáo Việt Nam của người Việt di cư sang Thái hoàn toàn hội nhập được với nếp sống sinh hoạt Tôn giáo, tập tục của người Thái Lan từ lâu đời. Các vua Thái, vua Sãi của Thái đều thừa nhận Việt tông Annamnikaya. Việt tông qua hơn 200 năm đã xây dựng và phát triển tông phái hợp với thời đại, tuy còn nhiều bất cập do số lượng sư sãi chưa đáp ứng bao quát hết nhu cầu phục vụ tâm linh cho người Phật tử Việt kiều Thái trong tu học giáo lý Phật đà.

Đặc biệt, đạo Phật trong cộng đồng Việt kiều Thái, trong lịch sử phát triển của mình đã không ngừng nêu cao tình đoàn kết, thương yêu tổ quốc, thương mến giúp đỡ người yêu nước, đóng góp công sức tích cực trong cuộc Cách mạng kháng chiến vì dân tộc và an ninh Quốc gia. ■

Truyền thống An Cư Kiết Hạ Phật giáo Nam Tông

Bảo Long

Ở Việt Nam có khoảng 500 ngôi chùa Nam tông Khmer với số lượng chư Tăng khoảng 15.000 vị. Riêng các chùa Nam tông người Kinh thì có khoảng 60 chùa, 300 vị Tăng và 200 vị Tu nữ. Chư Tăng chùa nào an cư tại chùa đó, chỉ có một số ít là có tổ chức an cư tập trung như chùa Phước Sơn (Đồng Nai), chùa Siêu Lý (Vĩnh Long), chùa Huyền Không (Huế).

Chư Tăng Phật giáo Nam tông Việt Nam (người Kinh và người Khmer) cũng như chư Tăng Nam tông ở các nước Phật giáo theo truyền thống Theravāda trên thế giới như Sri Lanka, Myanmar, Thái Lan, Campuchia, Lào đều có chung một thời gian an cư là 16/6 âm đến 15/9 âm, còn gọi là tiền An cư (purimika vassūpanāyika). Nếu như vì lý do nào đó không thể phát nguyện nhập hạ Tiền An cư thì chư Tăng có thể nhập hạ trong thời gian Hậu An cư (pacchimikā vassūpanāyika) thời gian từ 16/7 âm đến 15/10 âm. Đến thời kỳ an cư mà Tăng không cố ý không nhập hạ thì phạm tội Tác ác (dukkata). Những Tăng nhập hạ trong thời Hậu An cư thì không được hưởng quả báu Kathina.

Vassavāsa là tiếng Pāli. Vassa nghĩa là mưa, mùa mưa, Vāsa nghĩa là sự cư ngụ. Như vậy, vassavāsa là An cư mùa mưa. Đồng thời, chư Tăng sẽ tập trung thời gian này cho việc hành đạo, nhất là tu tập Thiền định, thực hành Bát Chánh Đạo, con đường giải thoát.

Đến ngày an cư, Tăng phải tìm trú xứ thích hợp để phát nguyện nhập hạ, địa điểm an cư có thể là ngôi chùa (ārāma), ngôi tịnh xá (vihāra), một chỗ ở thích hợp (āvāsa), hay tịnh thất (senāsana). Tăng dự định nhập hạ ở đâu thì phải phát nguyện an cư ở đó. Vào ngày hoặc đêm 16/6 âm (tiền An cư), hay 16/7 âm (hậu An cư), Tăng nhập hạ phải phát nguyện một mình hoặc phát nguyện chung với các Tăng khác.

Sau khi đã phát nguyện an cư mùa mưa, Tăng ấy phải nhập hạ tại nơi ấy trong 3 tháng không được rời khỏi. Trong trường hợp đặc biệt như cha mẹ, thầy tổ bị đau bệnh hay viên tịch, hoặc có Tăng sự quan trọng, hoặc có thí chủ thỉnh đi làm những Phật sự cần thiết, thì Tăng nhập hạ phải xin nguyện tạm thời rời trú xứ an cư nhưng không

được quá bảy ngày.

Chư Tăng theo truyền thống Nam tông đến ngày an cư mùa mưa đều phải phát nguyện nhập hạ, dù ở nơi đó có tổ chức trường hạ hay không. Thậm chí chỉ có một mình, Tăng ấy cũng phải phát nguyện nhập hạ đúng phép Trường hạ chùa Siêu Lý và chùa Huyền Không chủ yếu là tu tập, tu học về Pháp học, trường hạ chùa Phước Sơn thì đặt nặng về tu Thiền Tứ niệm xứ. Các ngôi chùa khác ngoài những thời khóa tu tập hàng ngày như thường lệ còn tăng cường thêm giờ hành Thiền và nghiên cứu kinh điển. Đặc biệt năm nay, Phật giáo Nam tông người Kinh có tổ chức cho toàn hệ phái sinh hoạt tập trung 3 kỳ trong mùa An cư kiết hạ tại Tổ đình Bửu Quang, Thủ Đức.

Trú xứ an cư là vùng đất an lành sẽ giúp cho Tăng Ni thở được mùi thơm của cơn gió Giới - Định - Tuệ. Tu tập tích cực trong mùa An cư, Tăng Ni sẽ dần dần vén được bức màn vô minh ái dục, những cây chướng ngại của rừng xanh, tâm linh sẽ đâm chồi nảy lộc, những dòng suối trí tuệ sẽ tung tăng nhảy múa, trái tim từ bi sẽ từng nhịp thở thật thà. Nhờ có sự an cư kiết hạ mà chư Tăng Ni mới làm cho Phật pháp được sống còn, vì có an cư kiết hạ mà Giới, Định, Tuệ mới có điều kiện phát huy. Nơi nào còn Giới, Định, Tuệ, nơi đó mới còn Phật pháp.

Đức Phật dạy trong Trung Bộ, bài kinh "Thừa tự Pháp" như sau: "Dhammadāyāda me bhikkhave bhavatha mā amisadāyādā bhavatha" (Này các Tăng, hãy là người thừa tự Pháp của ta, đừng là kẻ thừa tự tài vật).

An cư mùa mưa là truyền thống tốt đẹp của Phật giáo nói chung và của Phật giáo Nam tông nói riêng. Mùa nhập hạ giúp cho người con Phật tự nhìn lại chính mình.

Mùa an cư kiết hạ giúp cho chư Tăng Ni có thời gian để tự nhìn vào tâm thân ngũ uẩn phù du giả tạo vô thường sanh diệt này, chẳng khác nào một cánh nhạn giữa sớm tinh sương, một cơn gió thoảng, một áng mây trôi, cái hiện hữu chỉ là trong nháy mắt (theo Tuần báo Giác Ngộ, tháng 5-2006)

An Cư Kiết Hạ

Hỏi: Xin cho biết về duyên khởi và ý nghĩa của an cư. Vì sao có sự khác nhau về thời điểm an cư giữa hai truyền thống Nam tông và Bắc tông?

Đáp: An cư, Phạn ngữ Varsa, Pāli ngữ Vassa, Hán dịch là Vũ kỳ, Hạ an cư, Kiết hạ, Tọa hạ, Cữu tuần cấm túc... An cư có nghĩa: "Thân tâm đều tĩnh lặng gọi là an, đến thời gian quy định phải ở yên một nơi gọi là cư" (Nghịệp số, q 4).

Nhân duyên Phật thiết định an cư, theo Đại phẩm, chương Vào mùa mưa: Lúc Thế Tôn trú tại thành Vương Xá, tinh xá Trúc Lâm (Luật Tứ phần, q 37, ghi Thế Tôn trú tại Xá Vệ, tịnh xá Kỳ Viên), bấy giờ việc an cư mùa mưa chưa được Thế Tôn quy định cho các Tỷ kheo. Có một số Tỷ kheo du hành trong mùa mưa, dân chúng phàn nàn, chê bai rằng: "Các sa môn Thích tử du hành trong mùa lạnh, mùa nóng và cả trong mùa mưa. Ngay cả các du sĩ ngoại đạo hàng năm vẫn có ba tháng ở cố định trong mùa mưa, những con chim sau khi làm tổ trên ngọn cây cũng sống cố định trong mùa mưa. Còn các sa môn Thích tử thì lại du hành trong mùa mưa. Các vị ấy đang giẫm đạp lên cỏ xanh, đang hãm hại mạng sống các loài côn trùng".

Các Tỷ kheo khác nghe được những lời chê bai ấy đem trình lên Thế Tôn. Nhân sự việc này, Phật dạy: "Này các Tỷ kheo, phải an cư trong mùa mưa. Đây là hai thời điểm an cư. Thời điểm trước là ngày kế của ngày trăng tròn tháng Āsālha, thời điểm sau là vào ngày sau ngày trăng tròn của tháng sau.

Này các Tỷ kheo, trong ba tháng mùa an cư không nên du hành. Vị nào đi ra ngoài (nếu không có lý do chính đáng) thì phạm Dukkata (Phá an cư).

Ngoài ra, theo luật Ngũ phần, q 19; Ma ha Tăng kỳ, q 27; Thập tụng, q 24... ghi nhận về duyên khởi của truyền thống an cư, đại thể cũng tương đồng với Đại phẩm và luật Tứ phần.

Về ý nghĩa an cư, qua phần duyên khởi, trước hết an cư là một truyền thống chung cho mọi Sa môn, Bà la môn của các Tôn giáo thời bấy giờ. Mặt khác, dù khi Phật chưa ban hành luật an cư nhưng đa phần các Tỷ kheo vẫn ở cố định trong những tháng mùa mưa. Do vậy, ngoài việc tôn trọng truyền thống, hạn chế sự giẫm đạp côn trùng, an cư mùa mưa là thời gian thích hợp nhất để nỗ lực tu tập thiền định, phát triển tâm linh và chứng đạt các Thánh quả. Mặt khác, an cư còn mang ý nghĩa quan trọng về xây dựng đời sống hoà hợp trong Tăng đoàn, đồng thời cũng là dịp để hàng cư sĩ gần

gũi, nương tựa chư Tăng học tập giáo pháp và tu tạo phước điền.

Thời điểm an cư, các kinh luật đều đồng nhất vấn đề khởi sự an cư tính từ ngày đầu tiên (trăng tròn) của tháng Āsālha (hay A sa đà – Ashadha-Phạn). Tháng Āsālha chính xác là thời điểm trong khoảng cuối tháng 6 và đầu tháng 7 dương lịch. Truyền thống Phật giáo Nam tông xác định ngày mồng một (trăng tròn) của tháng Āsālha chính là ngày 16 tháng 6 âm lịch. Do đó, Phật giáo Nam tông tổ chức an cư vào ngày 16 tháng 6 và kết thúc vào ngày 16 tháng 9 âm lịch.

Tuy vậy, theo ngài Huyền Trang (Tây Vực ký) và ngài Pháp Hiển (Nam hải ký quy nội pháp truyện) thì ngày mồng một (trăng tròn) của tháng Āsālha tương đương với ngày 16 tháng 5 theo lịch Trung Quốc. Vấn đề là Phật giáo Bắc tông dù đã xác định ngày mồng một (trăng tròn) của tháng Āsālha tương đương với ngày 16 tháng 5 theo lịch Trung Quốc nhưng thực tế thì an cư lại bắt đầu từ 16 tháng 4. Để giải thích điều này, có thể là do ảnh hưởng của kinh Vu Lan, quy định ngày rằm tháng 7 là ngày tự tứ, do vậy phải kiết hạ vào ngày 16 tháng 4 (Thích Trí Thủ - Yết ma yếu chỉ, Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức, tr. 258). Ngày nay, an cư bắt đầu từ ngày 16 tháng 4 là truyền thống của Phật giáo Bắc tông.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy dù theo bất cứ truyền thống nào (16/4 Bắc tông hay 16/6 Nam tông) thì vẫn xảy ra trường hợp đến thời điểm quy định An cư theo truyền thống nhưng tại một số địa phương hoặc quốc gia không phải là thời điểm của mùa mưa. Do đó, nếu cứ vào nguyên tắc "An cư mùa mưa" thì truyền thống nào cũng có những bất cập nhất định. Vì vậy, nếu tôn trọng truyền thống và nhất là xác định mục đích chính yếu của an cư để trưởng dưỡng và trau dồi Giới - Định - Tuệ thì vấn đề thời điểm an cư dù có sự khác biệt giữa các truyền thống song không quan trọng, bởi phạm sự an cư ba tháng trong năm của một Tỷ kheo vẫn được chu toàn. ■



Nhà Phật

Với Giáo dục – Lịch sử và Văn đề

Nguyễn Khắc Thuận

- Phó Phân Hiệu trưởng Phân hiệu KHXH & NV
- Trưởng khoa Việt Nam Học Trường Đại học Bình Dương
(tiếp theo & hết)

4 . Có một thực tế rất phổ biến và kéo dài gần như xuyên suốt lịch sử giáo dục Phật giáo Việt Nam là các nhà sư thường không ngừng tìm cách ứng dụng hệ thống kiến thức Phật giáo vào thực tiễn xã hội chứ không phải là đầu tư thật nhiều công sức và trí tuệ cho hoạt động nghiên cứu Phật học. Với một số bậc cao tăng mà nhất là những bậc cao tăng đã có công khai sáng hoặc hoằng dương mạnh mẽ các dòng tu, tuy trình độ Phật học của họ rất uyên thâm nhưng đó không phải là hiện tượng phổ biến, càng không phải là hiện tượng đủ sức chi phối nền giáo dục Phật giáo. Thực ra, đây cũng là tình trạng chung của các nền giáo dục khác. Việt Nam từng có đến hàng ngàn bậc đại khoa Nho giáo nhưng lại rất hiếm nhà Nho thực thụ, có rất nhiều Đạo sĩ được đời ca tụng là cao tay ẩn nhưng có quá ít các nhà Đạo học. Các hệ tư tưởng khác được truyền bá tới Việt Nam thời cận đại và hiện đại cũng không phải là ngoại lệ.

Trong bối cảnh của tình hình đất nước trước đây, xu hướng ứng dụng là hoàn toàn cần thiết và phù hợp. Tuy nhiên, vạn vật hữu sinh tất hữu diệt, đến một thời điểm cụ thể nào đó, xu hướng ứng dụng nhất định sẽ dần dần bị đẩy lùi để ít nhất là dành một phần thỏa đáng cho quá trình tổng kết và nâng cao kiến thức hàn lâm. Nhất định trong tương lai không xa, một nền Phật học Việt Nam bề thế sẽ được

khai sinh và có ảnh hưởng quốc tế ngày càng rộng lớn.

5 . Tôi có may mắn được mời tham gia giảng bài cho Học viện Phật giáo tại Thành phố Hồ Chí Minh ngót 20 năm nay. Đây chính là một trong những cơ hội thuận lợi để tôi có thể tiếp cận với nền giáo dục Phật giáo Việt Nam hiện đại. Ngoài ra, vì lý do nghề nghiệp, tôi cũng từng có dịp đến viếng rất nhiều ngôi chùa lớn nhỏ trên khắp đất nước ta. Từ thực tiễn của quá trình khá lâu dài này, tôi mạo muội trình bày vài cảm nghĩ của mình về giáo dục Phật giáo hiện nay.

Thứ nhất, giáo dục Phật giáo Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ và đã khẳng định được vị trí riêng của mình. Căn tu và hạnh tu tuy vô cùng quan trọng nhưng nếu thiếu sự thông tuệ, dù ít hay nhiều cũng đều có thể gây nên những khó khăn rất khó lường cho ý nguyện không ngừng góp phần hoằng dương Phật Pháp. Bởi lẽ này, tôi thật sự cảm kích khi được chứng kiến sự khai sinh của hàng loạt cơ sở đào tạo từ sơ cấp đến cao cấp. Xưa, nhà Tây Sơn và nhà Nguyễn từng đặt ra 4 tiêu chuẩn bắt buộc phải có đối với người xuất gia tu hành. Một là phải từ 50 tuổi trở lên, hai là phải có lý tưởng tu hành, ba là phải có đạo hạnh và bốn là phải thông hiểu giáo lý. Trong 4 tiêu chuẩn nói trên, tôi chỉ ủng hộ tiêu chuẩn thứ hai và tiêu chuẩn thứ ba. Tiêu chuẩn thứ nhất chẳng những không ủng hộ mà tôi còn phản bác. Với tiêu chuẩn thứ tư, tôi nghĩ rằng

khi chưa xuất gia, nếu chưa thông hiểu giáo lý là điều bình thường, nhưng khi đã xuất gia lâu ngày mà không thông hiểu giáo lý là điều rất khó chấp nhận. Muốn được như vậy, ngoài nỗ lực tu tập cá nhân, giáo hội Phật giáo cần xây dựng một hệ thống đào tạo bắt buộc mà vẫn phù hợp với tình hình mới. Có một thời rất lâu dài trong lịch sử dân tộc, nhà sư là đội ngũ trí thức tin cậy của nước nhà, giờ đây, tuy quy chế giáo dục Quốc gia đã hoàn toàn khác trước nhưng đối với các nhà tu hành Phật giáo thì triết lý duy tuệ thị nghiệp vẫn phải tiếp tục được đề cao. Xin Giáo hội Phật giáo hãy tiếp tục tổ chức đào tạo như đã từng liên tục tổ chức đào tạo trong mấy chục năm gần đây vì đó là tâm nguyện chung của xã hội rộng lớn chứ không phải chỉ bó hẹp trong phạm vi xã hội mộ Phật.

Thứ hai, theo thống kê sơ bộ của tôi, số nhà tu hành Phật giáo có học vị Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ chiếm tỷ lệ khá lớn, trong đó, học vị do các Học viện và trường Đại học nước ngoài cấp cũng không phải là ít. Khi chúng ta đã và đang xây dựng một xã hội học tập, bất cứ ai đi học và đạt được học vị cao đều rất đáng mừng. Tuy nhiên, là một nhà giáo lâu năm, tôi luôn chân thành mong đợi nội dung của các luận án bậc cao đó sẽ phản ánh thật sâu sắc chất Phật học, thể hiện thật rõ đó là công trình nghiên cứu của một nhà tu hành Phật giáo. Tất cả các đề tài luận án khác tuy rất hay và cũng rất quan trọng nhưng sẽ hay hơn nữa, sẽ quan trọng hơn nữa nếu chúng ta có thật nhiều đề tài luận án thực sự đúng nghĩa là Phật học. Đây là một vấn đề không hề đơn giản nhưng cũng chính vì thế mà xã hội luôn tin tưởng những người theo học bậc cao sẽ ngoạn mục vượt qua.

Thứ ba, giáo dục không bao giờ chỉ gói gọn trong phạm vi trường lớp chính quy mà luôn tìm cách mở rộng, luôn sáng tạo những dạng thức mới hơn và phù hợp hơn đối với người học. Nhà Phật có ba lợi thế cần được phát huy mạnh mẽ. Một là hơn 16.000 ngôi chùa đang hiện hữu trên khắp lãnh thổ Việt Nam. Xin các nhà tu hành hãy tận tâm hướng dẫn cho chúng sinh thông qua hệ thống các nghi lễ, qua các buổi thuyết pháp và qua các sinh hoạt cộng đồng. Gần đây, một số nhà sư còn mạnh dạn tổ chức các lớp dự bị hôn nhân, rèn luyện kỹ năng sống cho nam nữ thanh niên và thậm chí còn cử hành hôn lễ cho không ít thiện nam, tín nữ trẻ tuổi nữa. Từ chối

các nhu cầu tự nhiên và có thật của muôn đời là điều không nên, vì thế, tôi ủng hộ những việc làm thiết thực này, với điều kiện là làm trong khuôn khổ giới luật cho phép và làm trong khả năng có thể của mình. Hai là, các cơ quan ngôn luận của Giáo hội như báo và tạp chí, chưa kể gần đây chính tôi còn được mời tham gia một số chương trình truyền hình do Giáo hội Phật giáo phối hợp thực hiện, hãy phát huy hết lợi thế to lớn của chính mình. Ai cũng biết tác dụng mạnh mẽ của phương tiện thông tin đại chúng nên việc nâng cao hiệu quả hoạt động của các tờ báo và tạp chí phải được coi là một nhiệm vụ quan trọng. Thông qua các cơ quan ngôn luận, Giáo hội Phật giáo nhất định sẽ đẩy mạnh hơn nữa quá trình hội nhập ngày càng sâu sắc với cộng đồng, kể cả cộng đồng ngoại đạo và khác đạo. Nếu có một bộ phận nào đó chưa hiểu Phật giáo thì đó là lỗi của họ, còn cơ quan ngôn luận của Giáo hội mà không quyết tâm làm cho bộ phận này hiểu đúng về Phật giáo thì lỗi thuộc về các cơ quan ngôn luận của Giáo hội. Ba là, hiện tại có rất nhiều nhà tu hành Phật giáo say mê nghiên cứu và chính họ đã chứng tỏ cho đời thấy trí lực cũng như bút lực rất dồi dào. Muốn thành công thì phải có chí cả và lòng đam mê nhưng muốn đạt được hiệu quả lớn lao và bền vững thì phải nhanh trí phát hiện ra những nhu cầu học hỏi rất chính đáng của xã hội. Tôi từng đọc không ít công trình được xuất bản nhờ sự tài trợ từ nhiều nguồn khác nhau. Là tác giả của 313 đầu sách đã được xuất bản và nhiều lần tái bản, tuy chưa từng nhận bất cứ một chút tài trợ nào của ai, tất cả đều ra mắt theo quy chế xuất bản chung của Nhà nước hiện hành, nhưng cũng không vì thế mà tôi đánh giá sai vai trò của nhà tài trợ. Điều tôi muốn tâm sự là khi đã có thuận lợi về kinh phí xuất bản, người cầm bút cần nghiên cứu thật kỹ về bạn đọc của mình. Có lẽ chúng ta nên cùng nhau nghiền ngẫm lại câu nói của bậc cao tăng Già La Đồ Lê: Hãy bắt đầu bằng việc nói cho bá tính biết những gì họ đang mong muốn biết chứ chưa vội nói với họ tất cả những gì chúng ta biết. Nên làm như thế và hãy cố gắng làm mãi như thế, vì Phật giáo là một phần của máu thịt văn hóa Việt Nam chứ không phải là một phương tiện trợ giúp nào đó của văn hóa Việt Nam. Tôi đang nghĩ như vậy còn đúng sai ra sao, xin các bậc tu hành cao minh hoan hỷ chỉ bảo cho. ■

Tính chất hòa bình của Phật giáo

Thích Phước Sơn
(tiếp theo & hết)

4. Độ lượng khoan dung trước những công kích

4a. Đức nhẫn nại của Đức Phật

Một thanh niên Bà la môn tên Ambattha đi đến hội chúng của dòng họ Thích Ca - dòng họ của Phật, không được hội chúng này tiếp đón niềm nở, nên khi gặp Đức Thế Tôn, ông đã chỉ trích dòng họ Thích Ca một cách kịch liệt:

"Này Gotama, thô bạo là dòng họ Thích Ca, khinh suất là dòng họ Thích Ca, hung dữ là dòng họ Thích Ca. Dòng họ Thích Ca thuộc thành phần đề tiện không kính nhường Bà la môn, không lễ bái Bà la môn, không tôn trọng Bà la môn. Này Gotama, như vậy thật không phải lễ, thật không đúng pháp".

Trước những lời chỉ trích thô lỗ, đầy vẻ giận dữ của Ambattha, Đức Phật đáp lại một cách từ hòa bình thản:

"Này Ambattha, đối với việc sơ suất nhỏ mọn của dòng họ Thích Ca, thật không đáng để cho người phải bức mình, nặng lời chỉ trích đến như thế" (Trường Bộ kinh I.90).

Người hộ trì chánh Pháp phải biết nhẫn nhục. Nhẫn nhục là biểu hiện sức mạnh nội tâm. Nhẫn nhục còn là phương thuốc thần hiệu để trị bệnh mình và bệnh người. Nhẫn nhục đúng lúc có thể cảm hóa người khác dễ dàng. Do đó, người hiểu chánh pháp ít khi tranh chấp với đời, như Đức Phật đã dạy trong Tương Ưng Bộ kinh:

"Này các Tỳ kheo, Ta không tranh luận với đời, chỉ có đời là tranh luận với Ta. Người nói Pháp không tranh luận với một ai ở đời. Cái gì người trí ở đời chấp nhận là "không", Ta cũng nói là "không". Cái gì người trí ở đời chấp nhận

là "có", Ta cũng nói là "có" (Tương Ưng Bộ kinh, III.165).

Sống không tranh chấp là nhờ có trí tuệ hiểu rõ lẽ phải trái, không bướng bỉnh, ngoan cố, mà luôn luôn cảm thông với tha nhân nên dễ dàng mở lượng bao dung với tất cả mọi người.

4b. Lòng khoan dung của Phật

Một hôm, Bà la môn Akkosaka Bharadvāja dùng đòn nỉm giận đến mắng nhiếc Đức Phật thậm tệ. Khi y trút cơn phẫn nộ xong, Thế Tôn ôn tồn hỏi:

-- Này Bà la môn, nếu như bà con thân hữu đến thăm người, người sửa soạn cỗ bàn thết đãi mà họ không nhận thì sao?

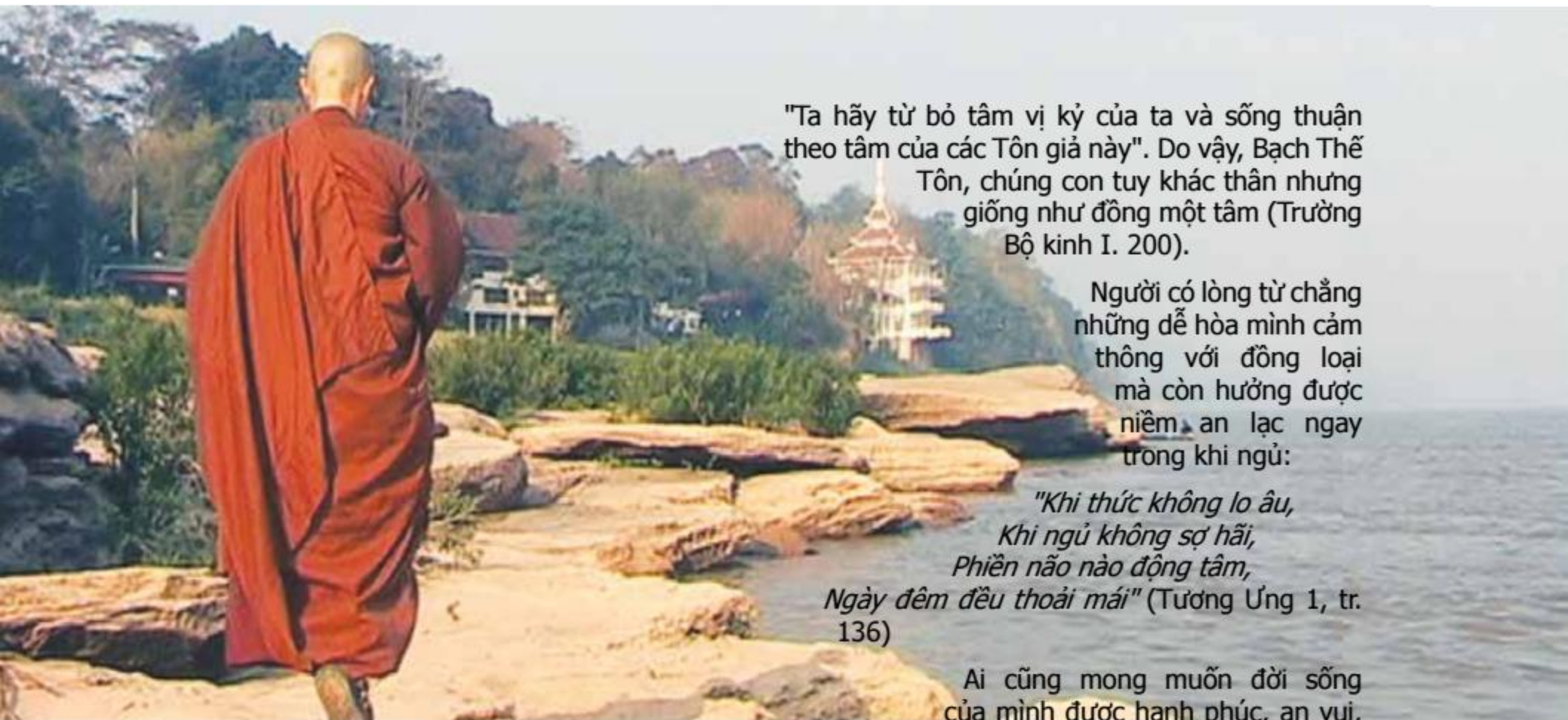
-- Nếu họ không nhận thì các thức ăn, thức uống ấy sẽ về lại chúng tôi.

-- Cũng vậy, này Bà la môn, nay người phỉ báng ta, mắng nhiếc ta, gây lộn với ta, nhưng ta không nhận; thế thì những sự việc ấy hẳn sẽ về lại với người thôi (Tương Ưng I.199).

Đối với những người có ác tâm hủy báng, Đức Phật thường kham nhẫn chịu đựng, hoặc khoan dung tha thứ, hoặc dùng những lời lẽ ôn hòa, nhã nhặn để đối thoại. Một phương pháp tuyệt diệu nhất của Phật là nêu ví dụ cụ thể để làm sáng tỏ vấn đề, khiến cho kẻ đối thoại thấy rõ được sai lầm, do đó, bày tỏ thái độ thành khẩn và phục thiện. Nhờ đức nhẫn nhục và lòng khoan dung, mà Phật đã cảm hóa được biết bao người như thế.

5. Trang trải từ tâm đối với muôn loài

Sứ mệnh của một Như Lai sứ giả là đem lại thanh bình, an lạc cho tất cả chúng sinh, nhưng



"Ta hãy từ bỏ tâm vị kỷ của ta và sống thuận theo tâm của các Tôn giả này". Do vậy, Bạch Thế Tôn, chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm (Trường Bộ kinh I. 200).

Người có lòng từ chẳng những để hòa mình cảm thông với đồng loại mà còn hưởng được niềm an lạc ngay trong khi ngủ:

*"Khi thức không lo âu,
Khi ngủ không sợ hãi,
Phiền não nào động tâm,
Ngày đêm đều thoải mái"* (Tương Ưng 1, tr. 136)

Ai cũng mong muốn đời sống của mình được hạnh phúc, an vui, nhưng ít ai nỗ lực từ tâm. Nếu ai tu tập từ tâm thuần thực người ấy sẽ hưởng được 11 lợi ích:

"Này các Tỳ kheo, từ tâm giải thoát được tu tập sung mãn, sẽ tác thành cỗ xe, thành căn cứ địa, nếu được tích lũy và phát triển sẽ thành tựu 11 lợi ích sau đây:

- Ngủ an lạc;
- thức an lạc;
- không ác mộng;
- được loài người ngưỡng mộ;
- được phi nhân ái kính;
- được chư Thiên bảo hộ;
- không bị lửa, thuốc độc, đao kiếm xúc chạm;
- được thiên định mau chóng;
- sắc mặt tươi sáng;
- khi mệnh chung không hôn ám;
- nếu chưa thể nhập thượng pháp (đắc quả A la hán) thì sẽ sinh lên Phạm Thiên giới". (Tăng Chi Bộ, IIIB.300).

"Chính nhờ lòng từ bi mà Phật giáo đã được truyền bá khắp một vùng rộng lớn ở châu Á một cách êm đẹp, không bao giờ có sự can thiệp của vũ lực hay uy thế chính trị, không một giọt máu nào phải đổ trong khi truyền giáo; không một cuộc chém giết nào xảy ra nhân danh Đạo Phật, hay nhân danh Đức Thế Tôn, thật là hãnh diện biết bao!" (Tiến sĩ K.N.Jayatilleke). ■

muốn cho muôn loài được hạnh phúc thật sự thì chính bản thân mình trước hết phải tu tập từ tâm. Chính phương pháp tu tập này, Đức Đạo Sư đã ân cần trao truyền cho các đệ tử:

"Này các Tỳ kheo, trong khi tu tập lòng từ, vị Tỳ kheo phải trang trải từ tâm khắp cả bốn phương, cùng khắp vô biên giới, với tâm từ quảng đại, không hận, không sân; đồng thời, cũng trang trải bi tâm, hỷ tâm, và xả tâm như thể đến với tất cả muôn loài" (Trung Bộ kinh I.38).

Là người, ai cũng muốn cộng đồng sinh hoạt chung sống hòa bình. Nhưng muốn chung sống hòa bình, trước hết, mỗi người phải từ bỏ tánh ích kỷ vị lợi của chính mình, mà tuân theo những quy luật xã hội để đem lại an vui, lợi lạc cho tập thể. Chính Tôn giả Anuruddhā đã phát biểu về nguyên tắc sống chung hòa bình ấy, khi bậc Đạo Sư hỏi thầy:

-- Này Anuruddhā, các người sống hòa bình hoan hỷ với nhau như nước hòa với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm như thế nào?

-- Bạch Thế Tôn ở đây chúng con nghĩ như sau: "Thật vô cùng lợi ích đối với ta, khi ta được sống chung với các vị đồng phạm hạnh như vậy". Bạch Thế Tôn, do vậy, đối với các vị đồng phạm hạnh này, con khởi lên ý nghĩ, lời nói và hành động từ bi khi họ có mặt cũng như khi họ vắng mặt. Bạch Thế Tôn, con nghĩ như sau:



Kinh Tâm Hoang Vu

HT. Thích Minh Châu

Đức Phật dạy, Tỷ kheo chưa diệt trừ 5 tâm hoang vu, chưa đoạn tận 5 tâm triền cái, thời không thể lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Chỉ khi nào diệt trừ 5 tâm hoang vu, đoạn tận 5 tâm triền cái mới có thể lớn mạnh trong Pháp và Luật này.

Vị nào thành tựu 15 pháp, tức là diệt trừ 5 tâm hoang vu, 5 tâm triền cái được đoạn tận, tu tập bốn như ý túc với nỗ lực (ussolīhi) là thứ năm, vị ấy có khả năng phá vỡ các phiền não với trí tuệ, có khả năng để đạt Chánh giác, có khả năng để đạt được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

Năm tâm hoang vu là nghi ngờ (1) Phật, (2) Pháp, (3) Tăng, (4) nghi ngờ các học pháp, do dự không quyết đoán, không có thỏa mãn, do vậy không hướng về nỗ lực, chuyên cần, tinh tấn, (5) phần nộ với các vị đồng Phạm hạnh, không có hoan hỷ, tâm tư chống đối cứng rắn, không hướng về nỗ lực chuyên cần, kiên trì, tinh tấn.

Năm tâm triền phược là vị Tỷ kheo (1) đối với các dục, (2) đối với tự thân, (3) đối với các sắc pháp, có tham ái, dục cầu, ái luyến, khao khát, nhiệt nảo, (4) vị Tỷ kheo ăn cho đến thỏa thuê, cho đến bụng chứa đầy, nặng nề khoái lạc sàng tọa, ngủ nghỉ, thụy miên, (5) vị Tỷ kheo tu Phạm hạnh mong cầu được sanh Thiên.

Bốn như ý túc là (1) Dục thiền định câu hữu với tinh cần hành, (2) Tinh tấn thiền định câu hữu với tinh cần hành, (3) Tâm thiền định câu hữu với tinh cần hành, (4) Tư duy thiền định câu hữu với tinh cần hành. Ví như con gà mái ấp ngò, ấp nóng, ấp dưỡng một số trứng, dù nó không mong cầu gì, các con gà con có đủ khả năng để phá vỏ trứng, thoát ra một cách an toàn.■

Đức Tin theo kinh Kalama



Khi nói về đức tin, Đức Phật đã dạy về 10 cơ sở của đức tin chân chánh:

- 1) Chớ vội tin điều gì, chỉ vì điều đó là truyền thuyết.
- 2) Chớ vội tin điều gì, chỉ vì điều đó thuộc về truyền thống.
- 3) Chớ vội tin điều gì, chỉ vì điều đó được nhiều người nhắc đến hay tuyên truyền.
- 4) Chớ vội tin điều gì, chỉ vì điều đó được ghi lại trong sách vở hay kinh điển.
- 5) Chớ vội tin điều gì, chỉ vì điều đó lý luận siêu hình.
- 6) Chớ vội tin điều gì, chỉ vì điều đó phù hợp với lập trường của mình.
- 7) Chớ vội tin điều gì, chỉ vì điều ấy phù hợp với định kiến của mình.
- 8) Chớ vội tin điều gì, khi điều đó được căn cứ trên những dữ kiện hời hợt.
- 9) Chớ vội tin điều gì, chỉ vì điều ấy được sức mạnh và quyền uy ủng hộ.
- 10) Chớ vội tin điều gì, chỉ vì điều ấy được các nhà truyền giáo hay đạo sư của mình tuyên thuyết.■

GIỚI LUẬT CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

Tk. Indachanda- Nguyệt Thiên (dịch)

PHẬN SỰ ĐỐI VỚI HỌC TRÒ

Ở trú xá nào người học trò cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác rến, nên làm sạch sẽ nếu có nỗ lực. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y và bình bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc. ...(như trên)... Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

Nếu có sự không hoan hỷ sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên làm cho dịu đi hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu mỗi nghi ngờ sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên làm cho tan biến hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu tà kiến sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên phân giải hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu người học trò bị phạm tội nặng xứng đáng hành phạt parivāsa, vị thầy dạy học nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hành phạt parivāsa cho học trò?" Nếu người học trò xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu, vị thầy dạy học nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể cho học trò (thực hành) trở lại từ đầu?" Nếu người học trò xứng đáng hành phạt mānatta, vị thầy dạy học nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hành phạt mānatta cho học trò?" Nếu người học trò xứng đáng sự giải tội, vị thầy dạy học nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho học trò?" Nếu hội chúng có ý định thực thi hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người học trò, vị thầy dạy học nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể không thực thi hành sự đối với học trò, hoặc đối thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực thi hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người học trò, vị thầy dạy học nên nỗ lực: "Làm thế nào để học trò có thể làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, và hội chúng có thể thâm hồi hành sự này?"



Nếu y của người học trò cần phải giặt, vị thầy dạy học nên hướng dẫn: "Người nên giặt như vậy," hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để y của học trò được giặt?" Nếu y của học trò cần phải may, vị thầy dạy học nên hướng dẫn: "Người nên may như vậy," hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để y của học trò được may?" Nếu thuốc nhuộm của người học trò cần phải nấu, vị thầy dạy học nên hướng dẫn: "Người nên nấu như vậy," hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của học trò được nấu?" Nếu y của người học trò cần phải nhuộm, vị thầy dạy học nên hướng dẫn: "Người nên nhuộm như vậy," hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để y của học trò được nhuộm?" Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Nếu người học trò bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời hoặc chờ đến khi người học trò khỏe lại.

Này các tỳ khưu, đây là phận sự đối với các người học trò của các vị thầy dạy học. Các vị thầy dạy học đối với các người học trò nên thực hành đúng đắn theo như thế. ■

Thiền định là gì?

Hoàng Phong chuyển ngữ
(tiếp theo)

Muốn thiền định thì phải làm thế nào?

Thiền định là cách giữ thân, hơi thở và tâm thức của mình luôn an trú trong hiện tại.

Nói một cách tổng quát thì chúng ta có thể tự xem mình là nơi hội ngộ giữa thân xác và tâm thức của chính mình. Tuy nhiên, cũng nên lưu ý là hình ảnh tạm mượn trên đây không phải là một khái niệm của Phật giáo (vì Phật giáo không xem tâm thức là một thực thể khác với thân xác), do đó, một người Phật giáo không được xem thân xác độc lập với tâm thức mà chỉ nên xem hơi thở đảm nhiệm một vai trò trọng yếu hơn trong việc chuyển tải sự sống và giúp cho chúng ta trở nên sinh động.

Phải chọn một tư thế ngồi thật đúng

Ngồi không phải chỉ có nghĩa là một động tác riêng rẽ của thân xác mà liên quan đến toàn diện con người của mình.

Trước hết bạn hãy ngồi xuống. Sau đó, thì hình dung ra hình ảnh của chính mình đang ngồi thật vững vàng trên mặt đất của địa cầu này.

Thân xác bạn biểu trưng cho một sự kết hợp giữa địa cầu và bầu trời cao, và con tim của bạn là chiếc vương miện của một vị đế vương. Hãy đặt chiếc vương miện của con tim bạn trở về đúng chỗ của nó (trên đầu mình). Sau đó thì hãy hình dung chiếc vương miện nằm uy nghi tại vị trí thật hoàn hảo ấy và đón chào nó. Đây là cách tự đặt mình vào một tư thế sẵn sàng để đón nhận bầu không gian của thực tại. Hãy cố gắng hòa nhập vào cái thể dạng hiện hữu đang phát động một cách tự nhiên ấy (không cần kêu gọi đến một sức mạnh thiêng liêng nào cả). Nhìn theo khía cạnh đó thì chỉ riêng tư thế ngồi cũng đủ để biểu trưng trọn vẹn cho toàn thể giáo huấn (tư thế ngồi không những chỉ liên hệ với thân xác mà còn phản ánh thể dạng tâm thần của mình nữa, sự liên kết đó giữa thân xác và tâm thức qua thể ngồi sẽ giúp buộc chặt



sự hiện hữu của mình vào thực tại - tức đang ngồi thật vững chắc trên mặt đất này - và đây cũng chính là nền móng căn bản nhất của giáo huấn nhà Phật).

Tùy theo học phái mà các lời hướng dẫn về phương pháp thiền định cũng có đôi chút khác biệt, tuy nhiên, tất cả đều xem trọng việc chuẩn bị cách ngồi như thế nào để có thể giúp người hành thiền hòa nhập vào thân xác của mình và giữ cho thân xác đó luôn thẳng đứng và trang nghiêm (tư thế ngồi rất quan trọng vì nó sẽ phản ánh thể dạng tâm thức của người hành thiền. Khi nhìn vào một người lão luyện đang ngồi hành thiền thì cũng có thể hình dung ra thể dạng tâm thần hay mức độ "nhập định" của người ấy. Tư thế ngồi của họ vững vàng như một trái núi, toàn thân tỏa ra một sự thanh thản, tĩnh lặng và trang nghiêm có thể khiến cho chúng ta phải bàng hoàng và kính phục).

Nếu bạn muốn ngồi đúng theo tư thế trên đây thì phải giữ lưng cho thật thẳng, đồng thời vẫn giữ được sự thoải mái. Cách ngồi đó sẽ giúp bạn cảm thấy được sự "vững chắc" và

"thẳng đứng" của lưng liên hệ mật thiết với sự "mềm mại" và "mở rộng" của lồng ngực - đây là một cách biểu trưng cho sự kết hợp giữa nghị lực giúp mình nhìn thẳng vào những gì là như thế và sự mong manh (của nhịp thở nơi lồng ngực) giúp mình trở nên mềm mại hơn.

Điều quan trọng là bạn phải giữ cho thân xác luôn thư giãn. Tùy theo học phái, hai chân có thể téo vào nhau theo tư thế hoa sen hay bán già, hoặc chỉ cần ngồi với hai chân gập lại cũng đủ. Tuy nhiên, cũng có thể ngồi trên ghế - cách ngồi này cũng tốt, thế nhưng phải giữ lưng thật thẳng và không được tựa vào lưng ghế (muốn cho thể ngồi được thoải mái và vững chắc, thì cần phải có một "tọa cụ", tức là một cái gối hình tròn, vuông hay bán nguyệt, nhồi bông, bề dày có thể gia giảm tùy theo từng người, đôi khi phải mất rất nhiều thời gian để điều chỉnh bề dày của tọa cụ sao cho thật thích hợp với mình. Cũng xin mạn phép nêu lên một chi tiết nhỏ khác là những người hành thiền trong các học phái Zen đều có những chiếc tọa cụ may đúng theo quy tắc, vải bằng chỉ sợi thiên nhiên, nhuộm bằng màu lấy từ vỏ cây, tọa cụ độn bằng các vật liệu thiên nhiên như bông gòn, rơm, hoặc các loại hạt phơi khô... Tuy nhiên, người mới tập có thể dùng bất cứ gì để ngồi, chẳng hạn như gối nằm hay một vật gì khác, mục đích là mong và hai đầu gối tạo ra ba điểm tựa giữ cho thể ngồi được vững chắc.

Dù sao thì bạn cũng không nên quá quan tâm hay lo lắng. Tư thế ngồi chưa phải là toàn bộ kỹ thuật tập luyện, đây chỉ là một cách "loan báo" trước thế thôi. Ngồi thật đúng cách cũng là để biểu lộ quyết tâm của mình nhằm giữ cho thân người luôn được thẳng, linh hoạt và không ngủ gục. Chọn cho mình cách ngồi như thế cũng có nghĩa là bắt chước theo hình ảnh nhập định của Đức Phật. Một cách để trở thành Phật. Dù sao thì đây cũng không phải là một phương tiện nhằm mong cầu đạt được một thứ gì cả. Tư thế ngồi thiền tự nó chỉ có nghĩa là sự tu tập. Có thể ví tư thế ngồi là một quả núi, mà người hành thiền có thể tìm thấy nơi đó một chỗ ẩn cư thuận lợi, dù là họ đang phải sống trong bất cứ một bối cảnh nào.

Sau khi ngồi xong thì tập thở!

Sau khi chuẩn bị xong cho tư thế ngồi, thì bạn hãy bắt đầu chú tâm vào hơi thở và sự chú tâm phải thật vững vàng, dù sao, thì đây cũng không có nghĩa là phải gồng mình lên mới theo dõi được hơi thở. Có thể ví sự chú

tâm như một chiếc neo giúp cho mình khỏi bị trôi dạt đi nơi khác. Cứ để cho không khí thâm nhập vào cơ thể mình, khiến cho bụng căng phồng và làm nở rộng lồng ngực, và sau đó, thì cứ để cho không khí tự nhiên trở ra và tan biến vào không gian. Không khí thâm nhập vào bạn và buộc chặt bạn vào mặt đất này, nó lưu chuyển xuyên qua thân xác bạn, và sau đó thì ra đi. Bạn không nên tìm cách giữ lại một thứ gì cả. Không đặt ra thêm một thứ gì cả. Chỉ cần xem đây là như thế.

Sau hết thì phải giải quyết thế nào với các ý nghĩ của mình?

Tất nhiên là không thể nào tránh khỏi các thứ ý nghĩ và xúc cảm đến viếng thăm bạn, kể cả trường hợp chúng có thể tràn ngập tâm thức bạn. Thế nhưng, chủ đích của phép thiền định là không nhằm vào việc xua đuổi chúng, mà đúng hơn là chỉ tìm cách để quan sát quá trình xuất hiện và biến mất của chúng. Thật hết sức quan trọng phải ghi nhớ điều này.

Không có gì sai lầm hơn khi cho rằng luyện tập thiền định là cách giúp tạo ra cho mình một thể dạng không còn ý nghĩ gì trong tâm trí mình nữa. Thật thế, thiền định không phải là một phương tiện giúp mình đạt được một thành tích nào cả!

Tất nhiên, là đôi khi chúng ta cũng có thể cảm thấy không được vừa ý lắm với các kết quả mang lại hoặc cũng có thể là hoàn toàn thất vọng sau khi nhận ra trong suốt buổi hành thiền mình chỉ thấy hiện ra toàn là những thứ chuyện tào lao vô tích sự, chúng liên tiếp thay nhau diễn ra trong tâm thức mình. Chủ đích của việc luyện tập là giúp thiết lập một mối tương quan đúng thật giữa chính mình và thực tại, thế nhưng, trên thực tế thì mình lại vướng vào một cuộc phiêu lưu bất tận! Tuy nhiên, cũng nên hiểu rằng luyện tập thiền định chính là cách giúp mình tiếp cận với thực trạng trên đây mà không bình luận gì cả (theo dõi sự vận hành của tư duy nhưng "dừng đứng" không diễn đạt hay phát lộ một xúc cảm nào dù đây là vui hay buồn, chỉ quan sát các tư duy hiện ra và biến mất đi, chúng không phải là mình, cũng không phải là của mình).

Phép luyện tập ấy thật đơn giản và dễ thực hiện. Ngoài sự chú tâm ra thì không có một mục đích nào khác hơn cần phải đạt được. Nhất thiết chỉ cần mở rộng lòng mình để tiếp đón bầu không gian biểu trưng cho sự hiện diện của mình và của thế giới mỗi khi chúng hiện ra thế

thời.

Thế nhưng tại sao phép luyện tập ấy lại khó thực hiện đến thế?

Nguyên tắc luyện tập thiền định tuy có vẻ đơn giản, thế nhưng cũng khá khó. Thật thế, thiền định không giống như tập thể dục, mà thật ra là một phương pháp toàn vẹn giúp cải biến tất cả những gì có thể làm phương hại đến bầu không gian sâu rộng của sự sống.

Đôi khi chúng ta cũng muốn đem ra thực hành những gì đã học được trong sách vở, thế nhưng khi bắt tay vào thì lại dễ thôi chí.

Chúng ta chỉ muốn có kết quả ngay tức khắc. Sự kiện này cũng dễ hiểu thôi, bởi vì chúng ta đều là nạn nhân của cuộc chạy đua nhằm vào hiệu quả và xu hướng hưởng thụ tối đa, cũng như của tình trạng thiếu kiên nhẫn đang lan tràn khắp nơi ngày nay. Thiền định trước hết là một nghệ thuật sống, thế nhưng, ngày nay thì cái nghệ thuật ấy đã biến mất trong thế giới phương Tây (thật ra thì nó cũng đã biến mất trong thế giới phương Đông khi cái thế giới này chỉ biết nhìn vào lý tưởng và các giá trị vật chất của các xã hội phương Tây). Thiền định luôn đòi hỏi phải kiên nhẫn và quyết tâm.

Thiền định cắt đứt cội rễ của lòng tham, chỉ mong sao cho mọi sự xảy ra thật dễ dàng, thí dụ như khi bật đèn thì ánh sáng phải tỏa ra ngay tức khắc. Nếu chỉ biết nhìn mọi sự theo cách đó thì bạn sẽ chẳng bao giờ có thể trở thành một người hành thiền thành thạo được, và cũng sẽ chẳng chủ động được một thứ gì cả. Có phải mỗi ngày, khi dọn cơm thì chúng ta lại phải bày biện bát đĩa hay không? Có phải mỗi ngày chúng ta lại phải đối đầu với đủ mọi thứ xao lãng và các lầm lỗi của mình hay chẳng? Chúng ta chỉ có thể thắng tiến trên con đường thiền định khi nào đủ sức tự biến cải mình nhanh hơn ảnh hưởng chi phối bởi mọi thứ hoang mang. Thật hết sức quan trọng không được xem các thứ hoang mang ấy như là các trở ngại cần phải loại bỏ, mà nên xem chúng là những cơ hội nhằm giúp mình gia tăng gấp đôi sức mạnh của sự chú tâm trong cuộc sống.

Thật lạ là giai đoạn đầu bao giờ cũng dễ. Khi mới khởi sự luyện tập thì tình trạng tâm thần của mình thường chưa đủ sáng suốt, và cũng chính vì thế nên chúng ta nhận thấy dễ dàng hơn các hiệu quả mang lại, kể cả một sự tỉnh táo nào đó. Thế nhưng, càng luyện tập

thì chúng ta lại càng thấy hiện ra các khó khăn tinh tế hơn, do đó, chúng ta cũng sẽ phải khéo léo hơn để có thể loại bỏ được chúng. Nhờ thế, chúng ta cũng sẽ biết sử dụng việc luyện tập thành thạo hơn để bảo vệ mình trước những thứ gai góc của thực tại. Nếu nhìn theo góc cạnh đó, thì chúng ta cũng sẽ hiểu được dễ dàng tại sao thiền học Zen lại khuyên người hành thiền phải luôn giữ "tinh thần của một người mới tu tập".

Riêng tôi thì tôi rất thích câu chuyện sau đây của thiền sư Shunryu Suzuki, một trong số các vị thầy lớn nhất của thế kỷ XX (xin chú ý Shunryu Suzuki, 1904-1971, không phải là Daisetz Teitaro Suzuki, 1870-1966, thế nhưng, người ta lại thường hay nhầm lẫn giữa hai vị này, khiến đôi khi Shunryu Suzuki phải thốt lên: "Tôi nào có phải là vị Suzuki vĩ đại đâu, tôi chỉ là một tên bé tí". Câu chuyện như sau: Có 4 con ngựa khác nhau, một con thật xuất sắc, một con khá tốt, một con trung bình và một con thật tệ. Con ngựa giỏi nhất thì phóng nước đại một cách dễ dàng. Nó đoán trước được ý nghĩ của người kỵ mã trước khi nhìn thấy bóng của chiếc roi ngựa đưa lên. Con thứ hai thì cũng phóng nhanh như con trước, và phản ứng trước khi chiếc roi chạm vào người nó. Con thứ ba thì chỉ phóng khi nào ngọn roi quất vào da thịt nó, và làm cho nó đau điếng. Con thứ tư thì chỉ phóng khi nào sự đau đớn bắt đầu ăn sâu vào xương tủy của nó.

Khi nghe câu chuyện trên đây, thì có lẽ tất cả chúng ta đều mong được như con ngựa thứ nhất, hay ít ra thì cũng phải được như con thứ hai. Thế nhưng, nếu mong muốn được như thế trong khi luyện tập thì quả chúng ta không phải là người khôn ngoan.

Đối với việc luyện tập, thì con ngựa tệ nhất lại là con ngựa xuất sắc nhất. Chính sự khiếm khuyết của bạn mới đúng là những gì sẽ giúp bạn bước vào con đường một cách vững chắc nhất. Thói thường, những người gặp nhiều khó khăn khi luyện tập lại chính là những người sẽ tìm thấy ý nghĩa sâu xa nhất trong việc tu tập của mình (tác giả muốn trấn an và khuyến khích chúng ta đấy).

Dù có gặp khó khăn khi luyện tập hay trong những lúc tìm cách để quay về với thực tại, thì cũng không nên xem đây là các dấu hiệu bất lợi. Quyết tâm đơn giản được ngồi xuống mặt đất này và giữ lưng cho thật thẳng, để hòa nhập với thực tại đang hiển hiện ra mới là điều quan trọng hơn cả (còn tiếp). ■



LỘ TRÌNH SẮC PHÁP

Tk. Pasādo (tiếp theo)

2. Cittajarūpa – Sắc Tâm: là sắc được sanh vào sát na sanh của Tâm hữu phần thứ 1. Tuy nhiên, việc sanh của loại sắc Tâm này lại khác biệt với sắc Nghiệp, vì lẽ đặc biệt chỉ sanh khởi vào từng mỗi sát na sanh của Tâm. Còn tuổi thọ của loại sắc này khi đã sanh khởi thì hiện diện bằng với tuổi thọ của 17 sát na Đại của Tâm hoặc 51 sát na Tiểu của Tâm, tương tự với sắc nghiệp.

Do đó, trong từng mỗi sát na Sanh, Trụ, Diệt của Tâm hữu phần thứ 1 sẽ có số lượng là 1, 1, 1 tổng hợp sắc Tâm sanh khởi và hiện diện bằng nhau.

Tiếp nối đến sát na sanh của Tâm hữu phần thứ 2, thì lại khởi sanh 1 tổng hợp sắc Tâm lần nữa, kết hợp lại được 2 tổng hợp sắc Tâm, là tính cả tổng hợp sắc Tâm hiện diện ban đầu, và như vậy, trong sát na Sanh, Trụ, Diệt của Tâm hữu phần thứ 2 có số lượng là 2, 2, 2 tổng hợp sắc Tâm bằng nhau.

Và như thế, với phương thức này diễn tiến liên tục cho đến sát na Diệt của Tâm Khai ý môn thì tổng hợp sắc Tâm mà đã sanh khởi từ sát na sanh của Tâm hữu phần thứ 1 bắt đầu diệt mất.

Tuy nhiên, trong sát na Diệt của Tâm Khai ý môn cũng vẫn phải tính tổng hợp sắc Tâm mà đang diệt vào, vì lẽ trong sát na đang diệt vẫn phải tính vì vẫn còn hiện hữu.

Do nhân này, trong các sát na Sanh, Trụ, Diệt của Tâm Khai ý môn có được số lượng là 17, 17, 17 tổng hợp sắc Tâm sanh khởi và hiện diện theo thứ tự.

Tiếp theo sau, Tâm Khai ý môn này diệt mất và một sát na Tâm mới sanh khởi làm thay đổi thực tính thành Tâm Đồng lực, thì tổng hợp sắc Tâm mà sanh khởi từ sát na sanh của Tâm hữu phần thứ 1 mới diệt tuyệt mất.

Cũng chính với phương thức này, mà có được

17 tổng hợp sắc Tâm được hiện hữu từ sát na Diệt của Tâm Khai ý môn cho đến sát na sanh của Tâm Đồng lực thì sẽ chỉ còn lại hiện hữu 16 tổng hợp sắc Tâm.

Tuy nhiên, ngay sát na sanh của Tâm Đồng lực thì lại có một tổng hợp sắc Tâm sanh khởi mới, do đó, trong sát na sanh của Tâm Đồng lực thì sẽ có thể hiện hữu 17 tổng hợp sắc Tâm và như vậy đi suốt.

3. Kammapaccayautujarūpa – Sắc Quý tiết duyên nghiệp: Là sắc quý tiết được sanh do sắc nghiệp làm duyên. Có ý nghĩa là ngay khi sắc nghiệp sanh khởi và hiện diện vào sát na Trụ, lại làm duyên cho sắc Quý tiết này sanh khởi.

Như thế, vị trí của việc sanh khởi, hiện diện, diệt mất hoặc là số lượng của loại sắc này sanh khởi, hiện diện và diệt mất thì hoàn toàn hiện hành tương tự với sắc nghiệp, có thể sai biệt nhau chỉ là chênh lệch với một sát na mà thôi.

Ví như, ba tổng hợp sắc nghiệp sanh khởi vào ba sát na sanh của Tâm tái tục thì ba tổng hợp sắc Quý tiết duyên nghiệp sanh khởi vào sát na Trụ của cùng một sát na Tâm tương tự với nhau, và ba Tổng hợp sắc nghiệp diệt vào sát na Diệt của Tâm hữu phần dứt dòng thì ba tổng hợp sắc Quý tiết duyên nghiệp này sẽ diệt vào sát na sanh của Tâm Khai ý môn, sẽ chênh lệch với tổng hợp sắc nghiệp này một sát na với nhau.

Do đó, sẽ có số lượng tối đa của sắc Quý tiết duyên nghiệp sanh khởi và hiện diện cũng tương tự với sắc nghiệp là 153 tổng hợp sắc Quý tiết duyên nghiệp và số lượng tối đa này hiện hữu trong sát na sanh của Tâm Khai ý môn, nghĩa là chênh lệch với nhau một sát na với tổng hợp sắc nghiệp đang có ở sát na Diệt của Tâm hữu phần dứt dòng.

Và có thể có bấy nhiêu số lượng này cho suốt đến khi tổng hợp sắc nghiệp sẽ thay đổi thành

chủng loại khác.

4. Cittapaccayautujarūpa – Sắc Quý tiết duyên tâm: Là Sắc quý tiết được sanh do sắc Tâm làm duyên. Có ý nghĩa là ngay khi sắc Tâm sanh khởi và hiện diện vào sát na Trụ, lại làm duyên cho sắc Quý tiết này sanh khởi, là cũng cùng một phương thức với sắc nghiệp làm duyên cho sắc quý tiết duyên nghiệp được sanh khởi.

Như thế, sắc quý tiết duyên tâm bắt đầu sanh khởi vào sát na Trụ của Tâm hữu phần thứ 1, chênh lệch với nhau một sát na với sắc Tâm và bắt đầu diệt mất vào sát na sanh của Tâm đồng lực.

Tuy nhiên, trong sát na sanh của Tâm đồng lực cũng vẫn phải tính sắc quý tiết mà đang diệt mất vào. Do đó, khi đến sát na Trụ của Tâm đồng lực thứ 1, chỉ còn lại 16 tổng hợp sắc quý tiết duyên Tâm, nhưng cũng ngay trong sát na Trụ lại sanh khởi mới một tổng hợp sắc quý tiết duyên tâm, như thế có được số lượng 17 tổng hợp bằng như cũ, và sẽ tồn tại với phương thức này đi suốt trọn.

5. Utupaccayautujarūpa – Sắc quý tiết duyên quý tiết: Là sắc này được sanh khởi do cả hai sắc quý tiết duyên nghiệp và sắc quý tiết duyên Tâm làm duyên. Có ý nghĩa là cả hai loại sắc này sanh khởi và hiện diện đến sát na Trụ, lại làm duyên cho sắc quý tiết duyên quý tiết sanh khởi.

Như thế, việc sanh khởi, hiện diện và diệt mất của loại sắc này thường hiện hành trong cùng một phương thức với cả hai loại sắc đã làm duyên, chỉ chênh lệch với nhau một sát na mà thôi.

Ví như, ba tổng hợp sắc quý tiết duyên nghiệp sanh khởi vào sát na Trụ của Tâm tái tục thì ba tổng hợp sắc quý tiết duyên quý tiết sanh khởi vào sát na Diệt của cùng một sát na Tâm với nhau.

Và khi một tổng hợp sắc quý tiết duyên tâm sanh khởi vào sát na Trụ của Tâm hữu phần thứ 1, thì tổng hợp sắc quý tiết duyên quý tiết sanh khởi vào sát na Diệt của cùng một sát na Tâm với nhau.

Tập hợp nhau lại với 12 tổng hợp sắc quý tiết duyên nghiệp đang sanh khởi liên tục và đang hiện diện vào sát na Trụ của cùng một sát na Tâm hữu phần với nhau thì sẽ thành là 13 tổng hợp sắc quý

tiết duyên quý tiết hiện hữu trong sát na Diệt của Tâm hữu phần thứ 1 này.

Hoặc nói một cách khác, là ngay sát na Trụ của Tâm hữu phần thứ 1, có 12 tổng hợp sắc quý tiết duyên nghiệp với một tổng hợp sắc quý tiết duyên tâm sanh khởi và hiện diện. Như thế, sẽ có được 13 tổng hợp sắc quý tiết duyên quý tiết sanh khởi và hiện diện vào sát na Diệt của Tâm hữu phần thứ 1 này.

Và số lượng của sắc quý tiết duyên quý tiết sẽ tăng lên theo phương thức này một cách liên tục cho đến sát na Trụ của Tâm Khai ý môn sẽ có được 169 tổng hợp sắc quý tiết duyên quý tiết sanh khởi và hiện diện, là kết quả của 153 tổng hợp sắc quý tiết duyên nghiệp và 16 tổng hợp sắc quý tiết duyên tâm đã sanh khởi và hiện diện trong sát na Sanh của Tâm Khai ý môn.

Tiếp đến, vào sát na Trụ của Tâm Khai ý môn thì có ba tổng hợp sắc quý tiết duyên nghiệp đã được sanh khởi vào sát na Trụ của Tâm tái tục sẽ diệt mất. Tuy nhiên, vào sát na Trụ của Tâm Khai ý môn lại sanh khởi mới ba tổng hợp sắc quý tiết duyên nghiệp nữa, và sẽ hiện hữu lại tròn 153 tổng hợp như ban đầu, và 16 tổng hợp sắc quý tiết duyên tâm đã hiện hữu lúc ban đầu mà vẫn chưa diệt mất, lại sanh mới một tổng hợp sắc quý tiết duyên tâm vào sát na Trụ, thành ra có được 17 tổng hợp, như thế đến sát na Diệt của Tâm Khai ý môn thì đã có 170 tổng hợp sắc quý tiết duyên quý tiết hiện hữu với số lượng chỉ có bấy nhiêu, và sẽ diễn tiến liên tục như vậy cho đến khi sắc nghiệp sẽ thay đổi thành chủng loại khác.

Còn phần sắc vật thực vẫn chưa sanh trong khoảng thời gian này và việc tập hợp tổng hợp sắc được hiện hữu trong từng mỗi sát na Tâm cũng không có nhân quả nào là đặc biệt đáng để cho nói đến (còn tiếp). ■



Các nhà chiêm bái THÀNH TÍCH PHẬT GIÁO ẤN ĐỘ

Nhà báo Hoa Cúc (dịch)
theo middle land and middle way

Nhà Vua Asoka

Sau khi Đức Phật nhập Vô Dư Niết Bàn vào năm 483 trước CN, nhiều Phật tử đã đến viếng thăm



những địa điểm quan trọng trong cuộc đời Đức Phật. Tuy nhiên, việc ghi chép lịch sử đầu tiên chúng ta có được liên quan đến một người đã thực hiện chuyến hành hương đầu tiên đó là một vị hoàng đế Ấn Độ vĩ đại là Hoàng đế Asoka, hay như ngài thường tự ám chỉ về mình, là Piyadasi, (Quý Tử Chư Thiên - người được chư vị thần linh sủng ái). Sau khi được phong vương vào năm 270 trước CN trở thành Hoàng đế thứ ba đế chế Mauryan, ngài nhận thừa hưởng một đế chế rộng lớn trải dài từ Afghanistan tới

Bangladesh bao gồm toàn bộ đất nước Ấn Độ chỉ trừ một dải đất về hướng Nam mà hiện nay ta gọi là bang Orissa, vào thời đó có tên gọi là Kalinga. Một cuộc chiến tranh giành quyền ngôi vua đã bùng nổ sau khi ngài được phong vương, trong cuộc chiến đó Asoka đã ra lệnh giết chết một số lớn các anh em của mình.

Tám năm sau, ngài lại gây ra một cuộc chiến bành trướng Kalinga, trong cuộc chiến đó, theo chính lời ngài kể lại: "Một trăm năm mươi ngàn người bị lưu đày cầm tù, một trăm ngàn người bị giết và rất nhiều người nữa phải chết vì nhiều nguyên nhân khác". Bài học đó, Asoka đã thực sự ân hận và đã biến đổi sâu sắc nơi chính tâm tâm vị hoàng đế đã ảnh hưởng rất lớn phong cách cai trị thần dân và đặc biệt, đến cách đối xử với Phật giáo. Ngài đã trở thành một Phật tử ngoan đạo và rồi cố gắng hết sức để cai trị toàn bộ đế chế của mình theo đúng những nguyên tắc Phật giáo. Ngài đã từ bỏ chính sách bành trướng ngoại bang, đã cải cách guồng máy cai trị và hệ thống tư pháp và đã đi những bước rất tích cực để cổ vũ hòa hợp giữa các tôn giáo. Ngài đã giới thiệu thảo dược vào các vùng là nơi không thể tận dụng được những dược liệu đó, và ngài cũng nghiêm cấm săn bắn nhiều chủng loại động vật quý hiếm hoang dã. Nhưng liên quan đến toàn bộ những cải cách đổi mới của nhà vua Asoka, những cố gắng lan truyền Phật giáo của ngài đã đem lại hậu quả tích cực lâu dài nhất. Chính ngài đã tổ chức Đại hội Phật giáo thứ ba ngay tại thủ đô Patna vương quốc của ngài, ngài đã thống nhất nhiều Tăng đoàn và rồi thỉnh nhiều vị sư kinh nghiệm đi hoằng Pháp trên toàn cõi Ấn Độ, đến tận nước Syriya, Ai Cập và Macedonia. Những phái đoàn hoằng Pháp hải ngoại thành công nhất ta phải kể đến một phái đoàn do chính con trai của ngài đứng đầu, đó là nhà sư Mahinda, đã được cử đến Sri Lanka.

Huyền sử cũng kể lại rằng, Asoka đã mở cửa bầy trong số tám bảo tháp đã được xây cất thờ xá lợi

của Đức Phật, ông phân chia xá lợi của Đức Phật thành 84.000 phần và ngài xây 84.000 bảo tháp để tôn thờ. Mặc dù con số này rõ ràng là một phóng đại, không nghi ngờ gì vì có rất nhiều các bảo tháp tại Ấn Độ đã được xây dựng đầu tiên vào thời kỳ Mauryan. Một trong số những câu ghi khắc trên bia đá Asoka đã cho chúng ta biết rằng, chính ngài đã từ bỏ thói quen thông thường của một vị vua là thực hiện những chuyến du hý, mà thay vào đó, ngài đã bắt đầu thực hiện những chuyến hành hương. Vào năm 260 trước CN Asoka đã thực hiện chuyến hành hương tới Bodh Gayā và 10 năm sau ngài hành hương đến Lumbini.

Khách hành hương hiện đại vẫn có thể nhận ra ảnh hưởng của nhà vua Asoka tại miền Trung Thổ, và quả thật tại rất nhiều nơi xuyên suốt đất nước Ấn Độ, nơi những cột đá vĩ đại ngài đã xây dựng. Các cột đá này được sử dụng để ghi lại những chỉ dụ ngài đã ban hành trong suốt triều đại 38 năm ông cai trị để chế, đã đánh dấu rất nhiều những địa danh thánh địa và cũng để ghi lại con đường hành hương từ Thủ đô của nhà vua cho tới Lumbini nơi Đức Phật giáng lâm. Các cột đá đó ngày nay vẫn đứng đó, làm chứng cứ thầm lặng cho một thiên tài thẩm mỹ và công nghệ của những người Ấn Độ cổ đại. Mặc dù một số các cột đá này hiện đã bị hư hoại, mà cây cột cao nhất lên tới 15 mét và toàn bộ các cột đá này biểu lộ một dáng cao đáng kinh ngạc vẫn còn tồn tại sau nhiều thế kỷ phơi mình dưới sương gió. Mỗi cột đều được đặt một vương miện đá trên đầu, đôi khi là một con bò linh hay một con sư tử, một số các cột đá này được công nhận là những kiệt tác của nghệ thuật Ấn Độ. Tất cả các cột đá đó được chế tác tại các vùng khai thác đá Chunar miền Nam thị trấn Vārānasi, và từ đó được kéo tới những địa điểm xây dựng đôi khi cách xa hàng trăm cây số, là địa điểm được dựng cột.

Fa Hien (Pháp Hiển)

Ngài là người hành hương khá sớm, sau này là

một dòng thác các vị hành hương thánh địa Phật giáo đến từ Trung Hoa, chính là nhà sư Fa Hien nổi nóng muốn thỉnh cho được những bản văn Kinh Phật nguyên thủy, và để có dịp viếng thăm thánh địa tại Ấn Độ, nhà sư Fa Hien và ba vị đồng nghiệp đã lên đường vào năm 399 sau CN liên quan đến điều sau này được gọi là một trong những chuyến du hành mạo hiểm thực sự vĩ đại nhất trong lịch sử. Không nói được tiếng bản địa ngoài tiếng Trung Hoa, với nguồn tài chánh eo hẹp, và chỉ biết rằng Ấn Độ nằm đâu đó một cách mơ hồ về hướng Tây. Nhà sư Fa Hien và các đồng nghiệp của ông chẳng có được bất kỳ hướng dẫn nào, và chẳng nhận được bất kỳ sự trợ giúp nào ngoại trừ niềm tin. Bằng qua sa mạc Taklamakan khủng khiếp, vật duy nhất đánh dấu bước đường đi chính là những chiếc xương khô nằm rải rác của những khách du hành kém may mắn đi trước. Các vị hành hương vượt qua thị trấn ốc đảo Khotan, vượt qua rừng núi Kush của những người Hindu, và cuối cùng đã đến được Pesawar, tại đó, các ngài đã phải ngây ngất trước một bảo tháp thật to lớn do nhà vua Kaniskha xây dựng, rất có thể đây là tòa nhà cao nhất thế giới cổ đại vào thời điểm họ tới vùng Trung Thổ, hai trong số các vị hành hương đã phải bỏ mạng dọc đường, chỉ để lại một mình Fa Hien và người bạn thân của ông tên là Tao Ching để đi tiếp cuộc hành trình. Hai người đã thăm viếng rất nhiều đền chùa, thiền viện và những địa điểm có liên quan đến chính cuộc sống của Đức Phật xuyên suốt khắp vùng Trung Thổ. Trong ba năm họ lưu lại tại Patna, học các tác phẩm và ngôn ngữ tiếng Phạn, đồng thời ghi chép ra các bản văn Giới Luật (Vinaya).

Khi đã đến lúc phải tiếp tục cuộc hành trình, Tao Ching liền thưa với Fa Hien rằng "Con muốn lưu lại trên mảnh đất chánh Pháp đã được mọi người am hiểu tường tận, và cũng muốn đem ra thực hành nghiêm túc". Nén cơn xúc động, Fa Hien phải tiếp tục cuộc hành trình một mình. Ngài lưu lại hai năm nữa tại thị trấn Tamralipti biên chép nhiều hơn các bản văn Kinh Phật và rồi xuống một con tàu men theo bờ biển phía Đông để tới đảo quốc Sri Lanka. Vì ở Ấn Độ, Fa Hien thấy Phật giáo tại hòn đảo này đang phát triển mạnh mẽ và ngài có thể thỉnh được những bản Kinh Phật như Trường Bộ kinh, Trung Bộ Kinh và các bản Kinh Phật khác nữa ngài chưa biết khi còn ở Trung Hoa vào thời điểm đó. Một hôm, khi đến thăm một ngôi chùa, ngài chứng kiến một người mộ đạo cúng dường một chiếc quạt Trung Quốc cho chùa làm cho Nhà sư xa quê hương đã nhiều năm đến nay khi những hoài niệm về quê cha đất tổ bất ngờ trào dâng trong tâm trí ngài và hai mắt ngài đầm lệ. Đã đến thời phải trở về quê hương. Ngay sau đó, ngài lên tàu cùng với 200 hành khách đi về hướng quần đảo Java. Rời hải cảng được hai ngày, một cơn bão



mạnh nổi lên và con tàu bị thủng lỗ. Hành khách và thủy thủ đoàn bắt đầu ném hàng hóa quá tải xuống biển, cố gắng để cứu con tàu khỏi chìm xuống đáy biển. Ngài Fa Hien cũng bỏ những đồ đạc cá nhân xuống biển hy vọng là thủy thủ đoàn không yêu cầu ngài phải từ bỏ những tập Kinh Phật quý giá mà ngài đã trải qua nhiều năm thu thập được trong chuyến hành hương. Nhà sư cầu nguyện Bồ tát Avalokitesvara không để cho ngài phải chết sau khi ngài đã tới được những vùng đất xa xôi, chịu đựng biết bao nhiêu khổ cực và sống sót sau biết bao nhiêu nguy hiểm rình rập. CƠn bão kéo dài suốt 13 ngày và cuối cùng họ đã tấp vào một hòn đảo, sửa chữa tàu và sau đó tiếp tục cuộc hải trình.

Fa Hien lưu lại Java năm tháng và nhận ra đạo Hindu là tôn giáo chính dân chúng ở hòn đảo này đang theo, mặc dù cũng có một số ít tín đồ Phật giáo. Cùng với hai trăm hành khách và thực phẩm đầy ngài lại lên một con tàu khác tiếp tục cuộc hải trình trong vòng năm mươi ngày, ngài lại một lần nữa tiếp tục cuộc hành trình hướng về quê nhà. Sau khi đã lên đến trên biển được một tháng, con tàu lại gặp một cơn bão và sau khi đã bàn bạc với nhau, những người Bà la môn trên tàu tuyên bố rằng: "Chính vì lẽ có một vị ẩn sĩ Phật giáo trên tàu mà chúng ta không gặp may. Nào chúng ta hãy bỏ lại nhà sư này trên hòn đảo đầu tiên chúng ta đến được, để tất cả chúng ta không phải chết chỉ vì sự có mặt của một người". Vào giây phút nguy kịch này, một hành khách Phật tử là bạn thân với Fa Hien lên tiếng nói rằng: "Nếu các người quyết định bỏ lại nhà sư này trên hoang đảo, tốt hơn các ngài cũng nên bỏ tôi lại hay giết tôi nữa thì hơn. Bởi lẽ nếu các người bỏ nhà sư này lại trên bờ, khi đến Trung Quốc, tôi sẽ đến gặp nhà vua và tố cáo các ngài vì Hoàng đế Trung Hoa là người rất mộ đạo Phật, ngài đặt niềm tin vững vàng nơi Phật Pháp, và ngài cũng rất kính trọng các nhà sư". Lời đe dọa này khiến cho thủy thủ đoàn im lặng, nhưng cuộc hải trình còn lại rất cam go cho nhà sư Fa Hien. Khi nhà sư về lại quê hương Trung Quốc vào năm 474 sau CN ngài đã xa quê hương cả thảy được 14 năm. Ngài viết một bài hồi ký về chuyến đi mang tính chất sử thi mà ngài đã trải

qua, cuộc đời còn lại ngài dịch các kinh Phật đã thỉnh về, sau đó, ngài qua đời ở tuổi 88.

Fa Hien không chỉ là người hành hương can trường, mà ngài còn có tính khiêm tốn, trung tín, hỷ xả và có một niềm tin vững vàng nơi Tam bảo đã làm cho mọi người biết đến ngài, đều yêu mến ngài vô hạn. Một nhà sư đồng nghiệp nhớ đến Fa Hien đã kể lại cho những vị sư cùng sống chung trong thiền viện nơi vị đó sinh sống bằng những lời lẽ như sau:

Vào cuối mùa an cư kiết hạ thứ 12, để chế Y Hsi năm 416, chúng tôi được hân hạnh đón tiếp Tỳ khưu Fa Hien. Trong khi ngài còn lưu lại tại thiền viện chúng tôi, khi ngài thuyết pháp, chúng tôi đã liên tục hỏi ngài về chuyến hành hương thánh địa Phật giáo tại Ấn Độ mà ngài đã thực hiện, và chúng tôi cảm thấy ngài là một người khiêm tốn, lịch sự nhã nhặn, ngài đã trả lời những câu hỏi chúng tôi rất chân tình và trung thực. Chính vì thế, chúng tôi yêu cầu ngài kể thêm nhiều chi tiết về chuyến đi mà trước đó ngài đã kể ngắn gọn. Chính vì thế, ngài đã kể lại chi tiết hơn từ đầu đến cuối. Ngài nói khi tôi nhìn lại những gì tôi đã hiểu ra ngài kể tiếp: "Tôi bắt đầu đập thành thịch và mồ hôi toát ra. Tôi đã mạo hiểm trước đủ loại hiểm nguy mà không chút đắn đo gì về bản thân mình, bởi lẽ tôi đã xác định mục tiêu và đơn giản bởi lẽ tôi đã quyết một lòng đến cho được những điểm thánh địa đó. Đó chính là lý do tại sao tôi đã lao vào chuyến hành hương mà chết là điều nằm chắc trong tay, và tôi đã may mắn sống sót chỉ trong gang tấc". Chúng ta rất cảm kích trước những gì ngài Fa Hien tường trình. Một con người như vậy thật vô cùng hiếm thấy vào thời cổ đại, và ngay cả ở thời hiện đại ngày nay nữa. Có thể nói phương Đông, chẳng có ai sánh bằng Fa Hien trong chuyến hành hương nghiên cứu thỉnh Kinh Phật. Từ điểm này, chúng ta có thể biết được rằng với lòng chân thực ta có thể làm được bất kỳ điều gì, và ta cũng có thể hoàn thành được tất cả mọi sự, một khi ta có quyết tâm vững vàng. Bởi lẽ không xác thực khi ta cho rằng ngài thành công bởi vì ngài đã không quan tâm đến điều người khác luận bàn, và luận bàn điều người khác không quan tâm đến? (còn tiếp). ■

Sự Khác Biệt Giữa

ĐỨC PHẬT LỊCH SỬ VÀ ĐỨC PHẬT TÔN GIÁO

TTTS. Thích Bửu Chánh
(tiếp theo)

Trong định nghĩa thế nào là nghiệp và chức năng của nghiệp, đức Phật giải thích rất rõ ràng chữ nghiệp (kamma) có nghĩa là hành động (action), từ động từ karoti nghĩa là làm, là hành động về thân, khẩu, ý nhưng hành động ấy phải là hành động có tư tâm sở, tức là hành động tự ý mình làm, tự mình quyết định làm, nên đức Phật xác định chúng ta là chủ nhân của nghiệp (kammassako), chúng ta thừa tự nghiệp (kamma – dāyadā) “Này thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loại hữu tình, nghĩa là có liệt có ưu⁽¹⁾”

Vì chúng ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, cho nên, chúng ta vừa phải chịu trách nhiệm những hành động của chúng ta, vừa phải tự mình chịu kết quả của những hành động mà chúng ta làm. Đức Phật dạy:

*"Điều ác tự mình làm
Tự mình sanh mình tạo
Nghiền nát kẻ ngu si
Như kim cương ngọc báu".*

Đức Phật dạy: Trong sạch hay ô nhiễm đều do nơi ta làm, điều ác do ta, bị ô nhiễm cũng do nơi ta. Do ta, ta được thanh lọc, trong sạch hay ô nhiễm đều tùy nơi ta. Không ai làm cho người khác trong sạch được:

*"Tự mình làm điều ác
Tự mình làm ô nhiễm
Tự mình ác không làm
Tự mình làm thanh tịnh*

1. HT. Thích Minh Châu – Trung Bộ Kinh III, tu thư Đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn 1975 trang 203

*Tịnh, không tịnh tự mình
Không ai thanh tịnh ai".*

Đức Phật dạy:

*"Tự mình kiểm soát mình,
Tự mình dò xét mình.
Hãy tự canh phòng và giác tỉnh;
Hối tỳ khéo con sẽ an lạc.
Tự mình chỉ trích mình
Tự mình dò xét mình
Tỷ khéo tự phòng hộ
Chánh niệm trú an lạc⁽²⁾".*

Đức Phật lịch sử dạy rằng: Chính ta là vị cứu tinh của ta; chính ta là người tự bảo vệ ta, chính ta là người nương tựa ta. Vậy hãy tự kiểm chế lấy ta như thượng khách kiểm chế ngựa quý.

*"Tự mình y chỉ mình
Tự mình đi đến mình
Vậy hãy tự điều phục
Như khách buôn ngựa hiền".*

Đức Phật lịch sử dạy rằng: Hãy tự củng cố vững chắc trên con đường chơn chánh, sau đó giáo hoá kẻ khác. Người trí như thế ấy sẽ không bị ô nhiễm.

*"Trước hết tự đặt mình
Vào những gì thích đáng
Sau mới giáo hoá người
Người trí khỏi bị nhiễm⁽³⁾".*

2. HT. Thích Minh Châu – Kinh Pháp Cú- Trường Cao cấp Phật học VN 2 ấn hành 1992, trang 205

3. Kinh Pháp Cú (sách dẫn) trang 93

Đức Phật lịch sử cũng dạy rằng người như thế nào tự mình hành động như thế ấy. Chính mình hãy tự kiểm soát đầy đủ, kể đó dạy kẻ khác; Thật vậy, kiểm soát mình quả thật khó.

*"Hãy tự làm cho mình
Như điều mình dạy người
Khéo tự điều, điều người
Khó thay tự điều phục⁽⁴⁾".*

Đức Phật lịch sử nhấn mạnh đến vị cứu tinh ở nơi trong mỗi người. Ngài dạy chính ta là cứu tinh của ta, không ai có thể cứu ta. Người nào khéo kiểm soát lấy mình tức là được vị cứu tinh vốn khó tìm.

*"Tự mình y chỉ mình
Nào có y chỉ khác
Nhờ khéo điều phục mình
Được y chỉ khó được⁽⁵⁾".*

Đức Phật lịch sử xác chứng rằng nếu tự mình giữ được im lặng như cái mõ bể, thì đắc chứng Níp Bàn và không có tâm báo oán.

*"Nếu tự mình yên lặng
Như chiếc chuông bị bể
Người đã chứng Niết Bàn
Người không còn phần nợ⁽⁶⁾".*

Đức Phật lịch sử cũng dạy rằng người nào chứng ngộ sự tận diệt phiền não của mình, người bỏ gánh nặng xuống bên đàng và giải thoát. Người ấy, Như Lai gọi Bà La Môn.

*"Ai tự trên đời này
Giác khổ diệt trừ khổ
Bỏ gánh nặng giải thoát
Ta gọi Bà La Môn⁽⁷⁾".*

Trong một bài kinh nổi tiếng, kinh Kalamasutta, Đức Phật dạy các hàng đệ tử hãy tin ở nơi chính mình, không nên tin tưởng ở một ai khác, tin ở khả năng phán xét thiện ác của mình, đừng nên tin vào phương pháp nào khác.

Đức Phật dạy: "Này các Kalama chớ tin vì nghe truyền thuyết (anussavena), chớ có tin vì theo truyền thống (paramparāya), chớ có tin vì nghe người ta nói (itikirāya), chớ tin vì được kinh tạng truyền tụng (pitakkirāya), chớ tin vào lý luận siêu hình (takkaheṭu), chớ có tin vì đúng theo lập trường (nayaheṭu), chớ có tin vì đánh giá hời hợt dữ kiện (ākāraparivitakkena), chớ có tin vì phù hợp với định kiến (ditthini jñhānakkhantiyā), chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền (bhavyarūpatāya), chớ có tin vì vị sa môn là

bậc đạo sư của mình. Nhưng này các Kalama, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là bất thiện, các pháp này là có tội, các pháp này bị các người có trí chỉ trích, các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận (Samattā, samādinna) đưa đến bất hạnh khổ đau. Thời này kalama hãy từ bỏ chúng....

Nhưng các Kalama, khi nào tự mình biết như sau: "Các pháp này là thiện, các pháp này không có tội, các pháp này không bị người có trí chỉ trích, các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc, thời này Kalama hãy đạt đến và an trú⁽⁸⁾".

Khi nhận thức một cách sâu sắc về khả năng của mình có thể phân biệt thiện ác, đức Phật lịch sử dạy hãy nên tự y chỉ mình, không y chỉ một ai khác. Đức Phật dạy:

*"Bậc ẩn sĩ không tựa
Không y chỉ một ai
Không làm thành yêu thương
Không tác thành ghét bỏ
Do vậy trong sầu than
Trong xan tham keo kiệt
Như nước trên lá cây
Không dính ướt làm nhơ⁽⁹⁾".*

Đức Phật dạy:

*"Ai không tìm lỗi cây
Đối với các sanh y
Có thể nhiếp phục tham
Đối với các chấp thủ
Vị ấy không y chỉ
Không để ai dẫn dắt
Tỷ kheo ấy chơn chánh
Du hành ở trên đời".*

Đức Phật lịch sử, một con người rất khiêm tốn dẫu cho đắc đạo quả rồi Ngài vẫn thận trọng tìm một Sa môn hay Bà la môn để y chỉ: "Vậy ta hãy đánh lễ, cung kính và sống y chỉ vào một Sa môn hay Bà la môn với mục đích làm cho đầy đủ giới uẩn...định uẩn...tuệ uẩn... giải thoát uẩn chưa được đầy đủ... nhưng ta không thấy một chỗ nào trong thế giới Chư thiên, Ác ma, và Phạm thiên, giữa quần chúng Sa môn và Bà la môn, Chư thiên và loài người không có một Sa môn hay Bà la môn nào khác với giới, với định, với tuệ và với giải thoát đầy đủ hơn ta mà ta có thể cung kính đánh lễ và sống y chỉ. Rồi này các tỷ kheo ta suy nghĩ như sau: "Với pháp mà ta đã chân chánh giác ngộ, ta hãy cung kính đánh lễ và sống y chỉ pháp ấy⁽¹⁰⁾".

4. Kinh Pháp Cú (sách đã dẫn) trang 94
5. Kinh Pháp Cú (sách đã dẫn) trang 94
6. Kinh Pháp Cú (sách đã dẫn) trang 80
7. Kinh Pháp Cú (sách đã dẫn) trang 214

8. HT. Thích Minh Châu – Tăng Chi Bộ Kinh – Trường Cao cấp Phật học VN 2 ấn hành 1987, trang 213-214.
9. HT. Thích Minh Châu – Kinh Tập – Tu thư Phật học Vạn Hạnh
10. HT. Thích Minh Châu – Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi. Viện Nghiên cứu Phật học VN ấn hành TP. HCM 1990, trang 17

Điều này giải thích tại sao đức Phật dạy các Tỷ kheo: “Hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình (attāpāviharatha), hãy tự mình y tựa chính mình (atā saranā) chớ y tựa một gì khác. Dùng chánh Pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một cái gì khác”.

Thái độ này của Đức Thế Tôn đã làm sáng tỏ vấn đề tại sao Ngài khuyên Ānanda tôn giả chớ nên sầu muộn buồn rầu khi đức Như Lai nhập Niết bàn bởi vì nơi nương tựa chính của các hàng đệ tử là chánh Pháp.

Trong Tương ưng Bộ Kinh, tập III, phẩm V: Phẩm tự mình làm hòn đảo, đức Phật dạy các đệ tử của mình, hãy lấy chánh Pháp làm hòn đảo, hãy lấy Pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một ai khác⁽¹¹⁾”.

Các đệ tử của đức Phật, sau khi Ngài nhập Niết bàn đã vâng lời dạy của Thế Tôn y cứ vào Pháp để nương tựa tu hành. Đọc đoạn đối thoại giữa Bà la môn Gopaka Moggallāna và tôn giả Ānanda ta sẽ thấy rõ ràng các đệ tử của đức Phật đã chấp hành lời dạy của Ngài một cách nghiêm túc. Bà la môn Gopaka hỏi tôn giả Ānanda: “Thưa tôn giả có một Tỷ kheo nào được tôn giả Gotama sắp đặt: Vị này sau khi ta diệt độ sẽ là chỗ nương tựa cho các người và các người nay sẽ y chỉ vị này”.

“Này Bà la môn, không có một vị Tỷ kheo nào được Thế Tôn, bậc trí giả, kiến giả, bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác sắp đặt: Vị này sau khi ta diệt độ sẽ là chỗ nương tựa cho các người và chúng tôi nay sẽ y chỉ vị này”.

“Không có vị Tỷ kheo nào, này Bà la môn được chúng tăng thỏa thuận và được số đông các vị Tỷ kheo Trưởng lão sắp đặt: Vị này, sau khi Thế Tôn diệt độ sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi và chúng tôi sẽ y chỉ vị này”.

“Và như vậy là không có chỗ nương tựa, thưa tôn giả Ānanda, như vậy, do nhân gì có thể hoà hợp?”.

“Này Bà la môn, chúng tôi không phải không có chỗ nương tựa và Pháp là chỗ nương tựa của chúng tôi⁽¹²⁾”.

Trong những ngày tháng cuối cùng của đức Phật, Ngài nhấn mạnh đến việc tu tập giới, định, tuệ. Tại núi Linh Thứu ở Rājagaha, tại Ambalatthika, tại Nalanda, tại Kotigāma, tại Vesālī, tại Bhandagāma, tại Bhoganagara tại những nơi này đức Phật nhắc đi nhắc lại vai trò quan trọng của giới định tuệ và kết

quả tu tập của giới định tuệ: “Đây là giới, đây là định, đây là tuệ. Định cùng tu với giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc tức là dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu⁽¹³⁾”.

Trước khi lên đường tịch diệt, đức Phật đã ban lời dạy cuối cùng vô cùng quan trọng thể hiện tấm lòng từ bi của Ngài từ khi đi tìm chân lý đến khi từ bỏ xác thân ngũ uẩn này:

“Này các Tỷ kheo, nay ta khuyên dạy các người: Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn chớ có phóng dật⁽¹⁴⁾”.

*"Hỡi này các vị Tỷ kheo
Nhớ lời tôi hậu lo âu phận mình
Hữu vi là pháp cấu sanh
Vô thường biến hoại hữu tình nạn tai
Như Lai căn dặn một điều
Gắng lo tu tập chớ nhiều trễ dôi"*

Sau khi giới thiệu sơ lược về lịch sử đức Phật và trích một vài lời dạy của đức Phật, ta có thể đi đến vài nhận định nhỏ như sau:

Đức Phật lịch sử là một con người có thật bằng xương bằng thịt, Ngài sanh ra, lớn lên như bao nhiêu con người khác trong cuộc đời, Ngài tự mình tìm đạo sau khi tự mình thấy thế gian đầy đau khổ, tự mình xuất gia, tự mình hành trì khổ hạnh, tự mình ý thức lỗi tu khổ hạnh không mang lại kết quả gì, rồi tự mình đi theo con đường Trung đạo 8 ngành và cuối cùng giải thoát. Ngài cũng tự mình hoằng Pháp độ sanh, như lời của Hoà thượng Thích Minh Châu đã nói trong bài viết “Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi”.

“Ngài chỉ là một con người với sức mạnh thể lực và trí lực của con người đã tự mình tìm đạo và tìm đạo thành công, đã tự mình hành đạo và hành đạo có kết quả, đã tự mình chứng đạo và chứng đạo hoàn toàn viên mãn như chúng ta đã thấy rõ trong đời sống của Ngài nếu chúng ta gạt bỏ qua một bên những thêm thắt về sau để thần thánh hoá đời sống của Ngài⁽¹⁵⁾”. Và trong lời dạy đặc biệt quan trọng: “Hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, dùng chánh Pháp làm ngọn đèn” đã phản ánh trung thực đời sống tìm đạo, hành đạo, chứng đạo của đức Phật trên cơ sở kinh nghiệm bản thân của đức Phật và chứa đựng tinh thần trọn vẹn nội dung những lời dạy của Ngài trong suốt 45 năm hoằng Pháp (còn tiếp).■

11. HT. Thích Minh Châu – Tương Ưng bộ kinh III – Tu thư Đại học Vạn Hạnh TP. HCM ấn hành 1982, trang 51

12. HT. Thích Minh Châu – Trung Bộ Kinh III – Tu thư Đại học Vạn Hạnh Sài Gòn ấn hành 1975, trang 111-112

13. HT. Thích Minh Châu – Trường Bộ Kinh III – Tu thư Đại học Vạn Hạnh Sài Gòn xuất bản 1973

14. HT. Thích Minh Châu – Trường Bộ Kinh III – Tu thư Đại học Vạn Hạnh Sài Gòn xuất bản năm 1973, trang 156

15. HT. Thích Minh Châu – Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi. Viện Nghiên cứu Phật học VN ấn hành TP. HCM 1990, trang 9

SỰ GIÁNG SANH CỦA CHƯ PHẬT

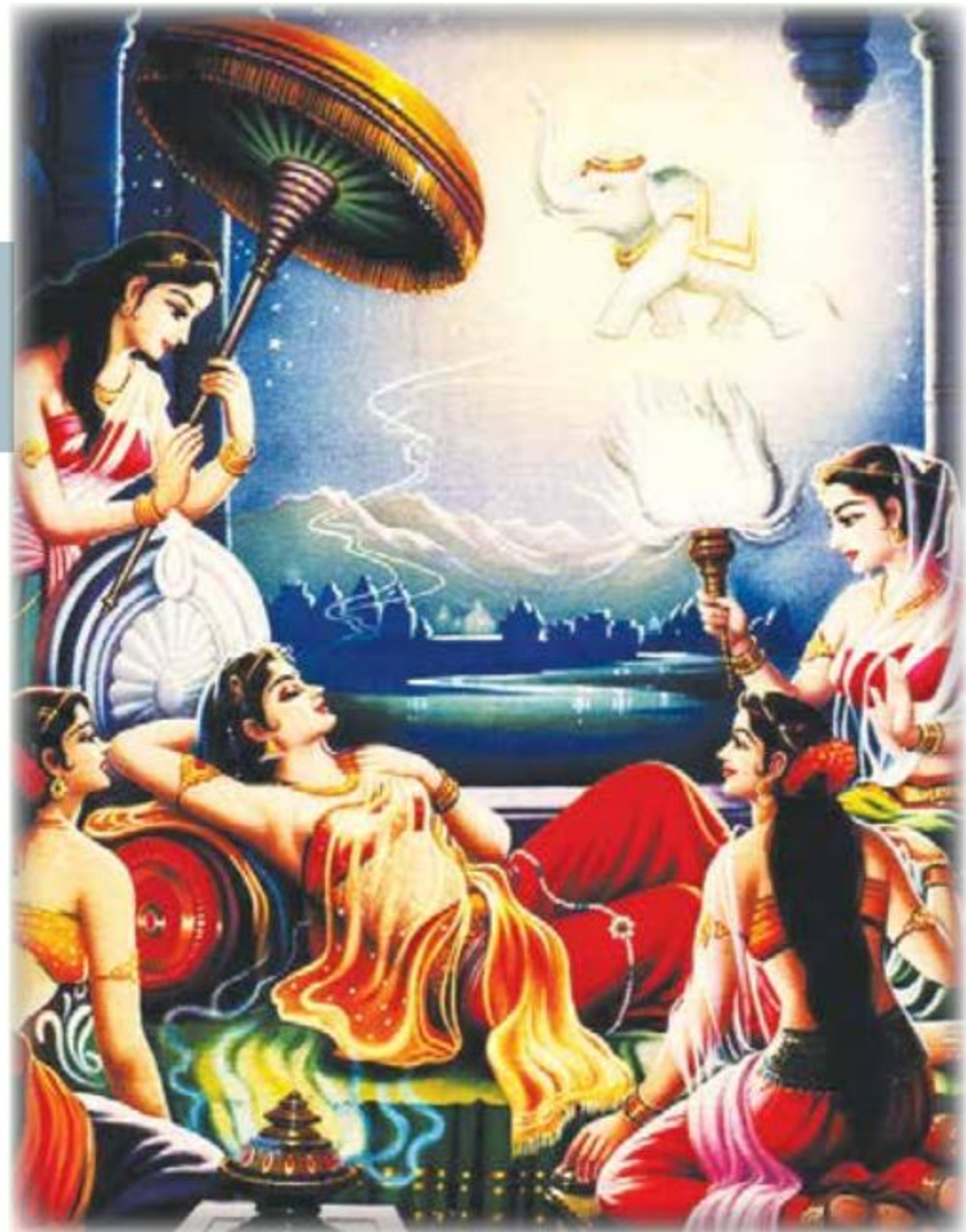
TK. Định Phúc

Hoàng hậu đến cội sala
Thấy nhành xinh xắn tay ngà với vịnh
Bồ tát lập tức đản sinh
Oai hùng như vị Pháp sư rời tòa
Bước đi bảy bước lạ kỳ
Hoa sen nâng gót tiên tri mấy lời

*"Chúng sanh khắp cõi sa bà
Chỉ ta quý nhất hơn là nhân thiên
Kiếp này đoạn tuyệt nhân duyên
Dứt dòng sanh tử triển miên luân hồi".*

Nói về sự giảng sanh của chư Phật, thì bất cứ vị Phật Chánh Đẳng Giác nào, dù là ở quá khứ, hiện tại hay vị lai cũng đều có chung những đặc điểm, những sự kiện mà chỉ có những bậc đại Bồ tát kiếp cuối cùng giảng sanh để thành Phật mới có được.

Trong Trường Bộ Kinh, Đức Phật đã giảng về một số phương pháp thông thường khi một vị đại Bồ tát đản sanh khác với một phàm phu bình thường, tức loài người chúng ta. Chẳng những Đức Phật Cồ Đàm (Gotama) trong thời hiện tại mà chư Phật trong quá khứ như Đức Phật Tỳ-bà-thi (Vipassī), Đức Phật Thi-khí (Sikhī), Đức Phật Tỳ-xá-bà (Vesabhū), Đức Phật Câu-lưu-tôn (Kakusandha), Đức Phật Câu-na-hàm (Konāgamana), Đức Phật Ca-diếp (Kassapa)... cũng có một số hiện tượng siêu xuất giống nhau khi các Ngài vừa giảng sanh ra khỏi bào thai của các thân mẫu. Các phương cách đản sanh của chư Phật đều giống nhau như sự xuất hiện của các Ngài giữa thế gian này đã cảm ứng đến thế giới chư Thiên và các loài khác; các Ngài đều giảng sanh dưới gốc cây giữa thiên nhiên bao la; các Ngài đều từ hông mẹ bước ra và tuyên bố các Ngài là bậc tối thượng trong tam giới; các Ngài đều có hảo tướng với 32 tướng tốt và 80 tướng phụ và thông điệp của các Ngài ở đời là cứu khổ cho chúng sanh. Đức Phật diễn tả cụ thể phương pháp đản sanh của chư Phật trong quá khứ và hiện tại qua hình ảnh đầy màu sắc



Hoàng hậu nằm mộng thấy voi trắng 6 ngà
hút vào bên hông và bà thọ thai

của Bồ tát Tỳ-bà-thi và thân mẫu của ngài.

Bồ tát Vipassī, sau khi từ giả cảnh giới Đâu suất thiên, chánh niệm tỉnh giác nhập vào mẫu thai. Nay các Tỷ kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi Bồ tát Vipassī từ giả cảnh giới Đâu suất thiên, chánh niệm tỉnh giác nhập vào mẫu thai, khi ấy một hào quang vô lượng, thần diệu, thẳng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới ở trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên và thế giới ở dưới gồm các vị Sa môn, Bà la môn, các vị hoàng tử và dân chúng. Cho đến các cảnh giới ở giữa các thế giới, không có nền tảng, tối tăm, u ám, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thẳng xa oai lực của chư Thiên hiện ra, và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng, thần diệu ấy, thẳng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới.

Khi vị Bồ tát nhập mẫu thai, bốn vị Thiên tử đứng canh gác bốn phương trời và nói: "Không cho một ai, người hay không phải loài người, được hãm hại vị Bồ tát".

Khi vị Bồ tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ tát giữ giới một cách hồn nhiên, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống các thứ rượu men, rượu nẫu.

Khi vị Bồ tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ tát không khởi dục tâm đối với một nam nhân nào, và không vị phạm tiết hạnh với bất kỳ người đàn ông nào đầu người này có tâm ái nhiễm đối với bà.

Khi vị Bồ tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ tát có được năm món dục lạc đầy đủ, tận hưởng, trọn hưởng năm món dục lạc ấy.

Khi vị Bồ tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy vị Bồ tát trong bào thai của mình đầy đủ mọi bộ phận và chân tay.

Này các Tỷ kheo, ví như viên ngọc lưu ly, thanh tịnh, thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt, khéo giữa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Rồi một sợi dây được xuyên qua viên ngọc ấy, dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt. Nếu có người có mắt để viên ngọc trên bàn tay của mình, người ấy sẽ thấy rõ ràng: "Đây là viên ngọc lưu ly, thanh tịnh thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt khéo giữa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Đây là sợi dây xuyên qua, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt". Cũng vậy, này các Tỷ kheo, khi vị Bồ tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy vị Bồ tát trong bào thai của mình đầy đủ mọi bộ phận và chân tay.

Sau khi sanh vị Bồ tát bảy ngày, mẹ vị Bồ tát mệnh chung và sanh lên cảnh trời Đâu suất.

Trong khi các người đàn bà khác mang bào thai trong bụng chín tháng hay mười tháng rồi mới sanh, mẹ vị Bồ tát sanh vị Bồ tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ tát mang vị Bồ tát trong bụng mười tháng trời mới sanh.

Trong khi các người đàn bà khác, hoặc ngồi, hoặc nằm mà sanh con, mẹ vị Bồ tát sanh vị Bồ tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ tát đứng mà sanh vị Bồ tát.

Khi vị Bồ tát từ bụng mẹ sanh ra, chư Thiên đỡ lấy Ngài trước, sau mới đến loài người.

Khi vị Bồ tát từ bụng mẹ sanh ra, vị Bồ tát không đụng đến đất. Có bốn Thiên tử đỡ lấy Ngài, đặt Ngài trước bà mẹ và thưa: "Hoàng hậu hãy hoan hỷ. Hoàng hậu sanh một bậc vĩ nhân".

Khi vị Bồ tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra

thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch.

Này các Tỷ kheo, như viên ngọc Ma ni bảo châu đặt trên một tấm vải Ba-la-nại. Hòn ngọc không làm nhiễm ô tấm vải Ba-la-nại, tấm vải Ba-la-nại cũng không làm nhiễm ô hòn ngọc. Vì sao vậy? Vì cả hai đều thanh tịnh. Cũng vậy, này các Tỷ kheo. Khi vị Bồ tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ sự vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch.

Khi vị Bồ tát từ bụng mẹ sanh ra, hai dòng nước từ hư không hiện ra, một dòng lạnh, một dòng nóng. Hai dòng nước ấy tắm rửa sạch sẽ cho vị Bồ tát và cho bà mẹ.

Vị Bồ tát khi sanh ra, Ngài đứng vững, thẳng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một lòng trắng được che trên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương, lớn tiếng như con Ngưu vương, thốt ra lời như sau:

"Ta là bậc tối thượng ở trên đời.

Ta là bậc tối tôn ở trên đời.

Ta là bậc cao nhất ở trên đời.

Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sanh ở đời này nữa".

Khi vị Bồ tát từ bụng mẹ sanh ra, khi ấy một hào quang vô lượng thần diệu, thẳng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên, và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà la môn, các vị hoàng tử và dân chúng. Cho đến các cảnh giới ở giữa các thế giới, không có nền tảng, tối tăm, u ám, những cảnh giới mà mặt trăng, mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thẳng xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau mà nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng thần diệu ấy thẳng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới⁽¹⁾.

Khi chư Phật vừa đản sanh, đều có các tướng sư và đạo sĩ đến xem tướng và khi thấy các thánh nhân đều có đủ 32 tướng tốt và 80 tướng phụ, đều

1. Trường bộ kinh 1. Kinh đại bốn.

tiên đoán rằng nếu các ngài xuất gia thì sẽ thành Bạc Giác ngộ, thầy của trời người.

Tâu Đại vương, Hoàng tử này có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc Đại nhân. Ai có đủ 32 tướng tốt này sẽ chọn hai con đường này thôi, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, vị này sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương, dùng chánh Pháp trị nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, gia chủ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục cõi đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh Pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A La hán, Chánh Đăng Giác, vén lui màn vô minh che đời.

Paripuṇṇakāyo suruci
Sujāto cārudassano;
Suvanṇavanṇosi bhagavā
Susukkadāṭhosi vīriyavā.

*Thân tròn đủ chói sáng,
Khéo sanh và đẹp để,
Thế Tôn sắc vàng chói,
Răng trơn, lóng, tinh cần.*

Narassa hi sujātassa
Ye bhavanti viyañjanā;
Sabbe te tava kāyasmim
Mahāpurisalakkhaṇā.

*Đối với người khéo sanh,
Những tướng tốt trang trọng,
Đều có trên thân Ngài,
Tất cả đại nhân tướng.*

Pasannanetto sumukho
Brahā uju patāpavā;
Majjhe samaṇasaṅghassa
Ādiccova virocasi.

*Mắt sáng, mặt tròn đầy,
Cân đối, thẳng, hoàn mỹ,
Giữa chúng Sa môn Tăng,
Ngài chói như mặt trời.*

Kalyāṇadassano bhikkhu
Kaṇṇasannibhattaco;
Kim te samaṇabhāvena
Evam uttamavaṇṇino.

*Đẹp mắt vị Tỷ kheo,
Da sáng như vàng chói,
Với hạnh Sa môn, Ngài*

Cần gì sắc tối thượng.

Rājā arahasi bhavitum
Cakkavattī rathesabho;
Cāturato vijitāvī
Jambusaṇḍassa issaro.

*Ngài xứng bậc Đại vương,
Chuyển Luân, bậc Điều Ngự,
Chiến thắng khắp thiên hạ,
Bậc tối thượng Diêm phù⁽²⁾.*

"Này các Tỷ kheo, vị này có lòng bàn chân bằng phẳng. Tướng này được xem là tướng tốt của bậc đại nhân.

Này các tỷ kheo, dưới hai bàn chân của vị này có hiện ra hình bánh xe, với ngàn tăm xem với trục xe vành xe, với các bộ phận hoàn toàn đầy đủ...

Này các Tỷ kheo, vị này có gót chân thon dài...

Vị này có ngón tay, ngón chân dài...

Vị này có tay chân mềm mại...

Vị này tay chân có làn da lưới...

Vị này có mắt cá tròn như con sò...

Vị này có ống chân như con dê rừng....

Vị này đứng thẳng, không co lưng xuống có thể sờ đầu gối với hai bàn tay...

Vị này có tướng mã âm tàng...

Vị này có màu da đồng, màu sắc như vàng...

Vị này có da trơn mượt, khiến bụi không thể bám dính vào...

Vị này có lông da mọc từ lông một, mỗi lỗ chân lông có một lông...

Vị này có lông mọc xoáy trong thẳng lên, mỗi sợi lông đều vậy, màu xanh đậm như thuốc bôi mắt, xoáy lên từng xoáy tròn nhỏ, và xoáy về hướng mặt...

Vị này có thân hình cao thẳng...

Vị này có thân với các góc cạnh tròn đầy, đều đặn...

Vị này có nửa thân trước như thân con sư tử...

Vị này không có lõm khuyết xuống giữa hai vai...

Vị này có thân thể cân đối như cây bàng. Bề cao của thân ngang bằng bề dài của hai tay

2. Sn.548-552



sải rộng, bề dài của hai tay sải rộng ngang bằng bề cao của thân...

Vị này có bán thân trên vuông tròn...

Vị này có vị giác rất nhạy bén...

Vị này có quai hàm như con sư tử...

Vị này có 40 cái răng...

Vị này có răng đều đặn...

Vị này có răng không khuyết hở...

Vị này có răng cửa trơn láng...

Vị này có tướng lưỡi rộng dài...

Vị này có giọng nói tuyệt diệu như tiếng chim Ca lăng tần già...

Vị này có hai mắt màu xanh đậm...

Vị này có lông mi con bò cái...

Vị này có hai lông mày, có sợi lông trắng mọc lên, mịn màng như bông nhẹ...

Vị này có nhục kế trên đầu⁽³⁾..."

Như vậy, chúng ta thấy có rất nhiều điểm cát tường hiện ra khi một bậc vĩ nhân đản sanh. Nếu các Ngài chọn làm tại gia thì sẽ trở thành bậc Chuyển Luân Thánh Vương, trị vì khắp bốn châu thiên hạ với sự giàu có thịnh vượng, của cải vật chất phong phú, binh hùng tướng mạnh và danh tiếng lẫy lừng mà thế gian mong muốn; nhưng các Ngài đã từ bỏ các hạnh phúc ngũ dục đó để tìm một hạnh phúc cao thượng và giải thoát khổ miên viễn cho tất cả chúng sanh, tức là tìm con đường xuất gia học đạo, làm một mẫu mực đạo đức cho thế gian, một bậc thầy của trời người, một bậc Tối tôn Tối thượng giữa thế gian này. Cho nên sự xuất hiện của các Ngài là một điểm sáng cho nhân loại noi theo, để thoát khỏi cảnh khổ trong sáu đạo. Vì thế, thật may mắn và phước báu cho chúng ta gặp được Tam bảo, được dự lễ Phật đản để chào đón một vĩ nhân, một vị cứu tinh của nhân loại đã ra đời.

Yesam ve dullabho loke
Pātubhāvo abhiñhaso
Soham brāhmaṇa sambuddho
Sallakatto anuttaro.

*Hỡi này Bà la môn
Ta, bậc Chánh Đẳng Giác
Bậc Tối Thượng Y Vương
Người xuất hiện như vậy
Thế gian thật hiếm thấy⁽⁴⁾.*

Kính chúc quý vị một mùa lễ hội Vesak thật an lạc và tràn đầy phước báu.■

3. Trường bộ kinh 2. Kinh tướng.

4. Sn.560

(tiếp theo trang 7)

Liên Bang Nga, Hungary, Ba Lan, Đức.

Hiện nay, Ban Phật giáo Quốc tế của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đang chuẩn bị nội dung tham dự Hội nghị thành lập tổ chức Liên minh Phật giáo thế giới tại Ấn Độ vào tháng 11/2011 tới, cũng như kỷ niệm 2.600 năm Phật Thành đạo tại Ấn Độ (Bồ đề Đạo Tràng) và Sri Lanka.

Để giới thiệu về các hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam với các đoàn Phật giáo cũng như các tổ chức Quốc tế đến thăm và làm việc với Giáo hội, Ban Phật giáo Quốc tế đã biên soạn "Tóm tắt cơ cấu hành chính và các hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam" bằng tiếng Anh.

Trong thời kỳ hội nhập quốc tế quan hệ đối ngoại của Phật giáo Việt Nam thể hiện cụ thể trong việc trao đổi đoàn các chức sắc, tín đồ ra nước ngoài học tập, dự hội nghị, hội thảo, tham gia các hội nghị quốc tế tôn giáo thế giới và khu vực.

Với gần 2000 năm lịch sử, Phật giáo Việt Nam luôn phát huy tinh thần yêu chuộng hòa bình, kêu gọi mọi người, mọi quốc gia, dân tộc đang chung sống, luôn giữ tâm bình an, triết để dẫn thân vì cuộc sống khai sáng và giải thoát con người. Phật giáo Việt Nam luôn tham gia hội nhập quốc tế, thực hiện đối ngoại gián tiếp hoặc trực tiếp dựa trên lý tưởng của Tôn giáo mình. Nhìn chung, công tác Phật giáo giao lưu quốc tế trong thời gian qua tương đối đều đặn, tăng cường số lượng và chất lượng, đạt những thành quả rất khả quan. Với nhận thức đúng đắn, tư duy hành động thiết thực trong tinh thần đoàn kết, hợp tác hữu nghị với các nước Phật giáo bạn, công tác Phật giáo quốc tế đã từng bước vượt qua các khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ được Giáo hội giao phó. Đây chính là những thành tựu tốt đẹp đáng được ghi nhận, góp phần tạo uy tín và sự hiểu biết nhiều hơn nữa đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong nước và thế giới. Điểm đáng chú ý, sự hợp tác quốc tế về việc hoằng dương chính pháp, nghiên cứu thẩm thấu giáo lý Đức Phật khế hợp với thời đại phát triển khoa học kỹ thuật ngày nay của Ban Phật giáo Quốc tế, Giáo hội Phật giáo Việt Nam phù hợp với thời đại mở cửa giao lưu văn hóa của Đảng và Nhà nước ta.

Việt Nam đã tăng cường và đẩy mạnh nhiều hoạt động giao lưu với các tổ chức tôn giáo ở các nước trong khu vực và trên thế giới. Hoạt động Tôn giáo đã góp phần làm cho bạn bè thế giới và chức sắc tôn giáo đồng đạo khác trên thế giới hiểu rõ hơn về chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam, tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ về vật chất, tinh thần của cộng đồng quốc tế đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, là cơ sở bác bỏ những luận điệu xuyên tạc, vu cáo của các thế lực thù địch bên ngoài thiếu thiện chí với Việt Nam.■



Phỏng vấn Hòa thượng THÍCH ĐẠT ĐẠO

Tiến sĩ Danh dự Đại học Mahachulalongkorn

PV. Quang Duyên

Lời Tòa soạn: Trong chương trình giao lưu Văn hóa Giáo dục giữa Việt Nam và Bangkok - Thái Lan, các vị lãnh đạo Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM và các Hòa thượng được Trường Đại học Hoàng gia Thái Lan – Mahachulalongkorn phong Tiến sĩ danh dự gồm có: Hòa thượng Tiến sĩ Thích Minh Châu, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Trị Sự GHPGVN, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM (năm 1997), Hòa thượng Thích Trí Quảng, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN kiêm Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM (năm 2008), Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự GHPGVN, giảng sư của Học viện Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM, Hòa thượng Thích Giác Toàn, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN, Phó Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM (năm 2010), Giáo sư Tiến sĩ Lê Mạnh Thát, Phó Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM (năm 2010), Hòa thượng Thích Thiện Tâm, Ủy viên Thường trực HĐTS GHPGVN, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Hòa thượng Thích Đạt Đạo, Ủy viên Thường trực Hội đồng Trị sự, Phó Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM (năm 2012).

Nhân sự kiện Hòa thượng Thích Đạt Đạo, hiện là Ủy viên Thường trực Hội đồng Trị sự, Phó Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM, Viện chủ chùa Bát Nhã nhận bằng Tiến sĩ danh dự của trường Đại học Hoàng gia Thái Lan – Mahachulalongkorn vì những đóng góp của Hòa thượng vào sự phát triển nền giáo dục Phật giáo Việt Nam trong nhiều thời gian qua, phóng viên Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy đã phỏng vấn Hòa thượng về vấn đề này.



Đức Phó Tăng thống Thái Lan trao bằng Tiến sĩ Danh dự đến HT. Thích Đạt Đạo

Phóng viên: *Xin Hòa thượng cho biết vài nét về tiểu sử của Hòa thượng?*

Hòa thượng (HT) Thích Đạt Đạo: Tôi có thể danh là Huỳnh Văn Hà. Sinh năm 1951 tại xã Hạnh Thông, Quận Gò Vấp, tỉnh Gia Định. Năm 13 tuổi, tôi quy y với Hòa thượng Thích Đức Chơn, sinh hoạt Gia đình Phật tử Quảng Hương và ở tại chùa Long Huệ, Gò Vấp đi học. Năm 15 tuổi, tôi được Hòa thượng Thích Trí Thủ cho thể phát xuất gia hành điều tại tu viện Quảng Hương Già Lam. Sau đó, tu học tại Phật học viện Hải Đức, Nha Trang; Phật học viện Báo Quốc, Huế rồi trở vào Sài Gòn ở tại tu viện Quảng Hương Già Lam, theo học Đại học Khoa học Sài Gòn và Đại học Vạn Hạnh. Tôi tốt nghiệp Cử nhân khoa học tại Đại học Khoa học Sài Gòn năm 1974, Trường Hành chính Quốc gia năm 1990, khóa Báo chí do Hội Nhà báo TP. Hồ Chí Minh tổ chức năm 1991, Thạc sĩ Quản lý giáo dục tại trường đại học Tennessee năm 1999.

Phóng viên: *Thưa Hòa thượng, những điều kiện để được nhận bằng Tiến sĩ Danh dự của Đại Học Hoàng gia Thái Lan là gì?*

HT. Thích Đạt Đạo: Trước hết người nhận bằng Tiến sĩ danh dự của Đại học Hoàng gia Bangkok, Thái Lan phải có quá trình trên 20 năm hoạt động trong lĩnh vực công tác giáo dục Phật giáo, là người đang giữ các vị trí quan trọng trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam, có những tác phẩm sách hoặc báo chí đã xuất bản hoặc đã đăng trên những tờ báo có uy tín. Ngoài ra, người nhận bằng Tiến sĩ danh dự của Đại học Hoàng gia Bangkok, Thái Lan phải là người đã tham gia công tác giảng dạy tại các trường đại học và có được sự chấp thuận của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng như của Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM.

Phóng viên: *Xin HT cho biết công việc cụ thể hiện nay của HT tại Học viện Phật giáo Việt Nam (PGVN) tại TP. HCM?*

HT. Thích Đạt Đạo: Tôi đã làm việc tại Học viện PGVN tại TP. HCM được 25 năm. Hiện nay làm Phó Viện trưởng Tổ chức Hành chánh nhân sự của Học viện. Công tác Quản lý giáo dục là thay mặt Hội đồng điều hành, vừa quản lý chương trình giảng dạy, vừa quản lý sinh viên, quản lý các mặt thuộc lĩnh vực hành chánh, nhân sự. Điều này đòi hỏi phải có chuyên môn về hành chánh, có hiểu biết về giáo dục, bản thân mình cũng phải có nhiều tuổi đạo mới làm được công việc là chiếc cầu nối giữa Thầy và Trò, nghĩa là đối với các thế hệ sinh viên không chỉ có tâm phục khẩu phục mà còn có sự tôn trọng của quý thầy cô giảng sư đối với mình thì mới làm được.

Phóng viên: *Thưa HT, xin HT vui lòng cho biết một vài nét về Học viện PGVN tại TP. HCM?*

HT. Thích Đạt Đạo: Đây là một ngôi trường Đại học đã nổi tiếng từ rất lâu về đào tạo Phật học tại Việt Nam. Học viện có nguồn gốc từ Trường Đại học Vạn Hạnh (1964- 1975) và tiền thân là trường Cao cấp Phật học Việt Nam (1983- 1997). Hiện nay Học viện đào tạo 9 khoa gồm Pāli, Phạn tạng, Triết học Phật giáo, Phật giáo Việt Nam, Phật giáo Trung Quốc, Lịch sử Phật giáo Thế giới, Anh Văn Phật Pháp, Hoa Văn Phật Pháp và Đào tạo từ xa. Học viện là trường Phật giáo đầu tiên và là một trong vài trường Đại học tại Việt Nam áp dụng hệ thống tín chỉ (từ năm 2005). Phương pháp đào tạo của Học viện được đổi mới theo xu hướng tự chủ, quốc tế hóa, đại chúng hóa, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Trong quá trình phát triển, Học viện đã liên kết đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ Phật học với các đại học như Nalanda, Bihar – Ấn Độ; Trung tâm Phật học K.J. Somaiya, Bombay, Ấn Độ, Đại học Mahachulalongkorn, Bangkok, Thái Lan. Nhiều sinh viên đạt kết quả cao trong học tập, nghiên cứu đã có những đóng góp có hiệu quả cho sự phát triển Phật giáo và đất nước Việt Nam.

Phóng viên: *Vừa qua, Hội thảo "Giáo dục Phật giáo Việt Nam – Định hướng và phát triển" đã tổ chức tại Hà Nội. Được biết Hòa thượng cũng có tham dự hội thảo, vậy xin Hòa thượng cho biết ý kiến của HT về vấn đề Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham gia đẩy mạnh hoạt động giáo dục nhằm phát triển bền vững như thế nào?*

HT. Thích Đạt Đạo: Đối tượng của giáo dục Phật giáo là tăng, ni, là những người Phật tử xuất gia, là những người xuất thế mong cầu đạo giải thoát. Để thực hiện giáo dục về phát triển bền vững, giáo dục Phật giáo cần thực hiện nhiều phương pháp như trực quan, đàm thoại, tham quan thực tế, học nhóm, trong đó phương pháp: “Người thầy lấy thân mình làm mẫu mực để học trò noi theo” là phương pháp quan trọng. Ví dụ, hình ảnh Đức Phật gắn bó với rừng trong suốt cuộc đời của Ngài, rừng Lâm Tỳ Ni nơi Phật Đản sanh, Bồ Đề Đạo Tràng – nơi Phật thành đạo, rừng Lộc Uyển – nơi Đức Phật chuyển Pháp Luân, thuyết pháp lần đầu tiên cho năm anh em Kiều Trần Như, rừng Câu Thi La - Nơi Phật nhập Niết Bàn. Đây là những bài học sinh động giáo dục chúng ta biết yêu quý rừng, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sống. Bảo vệ thiên nhiên là bài học không bao giờ mệt mỏi. Có thể nói phát triển bền vững chỉ nhằm đến mục đích cuối cùng là xã hội loài người tồn tại, phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần. Trong đó, con người sống hài hòa với thiên nhiên, được thiên nhiên bao bọc và nuôi dưỡng.

Phóng viên: *Thưa Hòa thượng, hiện nay tại TP.HCM, dư luận rất quan tâm đến trường hợp một bé gái có khả năng “đốt cháy”. Theo Hòa thượng, vấn đề khảo nghiệm và ứng dụng những khả năng đặc biệt của con người như thế nào?*

HT. Thích Đạt Đạo: Đối với đạo Phật, dưới góc nhìn của người học Phật, việc con người có khả năng nhiều mặt là hoàn toàn có thể xảy ra. Ví dụ con người có khả năng đi trên mặt nước, có thể nhìn xuyên qua mặt đất, có thể nhìn thấu suốt lục phủ ngũ tạng nói nôm na là nhìn thấy ruột gan (theo nghĩa đen) của người khác như nhìn những sợi chỉ trong lòng bàn tay. Có thể kể ra những trường hợp đặc biệt đó, trong thực tế như trường hợp cô Thiềm ở Hòa Bình, người có khả năng đọc chữ bằng trán. Cô đã được mời qua Nhật Bản để thử nghiệm. Kết quả cho thấy dù hai mắt bị bịt kín, cô Thiềm vẫn dùng trán đọc được chữ viết. Hoặc ở Trung Quốc vài năm trước có một em bé đã có khả năng nhìn thấy các đường ống nước nằm dưới mặt đất và chính em đã giúp cho cơ quan giao thông công chánh Trung Quốc tìm thấy những đường ống nước này. Cũng có một bà cụ ở Hungari có thể nhìn thấy những địa điểm cách xa nửa vòng trái đất. Thời Đức Phật còn tại thế, Ngài Mục Kiền Liên, một trong mười đại đệ tử của Phật được ca ngợi là đệ nhứt thần thông. Ngài có thể đi trên mặt nước hoặc trong hư không. Như vậy, trường hợp bé gái ở Quận Tân Bình, các nhà khoa học đang nghiên cứu, tìm hiểu để có những chứng cứ khoa học về khả năng “đốt cháy” của em. Đã có một Hội thảo mà Thầy là Trưởng ban tổ chức vào tháng 5 vừa qua về trường hợp bé gái có khả năng đốt cháy cũng nhằm mục đích cho thấy con người có nhiều tiềm năng nhưng những tiềm năng này phải được chứng minh bằng khoa học. Đức Phật dạy rằng: Khi tâm động thì trí mê mờ. Khi tâm tĩnh lặng thì trí phát sáng. Cũng vậy, những hành giả tu tập theo giáo pháp của Đức Phật, nếu thực tập đúng theo lời dạy của Ngài thì các tiềm năng có sẵn trong mỗi chúng ta sẽ hiển bày. Trong thực tế, cũng có những trường hợp đột biến, dù họ không qua tu tập, hoặc bị tai nạn bất ngờ thì những tiềm năng có cơ hội cũng lộ rõ ra. Mỗi người chúng ta đều có thể có khả năng tiềm ẩn nào đó, vấn đề là làm thế nào để khơi dậy những năng lực đó.

Phóng viên: *Xin cảm ơn Hòa thượng đã dành cho Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy những chia sẻ rất quý báu. Kính chúc Hòa thượng thân tâm thường lạc.■*



HT. Thích Đạt Đạo tặng quà cho em Kim Hương huy chương bạc về sinh học trong kỳ thi Olympic toàn quốc năm 2010



Hòa thượng Thích Đạt Đạo làm giám khảo tại Hội thi Giáo lý khu vực phía Bắc năm 2010



HT. Thích Đạt Đạo cùng chư tôn đức Tăng Ni, học giả từ nhiều nước nhận bằng Tiến sĩ Danh dự



Huyền Trang sưu tầm

- Ai làm chủ giáo dục có thể thay đổi cả bộ mặt thế giới.
- Giáo dục là cái rễ đắng cay nhưng lại được những quả ngọt ngào.
- Ngựa không thuần thì không cưỡi được.
- Giáo dục làm phát triển khả năng, nhưng không làm nảy sinh những khả năng đó. Con chó vẫn là con chó ngay cả khi dạy dỗ chung giữa một đàn sư tử.
- Có một nghệ thuật để biết và một nghệ thuật để dạy.
- Xỏ một sợi dây chỉ vào một lỗ kim nhỏ bé thì phải xỏ từ từ.
- Để lại cho con một gia tài không bằng để lại một cuốn sách quý.
- Sống ở đời mà không chịu học, coi như đã chết.
- Thà đừng sinh ra đời còn hơn là không được giáo dục.
- Hãy dạy con cái chúng ta đức độ làm người, chỉ điều đó mới làm cho chúng hạnh phúc chứ không phải bạc vàng châu báu.
- Một con người cũng như một xã hội; không được giáo dục thì không thể phát triển được.
- Thép có ích hơn sắt là do được tôi luyện.
- Bất cứ người nào cũng hấp thụ hai thứ giáo dục: một thứ giáo dục do người khác đem lại và thứ kia còn quan trọng hơn do chính mình tìm kiếm, tự đem lại.
- Một cuốn sách có thể định đoạt cả cuộc đời của một đứa trẻ.
- Mỗi ngày ta biết thêm những điều chưa biết; mỗi tháng không quên những điều ta đã biết; như vậy mới đáng gọi là người hiếu học.
- Gốc của sự học là học làm người.
- Thương con mà không dạy dỗ là không thương con. Nuôi một đứa con mà không dạy dỗ khác nào nuôi một con lợn hay con bò.



Đức Phật là bậc Nhất Thiết Trí

TTTS. Giác Dũng

Nhất Thiết Trí của ngoại đạo.

I. TRÍCH DẪN

I.1. Kinh luật Pāli

I.1.1. Kinh Trung bộ, Kinh Thánh cầu số 26

Sau khi thành đạo, đức Phật đi tới vườn Lộc Uyển để thuyết pháp cho năm vị tỳ kheo cùng tu với Ngài trước kia. Trên đường đi, một người ngoại đạo tên Upaka đã hỏi tại sao đức Phật xuất gia, ai là bậc đạo sư của Ngài, v.v... đức Phật trả lời:

"-- Ta, bậc Thắng tất cả,

Ta, bậc Nhất Thiết Trí (sabbavidū) ... "[4].

I.1.2. Luật tạng Pāli

Nội dung giống như đoạn vừa được trích dẫn ở trên: Đức Phật trả lời câu hỏi của người ngoại đạo Upaka như sau:

"-- Ta, bậc Thắng tất cả,

Ta, bậc Nhất Thiết Trí (sabbavidū) ... "[5].

I.1.3. Kinh Bản sanh quyển I, phần II: Nhân duyên gần (avidūre-nidāna)

Phần nhân duyên gần này ghi lại lịch sử của đức Phật, bắt đầu từ khi Ngài còn ở cung trời Đâu suất cho tới khi Ngài thành đạo dưới cội cây Bồ đề. Đoạn trích dẫn sau đây diễn tả tiến trình Ngài thành đạo dưới cội cây Bồ đề.

"Khi trời chưa tối, bậc Đại nhân hàng phục ma binh... Canh đầu [6] Ngài chứng được tứ trụ trí, canh hai Ngài đạt được thiên nhãn thanh tịnh, canh cuối Ngài đạt được trí duyên sanh... Khi ánh bình minh xuất hiện, mười ngàn thế giới phát ra âm thanh vi tế, bậc Đại nhân đạt được trí chân thật của bậc Nhất Thiết Trí (sabbaññūta)...

Như vậy, chúng ta phải hiểu: Câu chuyện bắt đầu từ cung trời Đâu suất cho tới khi Bồ tát đạt được trí

Đức Phật có nhiều danh xưng khác nhau như Như Lai, Thiện Thệ, Chánh Đẳng Giác, Thế Tôn, Đạo Sư, bậc Nhất Thiết Trí, bậc Nhất Thiết Kiến, bậc Toàn Giác, v.v... Bậc Nhất Thiết Trí là danh xưng của chư Phật không phải là danh xưng của đức Phật Thích Ca. Vị nào đạt được Phật quả, vị đó có Nhất Thiết Trí. Nói cách khác, Phật là bậc Nhất Thiết Trí, bậc Nhất Thiết Trí là Phật. Bậc Nhất Thiết Trí là bậc có trí tuệ hiểu biết tất cả (nội dung cụ thể sẽ được trình bày ở phần sau), được dịch từ từ sabbaññū, sabbavidū (Pāli) hay từ sarvajña [1] (Sanskrit). Từ sabbaññū (hay sarvajña) có khi được dịch là bậc Nhất Thiết Trí, bậc Toàn Trí, bậc Toàn Giác [2]... Để bài viết được thống nhất, người viết sẽ sử dụng từ ngữ Nhất Thiết Trí. Người đệ tử Phật dù xuất gia hay tại gia nếu có học Phật Pháp thì đều biết rõ đức Phật là bậc Nhất Thiết Trí. Vì điều đó được ghi rất rõ không những trong kinh điển Phật giáo Đại thừa mà ngay cả trong kinh điển A-hàm [3].

Bài viết này có hai phần: **Phần I:** Trích dẫn. Ở đây, người viết chỉ trích dẫn các đoạn trong kinh điển A-hàm nói về Nhất Thiết Trí của đức Phật, không lý luận vì tự thân những ghi chép của kinh điển A-hàm đã nói rất rõ (không cần nhờ tới lý luận hay hý luận) rằng "Đức Phật là bậc Nhất Thiết Trí"; **Phần II:** Nội dung của Nhất Thiết Trí. Trước khi đi vào nội dung chính, người viết thấy cần khẳng định một điều: Kinh luật Phật giáo (từ kinh điển A-hàm cho tới kinh điển Đại thừa Phật giáo) đều ghi rõ: "Đức Phật là bậc Nhất Thiết Trí", Nhất Thiết Trí đó chính là ba minh (Tam minh) và Nhất Thiết Trí của đức Phật không phải là

chân thật của bậc Nhất Thiết Trí được gọi là nhân duyên gần.” [7].

I.1.4. Kinh Bản sanh quyển IV, chuyện số 479: Tiên thân Kalinga-Bodhi

Tóm tắt đoạn có liên quan tới chủ đề: Sau khi thống trị thiên hạ, vua Kalinga cưỡi voi chúa, bay trên không trung về thăm cố hương. Đang bay, bỗng nhiên voi chúa dừng lại. Nhà vua dùng roi thúc giục nhiều lần, voi chúa vẫn không di động. Bấy giờ, tể sư Bhāradvāja (tiền thân của đức Phật) liền xuống tìm hiểu. Sau khi tìm hiểu xong, vị tể sư bay lên không trung tâu với vua rằng khu vực này có cây Bồ đề là nơi chư Phật đắc đạo và khuyên nhà vua nên xuống đánh lễ cây Bồ đề. Khi xuống tới nơi, thấy khung cảnh linh thiêng, nhà vua khen ngợi tể sư chính là bậc Nhất Thiết Trí nhưng tể sư không dám nhận những lời khen thái quá đó và trả lời rằng chư Phật mới xứng đáng những lời khen như thế.

Lúc bấy giờ, đức Phật dùng bài kệ giải thích việc này:

“Không nhận những lời khen thái quá đó, Bà la môn Bhāradvāja tâu với vua rằng:

Thưa đại vương, thần chỉ là một người đoán tướng số,

Chư Phật mới là những bậc Nhất Thiết Trí (sabbaññū).” [8].

I.1.5. Mi-Tiên vấn đáp [9]

Trong Mi Tiên vấn đáp, có hai lần vua Mi Lan Đà [10] hỏi ngài Na Tiên [11]: “Thưa ngài Na Tiên, đức Phật có phải là bậc Nhất Thiết Trí (sabbaññū), bậc Nhất Thiết Kiến không?”. Cả hai lần, ngài Na Tiên đều trả lời: “Thưa đại vương, đức Phật là bậc Nhất Thiết Trí, bậc Nhất Thiết Kiến.” [12]. Ngoài ra, còn có nhiều lần vua Mi Lan Đà nghi ngờ và gặng hỏi ngài Na Tiên về Nhất Thiết Trí của đức Phật. Dưới đây chỉ ghi lại đại ý của hai lần.

Có một lần, vua hỏi rằng nếu đức Phật là bậc Nhất Thiết Trí, tại sao Ngài không chế ra giới cấm cùng một lúc mà phải đợi có người phạm giới rồi mới chế. Ngài Na Tiên trả lời: Đức Phật cũng như thầy thuốc, biết tất cả các phương thuốc trị bệnh, nhưng phải chờ khi nào có người bị bệnh và tùy theo căn bệnh của từng người mà cho thuốc. Sau đó, ngài Na Tiên khẳng định đức Phật là bậc Nhất Thiết Trí [13].

Chỗ khác, vua Mi Lan Đà hỏi ngài Na Tiên rằng nếu đức Phật biết Đề Bà Đạt Đa sau này sẽ phá hòa hợp Tăng, và do tội phá hòa hợp Tăng này sẽ thọ nghiệp trong một kiếp mà vẫn cho Đề Bà Đạt Đa xuất gia thì đức Phật không phải là bậc Đại từ bi; còn nếu như không biết Đề Bà Đạt Đa sẽ phá hòa hợp Tăng mà cho xuất gia thì đức Phật không phải là bậc Nhất

Thiết Trí. Ngài Na Tiên trả lời rằng vì đức Phật là bậc Nhất Thiết Trí nên biết rất rõ Đề Bà Đạt Đa sẽ phá hòa hợp Tăng, và vì Ngài là bậc Đại từ bi nên mới cho Đề Bà Đạt Đa xuất gia. Nếu không xuất gia, ở tại gia, Đề Bà Đạt Đa sẽ còn tạo nghiệp nhiều hơn, và sẽ thọ nghiệp trong trăm ngàn kiếp chứ không phải chỉ có một kiếp [14] (còn tiếp). ■

* Chú thích:

[1] Trong Hán tạng, từ *sarvajña* có khi được phiên âm là *Tát văn nhĩ* (Trung A-hàm kinh, “Đại chánh Tân tu Đại tạng kinh” (sẽ viết tắt là *Đại*) 2, tr. 753c8), *Tát văn nhiên* (Quang tán kinh, *Đại* 8, tr.176b17), *Tát bà nhĩ* (Phật bản hạnh tập kinh, *Đại* 3, tr.721c13), *Tát phạt nhĩ* (Bảo tích kinh, *Đại* 11, tr.239c12)...

[2] Trong Wakahara (1985, tr.52-78), từ *sarvajña* là được dịch là *bậc Toàn tri* (Wakahara (1985, tr.52-78): Wakahara Yusho. Trong *Mi-Tiên vấn đáp*, từ *sabbaññū* được dịch là *bậc Toàn giác*. Xin xem <http://www.thuvienhoasen.org/mitienvandap-03.htm>

[3] Trong bài viết này, từ ngữ ‘*Kinh điển A-hàm*’ bao gồm: năm bộ *Nikāya*, bốn bộ *A-hàm* và sáu bộ *quảng luật*. Năm bộ *Nikāya*: *Kinh Trường bộ*, *Kinh Trung bộ*, *Kinh Tương ưng*, *Kinh Tăng chi* và *Kinh Tiểu bộ*. Bốn bộ *A-hàm*: *Kinh Trường A-hàm*, *Kinh Trung A-hàm*, *Kinh Tăng Nhất A-hàm* và *Kinh Tạp A-hàm*. Sáu bộ *quảng luật*: *Luật tạng Pāli* (*Vinaya Pitaka*) thuộc tạng *Pāli*; *Tứ phần luật*, *Ngũ phần luật*, *Thập tụng luật*, *Căn-bản-thuyết-nhất-thiết-hữu-bộ luật* và *Ma ha tăng kỳ luật* thuộc tạng *Hán văn*.

[4] *Majjhima-Nikāya* vol. I, PTS (Pali Text Society), London, 1979, tr.171. Bản dịch Việt văn của HT. Thích Minh Châu, đăng trên <http://www.thuvienhoasen.org/u-trung26.htm>.

[5] *Vinaya Pitaka* Vol. I (*Mahāvagga*), PTS, London, 1964, tr. 8. Bản dịch tiếng Việt của Tỳ-khưu Indacanda Nguyệt Thiên, đoạn này được dịch là: “Ta vượt trên tất cả, hiểu biết được toàn bộ...” Xin tham khảo: <http://www.buddhanet.net/budsas/uni/u-luat-daipham/dp-01a.htm>

[6] Theo lịch pháp Ấn Độ, một ngày một đêm được chia thành 6 thời: ngày có 3 thời, đêm có 3 canh. *Đại* 54, tr. 1092b24.

[7] *Jātaka* vol. I, PTS, London, 1962, tr. 75-77.

[8] *Jātaka* vol. IV, PTS, London, 1963, tr.235.

[9] *Mi-Tiên vấn đáp*, tựa đề chữ Pāli là *Milindapañho*, ghi lại nội dung vấn đáp về Đạo giữa vua Mi-lan-đà và ngài Na-tiên, được Phật giáo Tích Lan kết tập vào năm bộ *Nikāya*. *Mi-Tiên vấn đáp* có hai bản dịch bằng chữ Hán, đều mang tựa đề giống nhau là (*Na-tiên tỷ kheo kinh*) mang số hiệu 1670A và 1670B, *Đại* 32. Về mặt số lượng, cả hai bản dịch Hán văn đều chỉ bằng một nửa của bản Pāli. *Na-tiên tỷ kheo kinh* đã được nhiều vị dịch sang Việt văn như quyển *Kinh Na-tiên tỷ kheo* của giáo sư Cao Hữu Đính, v.v...

[10] Vua Mi-lan-đà tức vua Milinda (ghi theo sử liệu Ấn Độ), Menander I (ghi theo sử liệu Hy Lạp), cai trị vương quốc Ấn-Hy (Indo-Greek Kingdom) ở Bắc Ấn Độ và Pakistan ngày nay, từ 165 (hay 155) BC tới 130 BC. Sau khi hỏi Đạo nơi ngài Na-tiên, vua truyền ngôi vua lại cho con, xuất gia, tu học và chứng thánh quả A-la-hán.

[11] Ngài Na-tiên tức ngài Nāgasena, một vị thánh tăng ở Ấn Độ, sống vào khoảng 150 BC.

[12] *Milindapañho*, PTS, London, 1962, tr.74, 102.

[13] *Milindapañho*, tr.74. Đoạn kinh tương đương bên là *Đại* 32, 701c12-21.

[14] *Milindapañho*, tr.107-108. Những lần hỏi và đáp khác về nhất thiết trí của đức Phật: *Milindapañho*.



NGHIỆP LÀ GÌ?

1. Không thể nghĩ bàn

Trong cuộc sống, có một số điều “bất khả tư nghị”. Không nên bàn nhiều, chỉ tin mà làm. Nhiều người do là kẻ phàm phu không biết, không hiểu nên thường tự hỏi: Sao có người tốt quá mà chết sớm. Đó là do họ không biết được nhân quả của kiếp trước, kiếp sau.

Đối với Thiền định hay còn gọi là samadhi nên làm nhiều hơn nói, nghĩa là nên thực tập thiền hơn là nói về thiền. Bởi khi thực hành thiền, con người có thể có một số khả năng như: Tiếp xúc với người âm, khả năng bay v.v... Tại Thái Lan, trong một chương trình truyền hình phát sóng ghi lại hình ảnh một sư cô ngồi dưới hồ nước thiền định. Trong kinh Phật có câu chuyện kể về một vị sadi nhằm chán thế gian quá bèn đi xuống biển ngồi thiền. Do đó, Thiền là một lĩnh vực không thể nghĩ bàn, rất màu nhiệm.

Kinh Phật cũng nói có những pháp tu làm cho con người đạt đến thần thông. Do đó, thực tu, thực tập nhiều chứ không phải nói nhiều. Trong thực tế chẳng ai thấy con rắn 7 đầu cả nhưng đến chùa chúng ta có thấy hình ảnh con rắn 7 đầu che trên đầu tượng Phật. Trong lịch sử Phật giáo có kể rằng: Khi đức Phật thành đạo, có một con rắn 7 đầu đã phùng mang che cho Ngài. Có thể người ta nghĩ những gì kinh Phật nói rất khó tin, nó có vẻ như huyền thoại. Nhưng cuối năm 2010, báo chí đưa tin ở Ấn Độ xuất hiện một con rắn 5 đầu ở Nam Ấn. Vậy nếu mình do

Vừa qua tại chùa Bửu Quang Quận Thủ Đức TP.HCM, hàng trăm công nhân thuộc Công ty giày Thái Bình đã tham dự buổi thuyết Pháp do Đại đức Thiện Minh – Ủy viên Hội đồng Trị sự, Giảng sư Ban Hoằng Pháp TW thuyết giảng. Dịp này, 59 công nhân thuộc Công ty giày Thái Bình đã phát nguyện quy y Tam bảo. Đây là những công nhân thuộc đạo tràng Giác Bảo Hoa thường xuyên tham dự các khóa thính Pháp tại chùa Bửu Quang. Họ là những công nhân xa nhà đến từ khắp nơi trên cả nước. Có người quê ở các tỉnh miền Bắc như Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, cũng có người ở miền Trung như Quảng Nam, Đà Nẵng nhưng ai cũng muốn gieo hạt giống giác ngộ. Cô Nguyễn Thị Cúc – Trưởng phòng Đời sống của Công ty nghĩ đến thiện căn đó nên đã thường xuyên dẫn dắt họ đến chùa Bửu Quang nghe Pháp gieo duyên. Nhân lễ quy y này, Đại đức Thiện Minh đã thuyết giảng đề tài “Nghiep” giúp anh chị em công nhân hiểu rõ hơn về nhân quả để sống an vui, hạnh phúc.

không thấy nên không tin, không hiểu nên không tin thì hãy cứ tập tu đi. Từ từ sẽ chứng nghiệm.

2. Câu chuyện về nhân quả

Chuyện xảy ra trong thời Đức Phật còn sinh tiền. Thời đó, mỗi buổi sáng các đệ tử Phật sau khi khất thực xong thì đi vô rừng để thọ thực. Có một vị đệ tử Phật gặp một người thợ săn. Người thợ săn ngày hôm đó không bắn hạ được con thú nào nên rất buồn, rất sợ khi trở về nhà sẽ bị vợ và mẹ vợ chửi mắng. Nhà Sư an ủi người thợ săn và nói:

- Ta sẽ cho ông một câu thần chú, ông cứ đọc câu thần chú này, thì sẽ không bị ai la rầy làm cho ông buồn phiền nữa. Câu chú như thế này: Buddham saranam gacchami, Dhammam saranam gacchami, Sangham Saranam Gacchami, Dutiyampi, Tatidampi.

Người thợ săn vui mừng vừa đi vừa đọc, đọc mãi các câu thần chú đó. Cho đến khi ông ta trở về nhà. Người vợ và bà mẹ vợ thấy ông ta đi săn mà không có mang về con thú nào cả, còn miệng thì cứ lép nhép không ngừng nghĩ nên họ rất tức giận nói:

- Đọc chú gì đó, nhà cần gạo, cần con thú để ăn, không cần thần chú, ông hãy đem câu thần chú đó trả lại cho ông thầy tu kia, chừng nào trả xong thì mới được về nhà đây.

Người thợ săn buồn bã đi tìm nhà sư để trả lại câu thần chú. Nhưng vị Thầy nói rằng: “Ta xưa nay chỉ cho chứ không nhận lại. Có một vị sẽ nhận lại câu chú, đó là Phật tổ ở Kỳ Viên tịnh xá, nơi đó đi phải mất 16 do tuần, xa lắm.

Người thợ săn không còn cách nào khác bèn đi gặp Phật tổ. Trên đường ông ta đi, ông ta gặp 4 sự kiện sau đây:

1. Gặp 500 cô tiên nữ xinh đẹp, đặc biệt họ không mặc quần áo. Họ nhờ người thợ săn hỏi Phật tổ vì sao họ phải chịu kiếp sống lúc nào cũng trong tình trạng lỏa thể như vậy.

2. Gặp một con voi ăn gai, miệng chảy máu, đau nhức nhưng vẫn phải ăn. Con voi nhờ người thợ săn hỏi Phật tổ vì sao nó phải ăn gai mà không thể ăn những thức ăn ngon khác.

3. Gặp một con rắn nằm quấn thân hình trên gò mối, nó dù ốm, dù đói cũng không bỏ đi nơi khác nên không có con mồi để ăn. Nó nhờ người thợ săn hỏi Phật tổ vì sao nó bị như vậy.

4. Gặp một ông vua và cô công chúa. Cứ tới mùa hè là vua và công chúa ra ngoài cánh rừng dựng lều ở đó 3 tháng. Họ nhờ người thợ săn hỏi Phật tổ vì sao họ có cung vàng điện ngọc, mà phải đi ra sống nơi hoang dã như vậy trong suốt thời gian 3 tháng.

Người thợ săn sau đó tới Kỳ Viên tịnh xá vào buổi chiều, khi ấy Phật tổ đang thuyết pháp. Sau đó, người thợ săn kể lại tất cả câu chuyện mà ông ta đã gặp trên đường đi và thưa với Phật xin trả lại câu thần chú của vị Thầy tu đã cho ông ta. Phật giải thích cho người thợ săn hiểu rằng: Câu chú mà ông ta thường niệm không phải là câu bùa chú gì cả, mà đó là câu con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, giúp cho những ai đọc câu này có được chủng tử giác ngộ, có được duyên lành với Phật Pháp. Người thợ săn nghe vậy bèn thôi, không đòi trả câu chú nữa. Theo đề nghị

của người thợ săn, sau đó, Phật trả lời những câu hỏi của người thợ săn về 4 trường hợp sau đây:

1. Về 500 cô tiên nữ sống giàu sang nhưng suốt đời không mặc quần áo là do biết bố thí cúng dường nhưng lại nuôi thú vật rồi bán thú, lấy tiền đó mua đồ trang sức làm đẹp, khi nuôi thú vật thì cũng có lúc đánh đập chúng, nên khi trả quả là sống không mặc được quần áo, chịu cảnh lỏa thể như thế.

2. Voi ăn gai là do ngày xưa voi là một vị quan tòa sống không thanh liêm, đổi trắng thay đen, do không có thiện tâm nên sanh làm voi, do nghiệp quả nên cái miệng ngày xưa nói lời gian dối, độc ác nên bây giờ phải ăn gai, miệng tóe máu, đau đớn.

3. Con rắn kiếp trước là ông bá hộ giàu có, nhưng keo kiệt, không giúp đỡ người khác. Do hành động bòn xén, nên khi chết nhớ tiếc của cải quá bèn sanh làm con rắn suốt ngày quấn lấy cái gò mối là nơi chôn vàng của ông bá hộ xưa kia.

4. Vua và công chúa xưa kia là vợ chồng làm nghề thợ săn, thường hay đốt lửa để săn bắn muông thú. Người ta thường nói: “Nhất phá sơn lâm, nhì đâm hà bá”, làm cho chúng sanh trên rừng, dưới biển đau khổ, chết chóc hoặc làm thay đổi môi trường sống của muôn loài là tội rất lớn. Vì vậy, vua và công chúa do nghiệp quả, mà phải chịu sống trong rừng cô độc và thiếu thốn như vậy.

Người thợ săn ngộ được lời dạy của Phật, vui mừng ra về. Trên đường về, ông ta gặp nhà vua kể lại câu chuyện nên được vua tặng cho một cục vàng. Gặp rắn, ông cũng kể cho rắn nghe những lời Phật dạy. Con rắn nói: Của cải này giờ đây thật vô nghĩa. Rắn cho người thợ săn tất cả vàng dưới gò mối. Còn 500 cô tiên nữ đãi người thợ săn một bữa cơm ngon và hứa với người thợ săn là sẽ cố gắng tập sống tốt hơn.

Khi người thợ săn về tới nhà, thì cũng là lúc người vợ và bà mẹ vợ đã biết ăn năn vì sự đối xử hung dữ và lòng ích kỷ của họ trong thời gian qua. Họ hứa với lòng sẽ cư xử tốt hơn, đồng thời, ông kể lại chuyện đi trả lại câu chú và đem vàng, của quý ra đưa vợ và mẹ vợ, họ vui mừng khôn tả.

3. Vậy Nghiệp là gì?

a. Hiện nghiệp: Những câu chuyện trên phản ánh rất rõ về nhân quả trong đời sống hằng ngày. Kinh Phật dạy rằng nghiệp (nghiệp là hành động tạo tác) có 3 loại: Hiện nghiệp: trổ quả hiện tại, thiện nghiệp hay ác nghiệp cũng có thể trổ quả





ngay trong kiếp hiện tại. Chuyện kể rằng xưa có hai vợ chồng nông dân nghèo khó nhưng có lòng thành cúng dường Ngài Xá Lợi Phất (sau khi Ngài xả thiên diệt) một bữa cơm trưa. Cúng dường xong, hai vợ chồng đi cày ruộng thì cày tới đâu gặp được vàng tới đó. Nhà vua biết được bắt đem vàng đó sung vào công quỹ. Nhưng khi lính của nhà vua hốt vàng lên thì vàng biến thành đất. Chỉ có hai vợ chồng kia mới cầm được vàng đem về. Câu chuyện có thể hiểu rằng: Phước ai nấy hưởng. Thời nay, ai cũng biết có người mua một cái nhà, hay miếng đất chừng vài ba chỉ vàng nhưng nay trị giá hàng ngàn cây vàng, thì rõ ràng phước ai nấy hưởng vậy.

Có một câu chuyện khác kể rằng đứa con bất hiếu với cha mẹ, chửi mắng cha mẹ. Mỗi ngày người con đi chăn trâu, còn người mẹ ở nhà nấu cơm canh cho con ăn. Một hôm, không biết do bức tức điều gì đứa con giận dữ hắt nguyên tô canh vô mặt mẹ mình. Đến một hôm, người con chăn trâu ngoài đồng thì bị sét đánh chết. Đám tang vừa xong ba ngày thì sét đánh cái mả chôn người con nứt ra làm hai. Ai cũng nên biết rằng đối với: Cha mẹ, Phật tổ, những vị chân tu, những vị tu thiện có thần thông nếu bất kính quả báo sẽ trở ngay trong hiện tại.

b. Hậu nghiệp: Trở quả kiếp sau. Ca dao Việt Nam có câu:

*"Ai ơi cố gắng làm lành
Kiếp này không được để dành kiếp sau".*

Do vậy, trong đời sống hằng ngày hãy nên biết bổ thí, cúng dường để có phước báu về sau. Ví dụ: mắt mờ nên biết bổ thí nhang, đèn; người có dung mạo xấu xí nên biết bổ thí, cúng dường y phục; muốn an vui hãy bổ thí xe, thuyền. Bổ thí vật quý trọng hằng được sự quý trọng. Bổ thí vật vừa lòng hằng được sự vừa lòng. Đó là do nhân quả. Nhân quả do thân, khẩu, ý mà ra

*"Ta đi với nghiệp của ta
Dù cho tốt xấu tạo ra tự mình".*

Như vậy, các anh chị em ngồi đây, những người đã quy y Tam bảo là đã gieo một chủng tử tốt. Chủng tử đi theo mình hoài, đời nào, kiếp nào cũng không rời.

Xưa Trưởng lão Thánh tăng Assaji tu hành có tướng mạo oai nghi. Xá Lợi Phất khi gặp Trưởng lão hoan hỷ và cầu xin Trưởng lão Assaji nói một câu,

một lời dạy nào để ngài theo đó tu tập. Ngài Assaji dạy "Ye Dhamma hetuppabhava tesam tathagato Aha tesanca yo nirodho evam vadi mahasamano": Tất cả Pháp sanh lên đều do nguyên nhân, đấng Như Lai chỉ ra nguyên nhân đó. Nguyên nhân ấy diệt, thì Pháp ấy diệt. Bậc đại Sa môn đã dạy như vậy. Nghe xong, ngài Xá Lợi Phất bừng ngộ và chứng quả vị Tu đà huân. Sau này, khi đã tiến xa trên con đường tu tập, ngài Xá Lợi Phất luôn nhớ ơn ngài Assaji đã khai ngộ, khai thông dòng suối giác ngộ, giúp cho ngài biết được chánh Pháp.

Tục ngữ Việt Nam có câu: "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" cũng là nhắc cho mình sống là phải có lòng biết ơn đối với người đã giúp mình.

c. Vô gián nghiệp (hay còn gọi là vô hạn nghiệp): Dù thiện hay bất thiện, những nghiệp ta đã tạo ra sẽ cứ chờ đó, chừng nào đủ duyên thì sẽ trở quả. Nghiệp cứ đi theo hoài, không bao giờ mất mà đúng lúc thì trở quả vậy thôi. Do đó, các vị A La Hán sẽ không tạo nghiệp mới nhưng vẫn phải trả nghiệp cũ.

Có thể nói, người quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng là người quay về nương tựa nơi Đức Phật, nơi giáo Pháp, nơi chư Tăng, là đã gieo chủng tử giác ngộ cho đời này, đời sau. Hãy luôn nhớ nhân quả là do thân, khẩu, ý sanh ra. Người quy y phải luôn giữ 5 giới. Nếu người quy y lỡ có phạm giới thì tội sẽ nhẹ hơn người chưa quy y. Vì chắc chắn người đã quy y thì tâm không cố ý phạm giới. Chỉ khi nào tâm cố ý phạm giới thì tội rất lớn.

Do vậy, đã quy y rồi thì hãy luôn luôn giữ giới bằng thân, khẩu, ý để đừng gây nhân quả, đừng tạo nghiệp. Người tu phải biết sợ hành động bất thiện mình đang làm. Không sợ thành công hay thất bại, không sợ đúng hay sai mà hãy biết sợ nhân quả. Biết sợ nhân quả thì sẽ không làm tổn hại đến chúng sanh, không làm những điều bất thiện vậy. ■



Nguyễn Thị Tươi (PD: Hoa Huệ)

Truong em Áo Tím đầu lòng
 Gia Long chính giữa thân rồng hóa tiên
 Minh Khai liệt nữ hiện tiền
 Ba ngôi chung một khắp miền nước non.
 Giáo truyền lễ nghĩa điểm son
 Thầy trò đức độ vẹn toàn kếm ai
 Công dung ngôn hạnh "Thánh tài"
 Gia Long tỏa ngộ thoát loài ác ma
 Hương thơm ngược gió chung nhà
 Danh trường nay vẫn kiêu sa đất trời
 Điển hình Hoa Lệ giúp đời
 Hòa Bình du lịch danh ngời Việt Nam
 Rồi thêm Quang Giới phát tâm
 Cúng dường thư viện Bửu Quang Phật Đà
 Xây cầu hướng thiện lợi tha
 Gia Long, Áo Tím, Minh Khai rạng ngời
 Đạo đời chung lối thanh thời
 Ba ngôi như một "đường trời" phúc an.



Huệ Trắng

Lớp tôi bé bé xinh xinh
 Nằm bên hông mái Tổ đình Bửu Quang
 Ngày ngày luôn mãi ngân vang
 Lời Kinh của Đấng Đại Ngàn huyền vi
 Những lời của Đấng Từ Bi
 Để cho ta được liễu tri tận tường
 Pháp nào là Pháp Vô thường
 Sẽ đưa sanh chúng vào đường tử sanh
 Vì trong tất cả duyên lành
 Đều do nghiệp quả thực hành khi xưa
 Như trời có nắng có mưa
 Luân hồi cũng vậy có chừa ai đâu
 Ai ai cũng mãi tầm cầu
 Mà không hiểu được chiều sâu vấn đề
 Là do Tham ái si mê
 Sẽ đưa sinh chúng đi về cõi đau
 Vậy nên ta hãy cùng nhau
 Học Pháp cho trúng để mau ly trần
 Trước là giải thoát tám thân
 Sau là ta được đến gần Như Lai.

Thực hành Giáo Pháp trong cuộc sống bận bịu

Phan Minh Đức

Sống trong thời buổi mà nhu cầu và cường độ làm việc cao khiến cho bạn không có nhiều thời gian tu tập. Nhưng là người có niềm tin vào giáo Pháp, bạn tin chắc sự tu tập có thể giúp bạn đạt được an lạc trong đời sống hiện tại và tương lai. Trong 24 tiếng đồng hồ của một ngày đêm không đủ cho công việc và sự nghỉ ngơi, làm thế nào để bạn có thể tu tập, thực hành các pháp môn Phật dạy? Bạn không thể chỉ đọc qua những lời dạy của Đức Phật để biết và hiểu, mà cần phải thực hành. Tuy nhiên, bạn không thể phân bổ, sắp xếp thời gian cho tu tập, vậy phải làm sao? Bạn cần nên tu tập ngay trong công việc của mình. Đó là câu trả lời dành cho bạn.

Có thể bạn sẽ thắc mắc: Làm sao tôi vừa làm việc vừa ngồi thiền? Hoặc vừa làm việc vừa tụng kinh, niệm Phật? Bạn thắc mắc đúng nhưng vì bạn chưa hiểu mục đích cốt lõi của việc tọa thiền, tụng kinh hay niệm Phật v.v... Tất cả những pháp thức đó đều nhằm đạt đến sự thanh tịnh, nhất tâm, ngoài ra, còn có lợi ích tăng thêm phước báu. Đành rằng bạn không thể ngồi thiền, tụng kinh hay niệm Phật được trong lúc làm việc, nhưng bạn vẫn có thể đạt được sự thanh tịnh và nhất tâm bằng cách thực hành chánh niệm. Chánh niệm là nền tảng của các pháp môn có năng lực đưa đến sự thành tựu Giới, Định, Tuệ.

Chánh niệm là ý thức sự có mặt của mọi sự vật và sự việc xung quanh ta, ý thức về bản thân mình và người khác, ý thức trong từng hành động và lời nói, ý thức mọi diễn biến của thân và tâm. Thực tập chánh niệm là bạn biết rõ mình đang nghĩ gì, làm gì. Luôn giữ cho tư tưởng bạn trong sáng không lẫn lộn xen tạp những ý niệm, nghĩ suy không lành mạnh, không chơn chánh, hoặc những ý tưởng không nằm trong phạm vi việc làm của bạn. Ví dụ đơn giản như mỗi sáng sau khi bạn thức dậy bạn làm gì? À, bạn rửa mặt, đánh răng, ăn sáng, chuẩn bị đi làm v.v... Khi đến công ty bạn làm ở khâu nào, gồm những công việc gì..., bạn đều ý thức không cho lẫn lộn hoặc lúc nhớ lúc quên.

Bạn có thể thực tập phương pháp này bằng cách tưởng thầm hoặc có thể đọc thầm những hành động bạn đang làm trong công việc, chẳng hạn: "Tôi đang may", "tôi đang cắt chỉ", "tôi đang đi xuống cầu thang", "tôi ăn cơm", "tôi uống nước" v.v... Điều quan trọng



Không phải ngồi như thế này mới gọi là thiền

là tập trung chú ý vào công việc, không một tạp niệm xen vào, không nghĩ lan man về điều khác. Biết rõ bạn đang làm gì, bạn ý thức trong từng hành động, cử chỉ. Khi có một tư tưởng đi hoang, bạn nhận biết nó và lập tức dừng lại, không để tư tưởng tiếp tục rong chơi. Khi khởi lên tư tưởng bất thiện, bạn cũng nhận biết rõ và lập tức không để cho nó phát triển thêm nhiều. Đó là sự tỉnh giác và giữ gìn chánh niệm.

Người không có thực tập chánh niệm, khi làm việc họ suy nghĩ miên man, toan tính việc nọ việc kia, nhớ tưởng chuyện đã qua hay lo nghĩ, mộng mơ chuyện chưa tới. Vì không chú tâm vào công việc nên họ không thành tựu năng lực của chánh niệm và không đạt được hiệu quả mà công việc yêu cầu.

Thực tập chánh niệm giúp chúng ta có khả năng tập trung cao và tinh thần tỉnh táo, sáng suốt hơn, đưa đến sự thành công trong công việc, đồng thời tạo cảm giác an lạc, thoải mái, dễ chịu, không căng thẳng, mỏi mệt khi công việc quá nhiều. Có chánh niệm bạn sẽ cảm nhận được nhiều điều thú vị trong cuộc sống, những điều mà khi sống bề bộn quay cuồng bạn không ý thức được. (xem tiếp trang 47)



TÔN GIÁO

giúp giới trẻ ngăn chặn tội phạm

Theo: **Pháp luân Online**
(tiếp theo & hết)

4. Yếu tố xã hội.

Vấn đề tồn tại đáng quan ngại vẫn là sự quản lý thiếu tính nghiêm minh của pháp luật. Theo bản thân, nền giáo dục hiện nay chưa đủ chuẩn, cộng với chế tài của pháp luật còn quá lỏng lẻo, thiếu tính nghiêm khắc thì hậu quả về đạo đức xã hội sẽ còn khó lường hơn hôm nay. Thiết nghĩ ngành giáo dục cần đưa ngay môn tâm lý học vào trong học đường khi con em còn rất nhỏ, vì trên góc độ tâm lý học, mọi hành vi của con người đều có ý thức tham gia. Nhà tâm lý học người Mỹ William James đưa ra trong cuốn "The Principles of Psychology" (Cơ sở tâm lý học) xuất bản năm 1890, Ý thức Thuật ngữ tiếng Anh "stream of consciousness" cho rằng "ý thức là một dòng chảy, một dòng sông mà ở đó những tư tưởng, cảm xúc, liên tưởng bất chợt luôn lẫn át nhau và đan bện một cách kỳ quặc, "phi logic". Ở một phương diện khác, có thể nói dòng ý thức là mức tối hạn, là dạng cực đoan của độc thoại nội tâm." Như vậy, chúng ta nên quan tâm đến tâm lý ý thức khi con trẻ bắt đầu cảm nhận sự việc tùy theo độ tuổi cũng như môi trường xã hội mà các em đang tiếp xúc. Do vậy, nếu như các em sớm được tiếp xúc với môn tâm lý thì ý thức của các em sẽ phát triển theo chiều hướng lành mạnh, trên cả yếu tố thân vật lý và tâm sinh lý.

5. Yếu tố Tôn giáo

Những yếu tố quan trọng đã nêu, thì yếu tố tâm lý Tôn giáo cũng không thể là phần nhỏ trong vấn đề ngăn ngừa tội phạm.

Đứng trên góc độ tâm lý, nếu một người có đức tin, hay họ đã lựa chọn cho mình một đức tin, thì ít

nhiều yếu tố tín ngưỡng sẽ có sự gò thúc vô hình đối với họ, khi đó tính chất của giới luật sẽ ngăn chặn họ thực hiện hành động phi nhân tính. Có Tôn giáo sẽ tốt hơn, hay ít nhất ít phạm pháp hơn. Nếu ai cũng có một đức tin để theo, để tu thì xã hội sẽ bớt đi gánh nặng, đó là sự thật mà các nước đều áp dụng.

Người viết nêu ra những nguyên nhân khiếm khuyết gần xa mà các nhà chức trách của chúng ta có lẽ chưa thực sự quan tâm đúng mức, dẫn đến tình trạng tội phạm trẻ hóa ngày một gia tăng, làm thế nào để ngăn chặn những mầm mống nguy hại này có lẽ cần đến biện pháp hỗ trợ của Tôn giáo.

Tâm lý Tôn giáo trong việc ngăn ngừa giới trẻ tội phạm

Phương pháp ngăn ngừa có lẽ sẽ đem lại hiệu quả nhất đó là áp dụng tâm lý Tôn giáo vào ngay trong học đường hoặc các nhà chức trách tại sở tại nên tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để các Tôn giáo có cơ hội mở lớp giáo lý, thông qua những vị Tu sĩ, họ sẽ tiếp cận với các em, giảng dạy cho thanh thiếu niên tinh thần "Tự bi", hay "Bác ái", nhờ đây các em sẽ ý thức giá trị đạo đức thông qua tâm lý Tôn giáo, đồng thời tâm lý Tôn giáo giúp các em nhận thức giá trị sinh mạng là điều cần quý trọng.

Các bậc phụ huynh hãy khuyến khích con em mình đến với các "khóa tu mùa hè" cho thanh thiếu niên do các tự viện Phật giáo tổ chức. Nhờ có tín ngưỡng, nhờ tiếp thu những lời Phật dạy như: Làm lành lánh dữ, thực hiện tính từ bi với đồng loại, bảo vệ tánh mạng người khác, xem mạng sống người khác như mạng sống của mình v.v... nhờ đây, náo bộ các em sẽ được gieo vào những hạt giống lành, và nhanh chóng đơm hoa kết quả thiện. Cụ thể, nhà Phật có phương pháp "Quy y". Nếu các em đã

được quy y, thì với các em hiểu và tôn trọng mạng sống của người khác là điều các em đã nhận giữ và tuân thủ khi đã thọ "5 giới của nhà Phật".

Mỗi lần tôi nghe các vị giảng sư Phật giáo giảng cho tín đồ, để tránh đọa lạc vào cảnh địa ngục ngạ quỷ chúng ta cần phải quy y và thọ trì 5 giới cấm của nhà Phật, cụ thể là: "Không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu". Nếu tránh được những điều này sẽ giúp tránh khỏi đau khổ về thể xác và thăng hoa tâm linh, giữ được 5 giới này đồng thời xa lìa ác đạo (tức xa lìa địa ngục khổ đau). Nhưng có lẽ giá trị đích thực của những lời dạy này phần nhiều hãy còn nằm trên ngôn ngữ văn tự, chưa thực sự có tác động mạnh vào tầng lớp thanh thiếu niên, nếu có chăng cũng chỉ được áp dụng cho một số ít tín đồ có tín ngưỡng Tôn giáo mà thôi, và cụ thể tính tích cực của giới cấm này sẽ được áp dụng bao nhiêu phần trăm vào cuộc sống hiện thực với hơn 88 triệu công dân như hiện nay.

Do vậy, để ngăn ngừa tội phạm có hiệu quả trong đó sự ủng hộ và đóng góp của Tôn giáo là cần được chú trọng. Tôn giáo là đại diện cho đạo đức, cho nhân quả, vì tín ngưỡng vẫn luôn có sức mạnh vô hình có thể ngăn ngừa ác niệm sanh khởi. Nếu như con người đã thực sự có tâm lý tín ngưỡng và hiểu đúng giá trị tín ngưỡng thì ít nhất họ cũng tránh được những điều bất thiện. Bởi vậy, chúng ta hãy sớm nghĩ cách ngăn ngừa tội phạm hóa vị thành niên.

Mỗi tôn giáo đều có luân lý đạo đức riêng, những luân lý ấy ít nhiều cũng góp phần làm tốt xã hội. Như ở Nhật Bản, người dân Nhật lấy tâm lý Tôn giáo làm thước đo giá trị đạo đức, và cụ thể giáo lý đạo Phật được áp dụng trong các công ty xí nghiệp, cho người quản lý doanh nghiệp và cả công nhân thực hiện. Ở nước Mỹ "Thánh Kinh" cũng được người công dân áp dụng như yếu tố tâm lý Tôn giáo cần được tôn sùng. Học giả Trung Quốc Trương Chánh Bình, chuyên gia nghiên cứu kinh tế Nhật, năm 2006, ông đã phát biểu: "Nhật Bản, Tôn giáo không chỉ ảnh hưởng đến luân lý đạo đức quốc gia mà còn là giá trị hướng thiện của con người. Tôn giáo được ứng dụng trong xí nghiệp, nhà máy, công sở... Do vậy, Tôn giáo được xem là vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc thiết lập trật tự Quốc gia và vấn đề phát triển xí nghiệp, có như thế thì thủ đoạn lợi nhuận không thể thực hiện nơi xí nghiệp, đó cũng là phương cách bảo tồn tính đạo đức và bảo đảm sức khỏe cũng

như tính mạng của người tiêu dùng khi xí nghiệp tạo ra sản phẩm". Đến Thái Lan mới mục thị tận tường xã hội Thái Lan, luôn rất quan tâm đến vị thành niên, họ có tổ chức rõ ràng, mang tính cộng đồng rèn luyện các vị thành niên vào tổ chức kinh doanh, nghề nghiệp, hoặc tu dưỡng bản thân ở chùa chiền để có đầy đủ đạo đức bước vào xã hội, những mong định hướng tốt cho bản thân và làm ích lợi cho xã hội. Việt Nam thì sao? vẫn còn tình trạng mạnh ai đạt được thì được, không thì để đó, có tổ chức nào cho các em vị thành niên phạm sai lầm, phạm tội hình sự có thể làm lại cuộc đời không? Có tổ chức nào tạo điều kiện, ưu ái, khuyến khích các em vô gia cư, lang thang, cơ nhỡ, hư hỏng tìm cái nghề nghiệp sinh tồn hay không? Đây cũng là vấn nạn cần có giải pháp. Tôi thấy, một hiện tượng lạ mắt có thể tồn tại một cách lạ lùng mà được trân trọng ở nước ta hiện nay là các quán nhậu, cafe, Karaoke mọc như nấm... nhưng thực tế những nơi đây có thể là nơi tụ tập cho các thói hư, tội phạm phát triển.... Ôi! Nếu nói thì bao giờ mới hết, chủ yếu các giới chức đã từng đi ra nước ngoài nhiều, cần học hỏi những cái hay bên nước bạn để làm đề tài suy nghĩ và áp dụng cho xã hội Việt Nam là tốt nhất.

Mọi Tôn giáo đều mang xu hướng nhập thế, không phải xa lìa thế tục mà tồn tại, hòa nhập để thấu hiểu nỗi thống khổ tinh thần, sự nghèo nàn cả vật chất và đạo đức đều chính là những động cơ gây nên những cảnh đau lòng cho xã hội. Tâm lý Tôn giáo nếu được triển khai và áp dụng trong học đường thì tội phạm có thể sẽ được giảm đi. Tôi luôn hy vọng sự phát triển xã hội nên đồng hành với vấn đề giáo dục, mà trong đó yếu tố đạo đức luôn phải được đặt lên hàng đầu, yếu tố tâm lý Tôn giáo cần được triển khai đúng chỗ, đúng lúc và hợp thời, có như thế thì nhà chức trách chúng ta cũng đỡ phần lao nhọc vì hiện tượng tiêu cực luôn phát triển theo cấp số nhân, đất nước Việt Nam ta sẽ ngày càng giàu đẹp và xã hội sẽ thanh bình khắp mọi hang cùng ngõ hẻm của cuộc đời nếu tội phạm ngày một thuyên giảm.

Sau cùng, để đất nước luôn rộng mở đón chào bình minh mới thì những bóng đen của tội lỗi và tội ác phải bị lùi dần, những công dân bất chánh phải sớm được giáo dục dù đó là nhà chức trách hay người đại diện cho dân nếu vi phạm. Có thể, con em chúng ta mới không học theo cái thói hư tật xấu của "Kẻ bề trên" đừng để "Thượng bất chánh, hạ tất loạn" trên có nghiêm thì dưới mới nể nang. ■



Đại Đức Danh Dương

- Phó trụ trì chùa Rạch Sỏi, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Chủ tịch Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước TP. Rạch Giá

Tuổi đời còn trẻ nhưng sư Danh Dương (SN 1977), Phó trụ trì chùa Rạch Sỏi, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang - Chủ tịch Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước (ĐKSSYN) TP. Rạch Giá, đã có rất nhiều việc làm thiết thực giúp ích cho cộng đồng và xã hội, góp phần đáng kể vào sự phát triển chung của tỉnh.

Hẹn gặp, nhưng bận dự khởi công căn nhà "Đại đoàn kết" do chính sư Dương đứng ra vận động để cất tặng hộ nghèo ở phường Vĩnh Lợi, nên đến ngày 3/2, đúng vào ngày thành lập Đảng, tôi mới gặp được sư. Vừa gặp, sư Dương báo tin vui: "Đến tháng 3/2012 tới là thi tốt nghiệp ngành Việt Nam học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (học từ xa) rồi. Học xong, thì mới bắt tay vào thực hiện những ấp ủ bấy lâu chưa thực hiện được nhiều, để giúp sư sãi, đồng bào Phật tử trên địa bàn có nghề lo cuộc sống".

Nói là ấp ủ, nhưng thực tế những năm qua tại chùa Rạch Sỏi này, chính sư Dương khởi xướng phong trào sư sãi, đồng bào Phật tử học nghề để sau khi hoàn tục, có công ăn việc làm giúp gia đình, quê hương ngày giàu đẹp thêm. Ấp ủ của sư Dương làm chưa được nhiều cũng phải, do hàng năm đến hè phải tập trung ôn tập thi hết học phần. Cũng chính sư Dương đứng ra xin mở lớp Đại học này tại chùa cho 35 sư sãi, đồng bào Phật tử và một số cán bộ tỉnh theo học. Vì các lớp học nghề cũng tập trung đúng vào dịp hè, nên sư Danh Dương vẫn băn khoăn không có nhiều thời gian để lo chu đáo cho lớp học, cũng như đi vận động con em Phật tử trên địa bàn đến học. Bên cạnh đó, vào dịp hè cũng là lúc các nhà sư trong chùa đứng ra dạy chữ song ngữ cho con em đồng bào Phật tử, nên đã chiếm gần hết thời gian. Không những vậy, sư Danh Dương còn là Chi hội trưởng Chi hội Thanh niên (TN) sư sãi nhà chùa.

Sư Dương nói: "Năm 2005, Chi hội sư sãi TN chùa được thành lập và đề cử làm Chi hội Trưởng. Thật ra, lúc đầu sư cũng chưa biết hoạt động ra sao, nhưng nhờ các cấp Hội LHTN tỉnh, TP. Rạch Giá và phường đến hướng dẫn, được tập huấn nên dần thành quen. Cũng nhờ tổ chức này, mà nhiều hội viên TN con em Phật tử có nơi sinh hoạt để qua đó mình truyền đạt những chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với họ. Bên cạnh đó, các ngày lễ, tết, nhà chùa đứng ra tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí đậm chất dân gian cho thanh niên Phật tử. Qua đó, con em đồng bào Phật tử vừa có sân chơi bổ ích, lành mạnh, lại là dịp để mình nói điều hay lẽ phải giúp họ chí thú làm ăn, hơn là đi chơi thâu đêm, nhậu nhẹt gây rối...".

Hiện nay, Chi hội TN có 25 hội viên sư sãi trong nhà chùa tham gia sinh hoạt. Qua sinh hoạt trong chi hội TN, nhiều phong trào của Đoàn, Hội phát động cũng được các nhà sư tham gia. Điển hình là phong trào hiến máu nhân đạo. Gần 6 năm qua, các vị sư trong nhà chùa đã tình nguyện hiến hơn 100 đơn vị máu, trong đó có những vị sư hiến đến lần thứ 6, thứ 7. Đi đầu thực hiện phong trào này là sư Dương, với 7 lần hiến máu cứu người, kể đến là sư Danh Thanh, Thái Diệu (6 lần)... Bên cạnh đó, thông qua phong trào "Thanh niên tình nguyện", các nhà sư cũng "xắn" tay vào làm đường, vệ sinh đường phố, bắc cầu. Đáng kể nhất là các vị sư trực tiếp cùng với thanh niên tình nguyện hè, hàng năm làm 3 cây cầu thanh niên trên địa bàn phường Vĩnh Lợi và góp 9 triệu đồng để cho những cây cầu nối những bờ vui, giúp con em địa phương đi lại được thuận tiện.

Thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội TP. Rạch Giá, các lớp dạy nghề miễn phí như cắt may, sửa chữa xe gắn máy, điện gia dụng cũng được mở ngay tại chùa vào dịp hè để sư sãi và



ĐD. Danh Dương đại diện Hội ĐKSSYN TP. Rạch Giá trao quyết định bàn giao nhà cho ông Trần Hường

con em Phật tử theo học. Đến nay, nhiều nhà sư sau khi hoàn tục đã có nghề và tự tìm việc làm ổn định. Trong đó, phải kể đến sư Danh So Cum, sau khi hoàn tục đã có nghề sửa điện gia dụng ở các nhà hàng, khách sạn, cuộc sống ổn định. Hay như sư Thái Diệu, Danh Tâm, đang đi học nâng cao tại Trường Trung cấp nghề tỉnh để về sửa chữa, lắp đặt đường dây điện trong nhà chùa và bà con Phật tử. Bên cạnh đó, nhà chùa đang nuôi hơn 20 con em đồng bào Phật tử nghèo theo học các trường cao đẳng, chuyên nghiệp trên địa bàn TP. Rạch Giá.

Sư Danh Dương bộc bạch: "Do trước đây nhà nghèo, nên chỉ học đến lớp 3 rồi nghỉ. Đến năm 17 tuổi, vào chùa tu báo hiếu và được nhà chùa cho đi học tiếp bổ túc văn hóa, chữ Khmer nên cũng theo được hết lớp 12 của cả hai. Sau khi học xong chương trình đại học, nguyện vọng của sư là tiếp tục học thêm một ngoại ngữ và học thêm vi tính để về truyền đạt lại cho sư sãi nhà chùa, cũng như đồng bào Phật tử ở địa phương".

Ông Trần Văn Tấn, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường Vĩnh Lợi, cho biết: "Sư Dương là người rất có uy tín với đồng bào Phật tử, nên rất thuận lợi trong công tác tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước". Ông Danh Thành, Bí thư Chi bộ khu phố 3-nơi sư Dương đang sinh hoạt chi bộ Đảng cho biết, với nhà chùa có vị sư là đảng viên thì rất thuận lợi trong việc truyền đạt những chủ trương của Đảng đến sư sãi, đồng bào Phật tử.

Với những việc làm thiết thực, hiệu quả, giúp ích cho cộng đồng và xã hội, năm 2006, sư Danh Dương được Trung ương Hội LHTN Việt Nam tuyên dương là "Thanh niên sống đẹp" và là một trong 10 gương mặt trẻ tiêu biểu của tỉnh Kiên Giang năm đó. Đến tháng 10/2009, sư Danh Dương vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam.■

(tiếp theo trang 43)

Trong thời buổi bạn phải đầu tắt mặt tối với công việc. Bạn cần một đời sống mà tâm trí bớt những lo âu, phiền muộn, giảm những căng thẳng mệt mỏi để bạn sống cảm thấy vui, đời sống có ý nghĩa. Tu tập chánh niệm là phương pháp giúp bạn có thể vừa làm việc vừa tu tập, không cần phải dành một khoảng thời gian riêng, bạn có thể thực hiện bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu. Đây là phương pháp tối ưu cho những người bận rộn.

Có rất nhiều bài kinh Đức Phật dạy phương pháp này, chẳng hạn trong kinh Thân hành niệm thuộc Trường bộ kinh, Đức Phật dạy các vị Tỳ-kheo: "Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đi biết rằng: "Tôi đi", hay đứng biết rằng: "Tôi đứng", hay ngồi, biết rằng: "Tôi ngồi", hay nằm, biết rằng: "Tôi nằm". Thân thể được sử dụng như thế nào, vị ấy biết như thế ấy. Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thể tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, chuyên nhất, định tĩnh. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo khi bước tới bước lui, biết rõ việc mình đang làm; khi ngó tới ngó lui, biết rõ việc mình đang làm; khi co tay duỗi tay, biết rõ việc mình đang làm; khi mang áo sanghati, mang bát, mang y, biết rõ việc mình đang làm; khi ăn, uống, nhai, nếm, biết rõ việc mình đang làm; khi đại tiện, tiểu tiện, biết rõ việc mình đang làm; khi đi đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức, nói năng, im lặng, biết rõ việc mình đang làm. Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thể tục được đoạn trừ, nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm an trú, chuyên nhất, định tĩnh".

Trong Tứ diệu đế, giáo lý nền tảng căn bản của đạo Phật, chánh niệm là một chi phần của Bát Chánh đạo (trọng tâm của Đạo đế). Tất cả các pháp môn của đạo Phật đều không ngoài Bát Chánh đạo, con đường dẫn đến Thánh quả. Với Chánh pháp, chỉ có thực hành mới đem lại lợi ích thiết thực. Hãy bắt đầu sự thực tập chánh niệm cùng với công việc của bạn. Tôi tin chắc rằng bạn sẽ thấy được giá trị của pháp môn này.■



Mà ngay cả khi trong sinh hoạt giao tiếp chúng ta cũng thiền được bằng cách biết rõ những gì mình đang làm.



Phật Giáo tại Sri Lanka

Minh Hạnh (chuyển ngữ)



Sri Lanka là một nước Phật giáo liên tục lâu đời nhất, Phật giáo Nguyên Thủy là tôn giáo lớn tại đất nước này kể từ khi được giới thiệu chính thức vào thế kỷ thứ II trước công nguyên bởi Ngài Mahinda, con trai vua A Dục của nước Ấn Độ đã đến Sri Lanka trong thời cai trị của vua Devanampiya Tissa. Sau đó, vị Tỳ kheo ni Sanghamitta, con gái của vua A Dục, được cho là đã mang một nhánh của cây bồ đề được chiết từ cây gốc, để trồng tại Anuradhapura. Từ ngày đó đến nay, các Phật tử ở Sri Lanka đã hết sức tôn kính nhánh cây bồ đề này là một phần của cây Bồ Đề chính tại Bồ Đề Đạo Tràng mà Đức Thế Tôn đã ngồi dưới bóng mát của nó để thiền định và đạt được giác ngộ.

Các nhà sư từ Tích Lan đã giữ một vai trò quan trọng trong việc truyền bá Phật giáo Nguyên thủy và Đại Thừa trong vùng Đông Nam Á. Tại Sri Lanka, trong thế kỷ thứ I AD trong thời cai trị của vua Vatta Gamini các nhà sư Phật giáo đã họp mặt tại tịnh xá Aloka và thảo ra Đại Tạng Kinh, ba tạng của giáo lý, được gọi là kinh điển Pali lần đầu tiên. Những vị Tỳ kheo ni đã giới thiệu Tăng đoàn Tỳ kheo ni vào Trung Quốc vào năm 433 AD. Trong thế kỷ XVI

người Bồ Đào Nha đánh chiếm Sri Lanka và đã đàn áp Phật giáo dã man cũng như tiếp theo đó người Hà Lan cũng đã đàn áp Phật giáo.

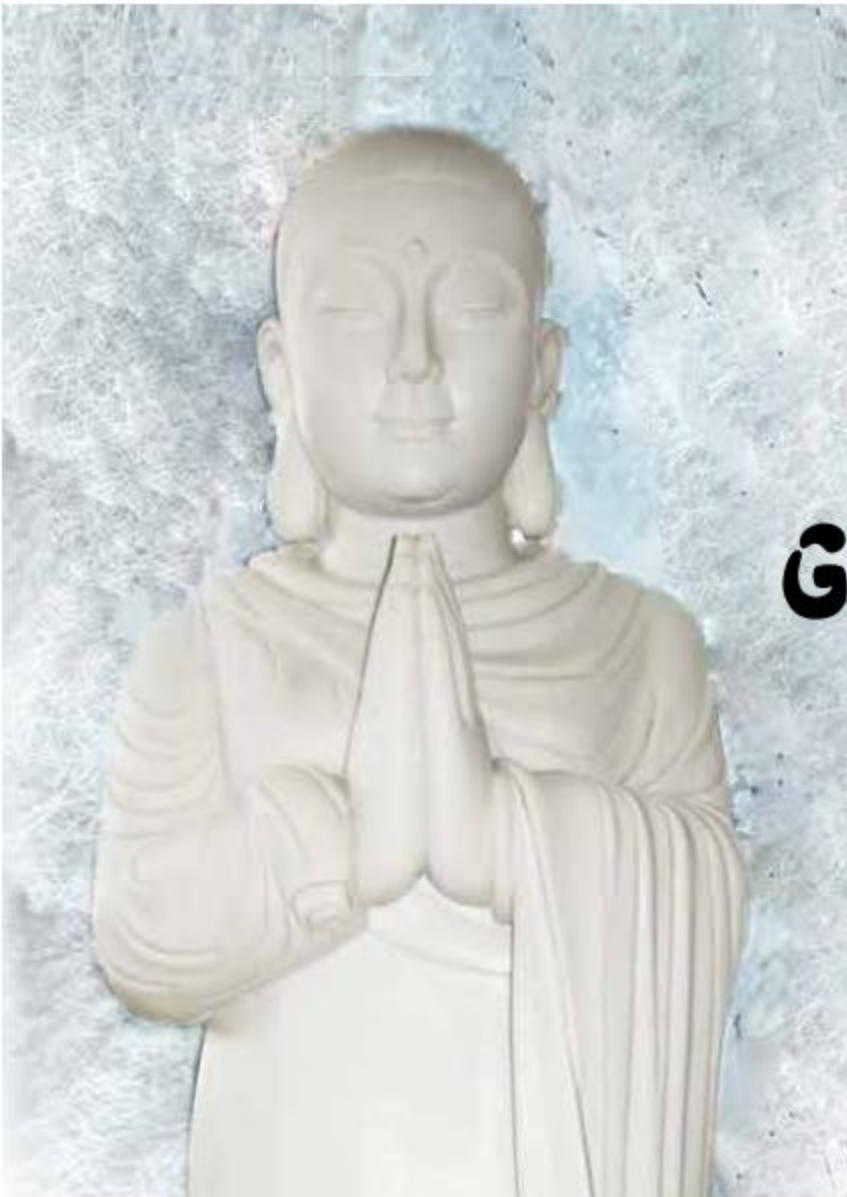
Vào đầu của Thế kỷ thứ XIX khi người Anh chiếm được quyền kiểm soát thì Phật giáo cũng đã bị suy giảm rất nhiều, tình huống như vậy đã khuyến khích các nhà truyền giáo người Anh tràn đến hải đảo này. Nhưng ngược lại với tất cả sự ước đoán, các tu sĩ và cộng đồng Phật tử đã mang đến sự hồi sinh quan trọng cho Phật giáo từ khoảng 1860 trở đi, một phong trào Phật giáo đã bộc phát song song với sự phát triển của phong trào quốc gia.

Kể từ đó, Phật giáo đã phát triển và các vị tu sĩ người Sri Lanka cùng với các người cư sĩ đã tận tình trong việc truyền bá Phật giáo Nguyên Thủy tại châu Á, phương Tây và ngay cả ở châu Phi.

Một số các đài kỷ niệm hùng vĩ nhất của thế giới Phật giáo nằm ở Sri Lanka, và nghệ thuật điêu khắc của Sri Lanka liên hệ mật thiết với nền nghệ thuật xưa kia của vùng thung lũng Krishma và của thời vua Chola và Pallava về sau, do mối tương quan gần gũi giữa Nam Ấn Độ và Sri Lanka.

Sri Pada: Ngọn núi linh thiêng nhất của Phật giáo

Theo như niên sử của Sri Lanka, từ Mahawamsa, một trong những người con của vua A Dục, là tu sĩ Mahinda, đã trông coi việc xây cất các tòa tu viện gần Anuradhapura. Đồng thời, Ông đã gửi người tới Ấn Độ để tìm những di tích của Đức Phật. Những vật này, theo như sử sách, gồm có bình bát của Đức Phật và xương cổ bên phải của Ngài. Sau đó, còn có tóc của Ngài, và vào thế kỷ thứ IV, răng của Ngài cũng đã được đưa tới Sri Lanka. Xá lợi răng này vẫn được giữ gìn cẩn thận tại Kandy nơi mà vào thế kỷ thứ XVI các nghi thức hàng ngày được cử hành để tôn kính xá lợi răng của Ngài tại đền Xá Lợi Răng, ở Kandy (xem tiếp trang 53).



Quá trình phục hoạt Giáo đoàn Tỳ kheo Ni ở Tích Lan(*)

Hema Goonatilake
Việt dịch: Trần Như Mai
(tiếp theo)

Mặc dù có sự chống đối từ nhiều phía khác nhau, nhiều ni chúng trẻ bắt đầu lên tiếng trên các phương tiện truyền thông bày tỏ thái độ mạnh mẽ ủng hộ việc phục hoạt giáo đoàn tỳ kheo ni. Các nguyệt san và tạp sách nhỏ hô hào việc phục hoạt đã xuất hiện. Báo chí chính mạch bằng cả tiếng Tích Lan lẫn tiếng Anh ngày càng đăng tải nhiều bài về cuộc tranh luận giữa tăng ni và nam nữ cư sĩ về vấn đề Tỳ kheo ni. Vấn đề này bây giờ đã trở thành một đề tài thảo luận liên tục trong quần chúng. Vào năm 1986, một phim tài liệu về phong trào ni giới được Công ty Phát hành Phim Quốc gia thực hiện. Cuốn phim này, bao gồm quan điểm của cả những người ủng hộ lẫn những người chống đối, đã đoạt được giải thưởng là phim tài liệu hay nhất trong năm. Cũng đã có những dấu hiệu đầy hy vọng khác nữa. Những tổ chức phụ nữ địa phương lần đầu tiên đã xem vấn đề thọ đại giới của Tỳ kheo ni là một vấn đề thuộc về các quyền lợi của phụ nữ và đã tổ chức những cuộc hội thảo ở cấp Quận và cấp Quốc gia trong đó có ni chúng tham dự. Một số đông học giả, cả cư sĩ lẫn tăng sĩ từ các trường đại học và tu viện đã bắt đầu cổ xúy việc phục hoạt và xây dựng liên minh với ni giới. Vấn đề Tỳ kheo ni cũng đã bước vào diễn đàn quốc tế. Vào giữa những năm 1980, nhiều phụ nữ châu Âu và Hoa Kỳ đã được thọ giới theo truyền thống Nguyên thủy cũng tích cực tham gia cuộc vận động. Một vị ni sư người Đức là Ayya Khema, là người thường xuyên thăm viếng và cư ngụ tại Tích Lan, đã là nguồn sức mạnh và hỗ trợ to lớn cho ni chúng Tích Lan. Nhiều vị tăng Tịch Lan

đang điều hành các tu viện Phật giáo ở phương Tây càng ngày càng trở nên cởi mở hơn về vấn đề này. Một số vị tăng này đã thực hiện việc thọ giới sa di cho ni chúng ở Hoa Kỳ. Những vị tăng Tịch Lan du hành ra khỏi nước thường phải đối mặt với các câu hỏi về lập luận của họ đối với việc loại bỏ phụ nữ ra khỏi giáo đoàn của Đức Phật.

Sakyadhita: Mạng lưới liên kết Nữ giới Phật giáo Quốc tế Hội nghị Quốc tế về Nữ giới Phật giáo của tổ chức Sakyadhita do Ni sư Karma Lekse Tso-mo cùng với sự hỗ trợ của Ni sư Ayya Khema và giáo sư Chatsumarn Kabilasigh (hiện nay là Ni sư Dhammananda) diễn ra lần đầu tiên vào năm 1987 tại Bồ Đề Đạo Tràng, đã đặt vấn đề phục hoạt giáo đoàn Tỳ kheo ni thành một vấn đề Quốc tế. Một trong những mục tiêu được đề ra của tổ chức Sakyadhita: "Hội Nữ giới Phật giáo Quốc tế là hỗ trợ những phụ nữ có nguyện vọng được thọ giới và hoạt động tiến tới thiết lập việc thọ đại giới cho ni chúng Phật giáo ở những Quốc gia hiện nay chưa có đại giới này". Đức Đạt Lai Lạt Ma, là vị diễn giả chính yếu tại Hội nghị đầu tiên của tổ chức Sakyadhita, đã hoàn toàn chấp thuận ý kiến này. Hội nghị Quốc tế lần thứ 3 của Sakyadhita được tổ chức tại Colombo vào năm 1993 đã tạo cơ hội cho ni chúng Tịch Lan lần đầu tiên được họp mặt và gặp gỡ các Tỳ kheo ni từ nhiều quốc gia trên thế giới, những người đã được hưởng quyền bình đẳng với tăng chúng. Họ nhìn những vị Tỳ kheo ni ấy như là những tấm gương cho họ noi theo. Một số sáng kiến để phục hoạt giáo đoàn Tỳ kheo ni đã được đề ra tiếp theo sau hội nghị này. Một nhóm tăng sĩ Tịch Lan do Tỳ kheo Mapalagama Vipulasara lãnh đạo đã huấn luyện 10 tu nữ Tịch Lan để chuẩn bị cho những hoạt động truyền giáo ở Ấn Độ. Sau 3 tháng huấn luyện, một nhóm ni sư Hàn Quốc đã truyền

đại giới cho các tu nữ Tích Lan này vào năm 1996 ở Sanath - Ấn Độ. Người lãnh đạo của nhóm tu nữ tiền phong này là Tỳ kheo ni Kusuma (trước đây là Kusuma Devandra). Một vị sư có uy tín ở Tích Lan là Tỳ kheo Inamaluwe Sumangala, vị sư trụ trì một ngôi cổ tự có từ 2.200 năm trước ở vùng trung tâm Tích Lan, đã thành lập Học viện Giáo dục Tỳ Kheo Ni cung cấp việc huấn luyện ni chúng để chuẩn bị cho họ thọ đại giới. Đến năm 1996, ngài đã hoàn thành được 3 chương trình huấn luyện như vậy. Đến thời điểm đó, một đại giới đàn quốc tế được Tu viện Phật Quang Sơn của Đài Loan tổ chức vào tháng 2 năm 1998 ở Bồ Đề Đạo Tràng. Có 20 vị tu nữ được huấn luyện tại Học viện Giáo dục Tỳ kheo ni được tuyển chọn để tham dự đại giới đàn ở Bồ Đề Đạo Tràng. Sau một tuần lễ huấn luyện, tổng cộng có 149 tăng ni (14 tăng và 135 ni) được thọ đại giới. Những vị này đến từ các nước châu Á và vùng lãnh thổ như Ấn Độ, Tích Lan, Nepal, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Mã Lai, Singapore, Hồng Kông và Việt Nam và từ những nước phương Tây như Anh, Đức, Ý, Tây Ban Nha, Bỉ, Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, và Úc. Họ đã thọ đại giới theo truyền thống Pháp Tạng Bộ, một chi nhánh cổ sơ của truyền thống Nguyên thủy đã được truyền thừa liên tục không đứt đoạn ở Trung Quốc và Đài Loan. 24 vị giới sư và các chứng minh sư gồm các vị sư thuộc truyền thống Nguyên thủy từ Ấn Độ, Tích Lan, Thái Lan, Campuchia và Nepal, và các vị sư thuộc truyền thống Đại thừa từ Đài Loan, Hàn Quốc, Hồng Kông và Mã Lai. 12 vị giới sư Tỳ kheo ni và các ni sư chứng minh đến từ Đài Loan, Hàn Quốc, và Hoa Kỳ (hai vị thuộc truyền thống Tây Tạng). Các vị sư Tích Lan đã phục vụ như là giới sư của các Tỳ kheo ni Tích Lan.

Giáo đoàn Tỳ kheo ni được tái lập trên đất nước Tích Lan Sau ba tháng huấn luyện tăng cường, Tỳ kheo Sumangala đã tổ chức đại giới đàn lần đầu tiên trên đất nước Tích Lan trước sự hiện diện đông đảo của những vị sư chính thức của Tích Lan. Tại đây, 20 vị Tỳ kheo ni đã thọ đại giới ở Bồ Đề Đạo Tràng nay truyền đại giới cho 22 vị tu nữ đã hoàn tất việc huấn luyện ở Học viện Giáo dục Tỳ kheo ni. Buổi lễ được tổ chức tại điện truyền giới của ngôi cổ tự 2.200 năm, mà mãi cho đến ngày ấy chỉ được dành riêng cho các hoạt động chuyên tu của tăng sĩ. Đại giới đàn này đã làm sáng tỏ một sự kiện lịch sử. Sự kiện này đã được công bố rộng rãi với tin tức hàng đầu trên báo chí khắp nước, kể cả các công báo của chính phủ. Những bức hình đầy ấn tượng của các Tỳ kheo ni đi hàng một trong bộ y và bình bát đã được đăng trên rất nhiều báo chí. Trong một cuộc phỏng vấn dành cho các đài truyền hình tối hôm đó, Tỳ kheo Sumangala đã nhấn mạnh sự kiện

là, trong việc phục hoạt giáo đoàn Tỳ kheo ni sau hơn 900 năm, ngài chỉ làm theo mệnh lệnh của Đức Phật. Không có phản ứng tiêu cực nào trong giới truyền thông, trái lại, những bản tường trình của báo chí đều tích cực. Không có một vị tăng nào đưa ra một lời bình luận tiêu cực, có lẽ vì sợ mất sự ủng hộ của các tín đồ nữ giới cấp trung lưu. Những sách lược mà Tỳ kheo Sumangala áp dụng hầu như đã bảo đảm sự chấp nhận việc truyền đại giới. Trước tiên là nhận được sự ủng hộ cho ý tưởng phục hoạt giáo đoàn Tỳ kheo ni từ rất nhiều cộng đồng ni giới khác nhau trong thời gian huấn luyện để chuẩn bị cho việc truyền giới. Thứ hai, phổ biến rộng rãi việc tổ chức những cuộc đón tiếp các Tỳ kheo ni sau khi họ được thọ đại giới và trở về với cộng đồng Phật giáo Tích Lan. Những cuộc đón tiếp bao gồm các vị cao tăng, dân biểu Quốc hội, và các quận trưởng để giúp cho ni giới nhận được sự chấp nhận rộng rãi trong quần chúng. Việc huấn luyện kỹ lưỡng những vị tân Tỳ kheo ni cũng giúp bảo đảm sự chấp nhận. Những vị tân Tỳ kheo ni được yêu cầu mỗi tháng một lần phải tập hợp tại Học viện để được hướng dẫn về những pháp môn tu tập và duy trì tinh thần tập thể để bảo đảm sự ổn định của việc truyền thừa. Một bộ giới luật Tỳ kheo ni, với những hướng dẫn chi tiết về việc giữ gìn giới luật tu viện đã được áp dụng. Tỳ kheo ni được khuyến cáo là phải đánh lễ các tăng sĩ trong khu vực của họ và hợp tác chặt chẽ với họ. Các chương trình huấn luyện Tỳ kheo ni và các đại giới đàn vẫn tiếp tục được tổ chức tại Học viện Phật giáo. Đại giới đàn thứ mười đã được tổ chức vào tháng 7 năm 2004. Một thắng lợi khác nữa là vào buổi lễ khánh thành một tu viện mới xây, Tỳ kheo Sumangala đã gọi đại chúng tại buổi lễ là "Tỳ kheo tăng, Tỳ kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ ...", khi đề cập đến tứ chúng đệ tử của Đức Phật. Thật là một sự kiện lịch sử khi nghe tứ chúng đệ tử được gọi như vậy sau một thời gian dài một nghìn năm. Điều này cũng đầy ý nghĩa khi cách gọi này được sử dụng trước sự hiện diện của một trong những vị cao tăng pháp chủ. Lễ cúng dường Tăng già được dâng lên cho 500 Tỳ kheo tăng và 50 Tỳ kheo ni cũng đầy ý nghĩa như vậy, những vị này sắp hàng một cùng thiền hành đến chỗ ngồi của họ trong tu viện mới - một cảnh tượng từ thời Đức Phật nay được tái diễn. Những qui luật của tu viện dành cho các vị tân Tỳ kheo ni đã được thiết lập lại và có 9 chương trình được tổ chức để giúp huấn luyện họ trong các thủ tục về giới luật. Giống như Tỳ kheo tăng, Tỳ kheo ni được yêu cầu thực hiện một số qui định như tụng giới bốn mỗi hai tuần, và một cuộc thảo luận về bất cứ sự vi phạm giới luật nào giữa các Tỳ kheo ni (còn tiếp).■

Phật Giáo

và Truyền thống Chú giải

Nguyễn Cửu Long (biên dịch)
(tiếp theo)

Theo tập Kinh Cūlavamsa, đã không có các tập chú giải nào ta có thể tiếp cận được tại Ấn Độ vào thế kỷ thứ V sau CN và chính vì vậy, Trưởng lão Revatta gợi ý với Trưởng lão Buddhaghosa rằng ngài nên đi tới Sri Lanka và dịch từ các tập chú giải viết bằng tiếng Sīhaḷa sang tiếng Māgadhi⁽¹⁾. Trong phần đầu tập Samantapāsādikā, Trưởng lão Buddhaghosa khẳng định rằng công việc của ngài sẽ dựa trên các tập Mahā aṭṭhakathā và tập Mahāpaccariya, trong khi đó việc ngài cũng lưu ý đến các tập chú giải khác như Kurundi chẳng hạn. Ngài cũng đã trích đoạn từ Kinh Andhaka và Kinh Saṅkhepa, và kinh Paccari, nhưng không rõ liệu tên đặt cho tác phẩm sau cùng này có cùng giống như Mahāpaccariya hay không.

Cũng có nhiều suy đoán về tập Andhaka aṭṭhakathā, người ta nói rằng⁽²⁾ Kinh này được truyền lại tại thành Kañcipura ở miền Nam Ấn Độ. Sau này, người ta lại khẳng định rằng⁽³⁾ chính kinh này hình như đã được viết bằng tiếng Andhaka. Thế rồi rất có thể điều này đã trở thành chắc chắn, và chúng ta còn tìm thấy những lời tuyên bố như là "Những tham khảo đó kể về.... những tập chú giải Sinhale và một số tập chú giải Dravidian khác⁽⁴⁾." Và ngài Trưởng lão Buddhaghosa biết rất rõ ngài rút ra các tư liệu của ngài không chỉ từ các tập chú giải viết bằng tiếng Sinhale và Dravidina, nhưng cũng còn từ các tập... viết bằng tiếng Pāli nữa⁽⁵⁾." Có những lời tuyên bố có thể so sánh được khi nói về tập Kinh Dhammapāla như sau: "Dhammapāla... rất có thể là một người Dravidian từ bẩm sanh, cũng giống như vậy mà ngài đã sử dụng các tập chú giải Dravidian⁽⁶⁾."

1. Mhv 37, 230.

2. C.A.F. Rhys Davids, 1974, tr. xxviii

3. Adikaram, 1953, tr.12

4. Adikaram, 1953, tr. 14

5. Adikaram, 1953, tr.16

6. Adikaram, 1953, tr. 9



Rất có thể, vẫn còn có một khả năng, có một số liên quan giữa tập chú giải Andhaka với quốc gia Andhaka hay là giáo phái Andhaka. Rất có thể tập chú giải Andhaka từ lúc ban đầu đã xuất phát từ quốc gia Andhaka, vì Trưởng lão Buddhaghosa đã trích đoạn tập chú giải này⁽⁷⁾ khi ám chỉ đến những điều kiện tại quốc gia đó. Tuy nhiên, giống như các tập chú giải khác, đã phải có một số tư liệu xuất phát từ miền Bắc Ấn Độ, vì Trưởng lão Buddhaghosa đã trích đoạn tập Aṭṭhakathā Andhaka khi ngài nói về Magadha nāli⁽⁸⁾ là một cách đo đạc đặc biệt nhưng lại trích đoạn Aṭṭhakathā Mahā nói về Damila nāli trong cùng một đoạn. Thực chất là tập chú giải Andhaka chỉ thường được trích đoạn chỉ để được từ khước⁽⁹⁾ lại có khuynh hướng hỗ trợ cho quan điểm cho rằng ít nhất điều căn bản của tập chú giải Andhaka lại thuộc về giáo phái Andhaka.

Về ngôn ngữ của tập chú giải Andhaka không có gì có thể được cho là dứt khoát, nhưng hình như rõ ràng là vào thời Trưởng lão Buddhaghosa tập chú giải này không còn được tận dụng nữa, ít nhất cũng ở tại miền Nam Ấn Độ. Lời tuyên bố cho rằng không còn tập chú giải nào có thể tiếp cận được tại Ấn Độ⁽¹⁰⁾, cũng được ghi lại là lý do tại sao khiến cho Trưởng lão Buddhaghosa phải sang Sri Lanka, không được ghi lại trong các tập chú giải Sinhale

7. Sp 747, 23

8. Sp 72, 23-27

9. td. như Sp 697, 1

10. Mhv. 37. 227.

về điều đó Mahāvamsa đang dựa trên trong khi đó tại miền Nam Ấn Độ còn có tập chú giải như tập Dhammapāla có thể tận dụng được để từ khước tập chú giải kể trên, nếu điều này là sai. Quả là một điều rõ ràng xuất phát từ lời tuyên bố⁽¹¹⁾ của Trưởng lão Buddhaghosa, đó chính là quan điểm của Đại đức Mahāsumma được coi như là có uy tín trong tập chú giải Andhaka (aṭṭhakathā), rằng tập chú giải đã được du nhập vào Sri Lanka một khoảng thời gian nào đó trước khi ngài Trưởng lão Buddhaghosa có mặt tại đó, vì Mahāsumma là một Đại đức người Sinhale có niên đại đến thế kỷ thứ I sau CN. Tuy nhiên, bởi lẽ Trưởng lão Buddhaghosa đã khẳng định rõ ràng là nếu tập chú giải Andhaka được biên soạn từ ban đầu bằng tiếng Dravidian, thời tác phẩm này đã được dịch sang tiếng Prakrit vào thời Trưởng lão Buddhaghosa rồi.

Người ta thường khẳng định rằng không có tư liệu nào được thêm vào các tập chú giải viết bằng tiếng Sinhale sau thế kỷ thứ I sau CN, nhưng có một cuộc nghiên cứu rất tỷ mỉ, kỹ lưỡng⁽¹²⁾ về các đương sự cá nhân được đề cập đến trong các tập chú giải chứng tỏ rằng nhà vua Mahāsena được nhắc đến đích danh trong tập chú giải Samantapāsādikā⁽¹³⁾. Chính vì nhà vua này có niên đại từ năm 276 đến năm 303 sau CN, điều này cho thấy rằng những thêm thắt vào tập chú giải Sīhala tiếp tục được thực hiện cho đến cuối thế kỷ thứ III đầu thế kỷ thứ IV sau CN.

Tác giả tập Chú giải viết về Sutta-nipāta lưu ý rằng tập chú giải tiếng Sinhale đã bỏ qua không bình luận về hai đoạn kệ trong Sutta-Nipāta⁽¹⁴⁾ và chính vì thế ngài đã loại bỏ hai đoạn kệ này ra khỏi một số đoạn kệ trong sutta nguyên thủy⁽¹⁵⁾. Lời tuyên bố này cũng đã được coi như chỉ rõ⁽¹⁶⁾ đến một số chắc chắn kém hơn đối với việc thêm thắt được thực hiện vào kinh Pāli tại Sri Lanka. Tuy nhiên, các đoạn kệ này cũng tốt nếu được thuộc về một hội nghị xét duyệt khác khỏi hội nghị đã xét duyệt Mahā-aṭṭhakathā, hoặc là không được biết đến với tác giả tập chú giải viết bằng tiếng Sīhala hay đã bị bỏ qua vì kém phần xác thực. Có điều rõ ràng là những hội nghị xét duyệt khác nhau về một số bản văn cũng đã tìm đường đến Sri Lanka.

11. Sp. 646, 11

12. Mori, 1988, tr. 119-67 (tr. 143)

13. Sp 519.

14. Sn 677-78

15. *avasāne gāthādvayaṃ eva pana Mahā-aṭṭhakathāyaṃ vinicchipāthe n'atthi tenāvocumha "visatigāthāsū" ti, Pj II 477, 13-14. điều này hình như chỉ là lời tuyên bố thuộc loại này trong tập chú giải mà thôi.*

16. Andikaram, 1953, tr. 12.

Trưởng lão Buddhaghosa và các vị chú giải khác thường xuyên ghi lại sự hiện hữu của nhiều cách giải thích khác nhau, và có câu hỏi đặt ra là liệu những bản văn này có phải là một hay cùng một phiên bản của Canon (kinh Pāli) hay không. Có điều thật hấp dẫn rằng, vị chú giải về Sutta nipāta đã không bịa ra một phần chú giải về các đoạn kệ này. Hình như tập chú giải theo như tôi được biết đã khép lại rồi.

Nếu chính Đức Phật đã giải thích do duyên X thời Y khởi lên, nhưng do duyên Y thời X cũng khởi lên nơi một số khác. Thời chúng ta có thể quan sát rằng X và Y cả hai đều là lời Phật dạy (Buddhavacana), và trong tình huống này có thể dẫn đến một loại chú thích truyền thống, trong khi đó cách giải thích chú giải trong một truyền thống cũng là cách giải thích mang tính chất giáo điều nơi một truyền thống khác, và ngược lại. Tôi vừa nêu lên một tình huống có thể so sánh được liên quan đến các từ Vissa, vesma và visama.

Người ta cũng đã chứng tỏ⁽¹⁷⁾ rằng có một số trường hợp các truyền thống (không phải truyền thống Pāli) khác lại duy trì gìn giữ những hình thái mang tính chất giáo điều rất quen thuộc với những dạng kinh Pāli trong tập chú giải Pāli, chứng tỏ rằng các hình thái đó cũng chính là lời Phật dạy (Buddhavacana). Thí dụ như, ở chỗ đoạn kệ trong kinh Dhammapada⁽¹⁸⁾ bao gồm các từ *adhisessati*, *chuddho*, và *apeta-viññāno*. Kinh Dharmapada Gāndhārī tương đương⁽¹⁹⁾ lại ghi đến ba từ khác nhau thế chỗ cho các từ trên (*vari sa isadi*, *tuchu*, và *avakada-viññāṇa*). Tuy nhiên, những lời giải thích trong tập chú giải Pāli chính là các từ tương đương thuộc các danh từ Gāndhārī (*upari sayissati*, *tuccha*, và *avakada-viññāṇa*, Dhp-a I 320-21), điều này cho thấy rõ ràng có sự hiểu biết về cùng một truyền thống như nhấn mạnh đến phiên bản Gāndhārī. Một cách giải thích khả dĩ nữa về vấn đề này là Đức Phật đã thuyết giảng cùng một bài thuyết pháp trong nhiều cơ hội khác nhau, đôi khi ngài đã thực hiện một số thay đổi, tùy cơ hội và nơi chốn yêu cầu. Khi truyền thống lại duy trì nhiều hơn một

17. Brough, 1962, tr. 192.

18. Dhp 41.

19. GDhp 153.



phiên bản, bài thuyết pháp, đôi khi truyền thống chỉ giữ lấy một phiên bản làm cách giải thích cho những gì tương đương như vậy.

Lại có một thí dụ khác nữa liên quan đến tính chất tương đương giữa truyền thống canon (Kinh Pāli) và một bên là truyền thống chú giải, điều này hình như đã vượt quá giới hạn của một giáo phái, ta có thể nhận thấy được trong tập chú giải của Trưởng lão Buddhaghosa về biến cố, trong đó các vị tỳ khưu xin phép Đức Phật để thay đổi các từ chandaso. Ngài Trưởng lão giải thích: "Chúng ta hãy dịch các ý nghĩa từ chandaso, chúng ta hãy dịch từ đó sang tiếng Phạn [hay sang một ngôn ngữ tao nhã] giống như [chúng ta đã dịch] Kinh Phệ đà vậy⁽²⁰⁾". Ở đây dịch sang một thứ ngôn ngữ tao nhã (sakkata-bhāsāya) hình như tương ứng với những câu trong hai phiên bản tiếng Trung Quốc kể về cùng một biến cố. Phiên bản Dharmaguptaka bao gồm cả yêu cầu dưới dạng "phù hợp với một thứ ngôn ngữ [hay có thể là các bản văn] trên thế gian này", trong khi đó, trong phiên bản Vinaya-mātika Đức Phật khẳng định rằng giáo lý của ngài "không liên quan gì đến ngôn ngữ thanh tao nào cả". Hình như rất có thể cả hai đoạn văn mang ý nghĩa giáo điều (Kinh Pāli) này đều dựa trên những câu văn nguyên bản bao gồm đoạn tương đương "saṃskita hay satkita⁽²¹⁾".

Có một thực tế thật hấp dẫn, đó là trong tập chú giải của ngài về những quan điểm của những người theo tà kiến đã được trích đoạn trong Tập Kinh Sāmaññaphala. Hình như Trưởng lão Buddhaghosa đã gộp các đoạn văn giống nhau với các đoạn tìm thấy trong phiên bản Tây Tạng có tên là Pravrajyā-vastu. Ngài chú thích là: "Nấu nướng có nghĩa là dùng chiếc gậy đánh người khác", điều này hình như là một sự phối hợp của hai đoạn văn trong phiên bản Tây Tạng như sau: "Kẻ nào bị thiêu đốt, cứ để cho thiêu đốt, kẻ nào bị hành hạ, cứ để cho hành hạ". Vào lúc kết thúc giải thích những giáo lý của Ajita, ngài bình luận rằng: "Kẻ khờ bồ thí, người khôn nhận lấy" Phiên bản Tây Tạng có khẳng định rằng: "Như vậy [chỉ có] kẻ khờ mới ban phát lời giáo huấn, còn kẻ khôn chỉ biết nhận lời giáo huấn đó mà thôi⁽²²⁾" (còn tiếp). ■

20. *chandaso āropemā ti, vedaṃ viya sakkata-bhāsāya vācaṇāmaggaṃ āropena* (Sp 1214, 16-17)

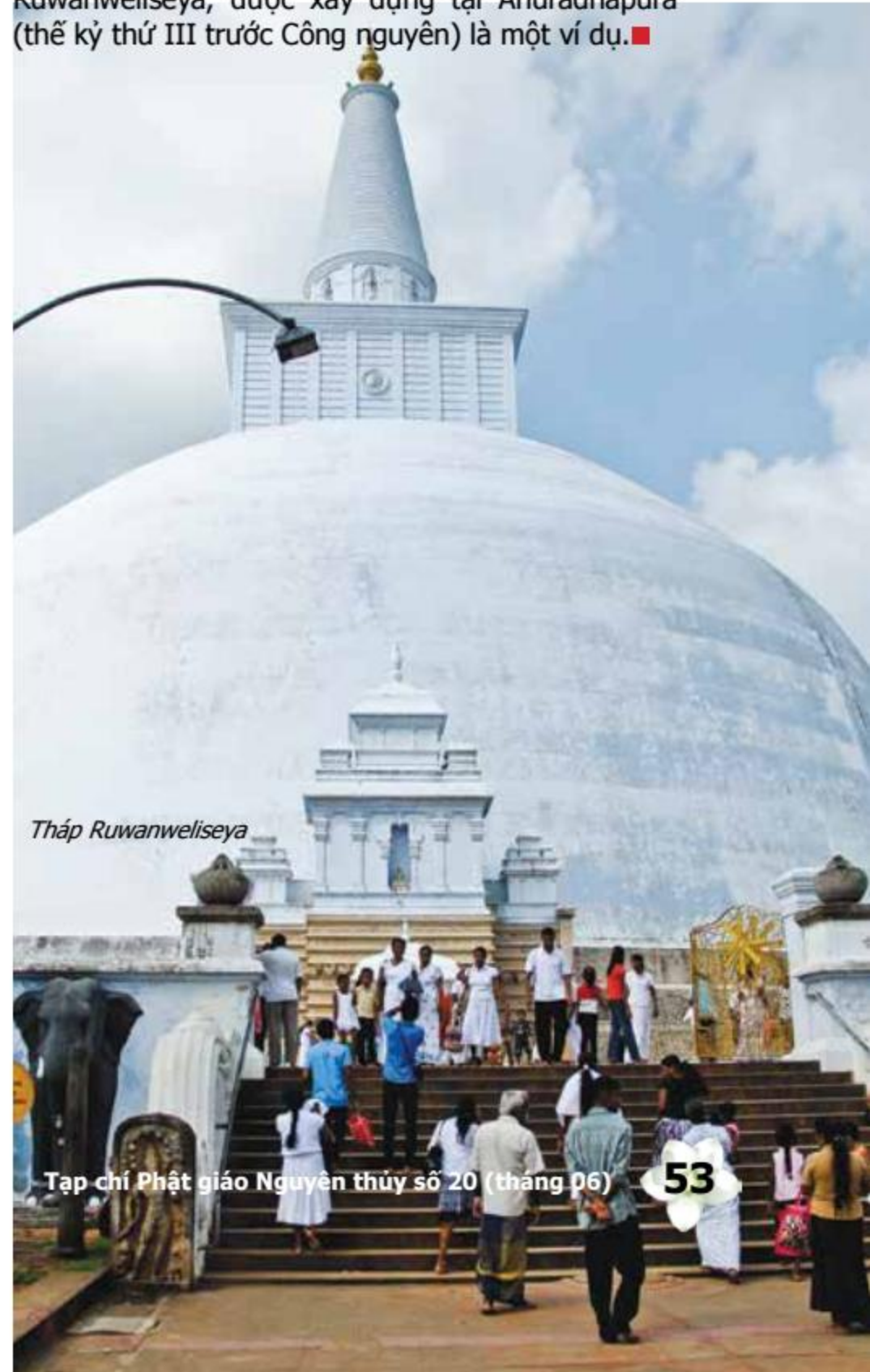
21. Xin đọc Brough, 1980, tr. 35-42 (tr. 39).

22. D I 52tt

(tiếp theo trang 48)

Để cất giữ xá lợi Phật, các bảo tháp đã được xây dựng. "Đại Bảo Tháp" Ruwanweliseya, đứng cao đến 300 bộ, được coi là một trong những bảo tháp quan trọng nhất tại Anuradhapura thuộc vùng Trung Bắc Sri Lanka. Sau nhiều lần phục hồi, mái vòm cầu vĩ đại, được bao quanh với những cột đá lúc xưa vẫn còn được tồn tại ở Anuradhapura, hiện giờ là một công viên to lớn. Trong những lễ hội lớn, nơi này tràn ngập với hàng trăm ngàn Phật tử, từng nhóm gia đình đã vui vẻ tham dự picnic trong vùng đền đài đồ sộ và cử hành những nghi lễ dưới tàng cây Bồ Đề. Gần đó, tại Mihintale còn có những di tích quan trọng khác, Mihintale là nơi mà Ngài Mahinda đã thuyết giảng bài pháp đầu tiên cho vua Devanampiya-Tissa. Những đền đài di tích của thủ đô Polonnaruwa sau này [từ thế kỷ thứ IX trở đi] cho thấy ảnh hưởng văn hóa của Ấn giáo và Phật giáo Đại Thừa vẫn còn nhiều phức tạp hơn.

Các bảo tháp ở Sri Lanka được kiến trúc gồm một mái vòm cầu trên có một nền hình vuông với nhiều ô vuông và trên cùng có chóp hình nón, như là tháp Ruwanweliseya, được xây dựng tại Anuradhapura (thế kỷ thứ III trước Công nguyên) là một ví dụ. ■



Tháp Ruwanweliseya

Mắt và chất Lutein kỳ diệu

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

Đôi mắt là cửa sổ của linh hồn, điều này ai cũng biết nhưng không ai để ý. Cho đến khi đôi mắt bị mờ, mới vội vã đi tìm Bác sĩ Nhãn khoa. Thông thường, người ta hay nghĩ mắt mờ chỉ cần thay gọng kính là xong ngay. Nghĩ như thế là lầm. Năm 2007 thống kê Hoa Kỳ cho biết là số người đi tune up xe hơi nhiều hơn là đi khám mắt.

- Trong ngũ giác, mắt (thị giác) là điều đáng sợ nhất vì nếu như đời đen tối thì còn gì là lẽ sống nữa.

Có 3 căn bệnh đưa đến sự mù mắt là mắt cườm, áp suất trong mắt cao (glaucoma) và bệnh suy thoái của võng mạc (age related macular degeneration viết tắt là A.M.D)

Có 2 chất lutein và zeaxanthin là chất carotenoids giúp chống lại các bệnh về mắt khi ta về già.

Hai chất này không có ở trong cơ thể mà phải do thức ăn và dinh dưỡng đem đến.

Chất Lutein tạo thành màu vàng của trái bắp và lòng đỏ trứng gà. So với 2 năm trước đây chỉ có 40% người Mỹ là biết đến chất này mà thôi, ngày nay con số đó lên tới 60%. Ngoài sự bảo vệ đôi mắt, 2 chất này còn giúp trợ tim và bộ óc làm việc đắc lực thêm nữa. Đó là 2 chất antioxidants chống free radicals hay tàn phá tế bào các mô.

1. Mắt Cườm (cataract)

Người tuổi già từ 65 - 74 thì 23% sẽ bị mắt cườm và nếu từ 75 trở lên, con số là 50%. Mắt cườm là khi thủy tinh thể của con mắt bị mờ dần cho đến khi trắng xóa, gây mù mắt. Cũng giống như lòng trắng trứng gà, nếu đun sôi thì từ từ sẽ biến từ thể lỏng sang thể đặc, ánh sáng làm sao xuyên qua được.

Thủy tinh thể được cấu tạo bằng chất đậm

(protein) trong đó chứa lutein và zeaxanthin, tuy rằng, không nhiều bằng ở trong võng mạc. Bệnh mắt cườm là do sự hấp thụ tia hồng tuyến ngoại (ultra violet) của ánh mặt trời, do đó, nên đeo kính mát là cách để ngăn chặn sự hấp thụ này.

- Bệnh mắt cườm còn là bệnh của tuổi già, nhưng nguyên nhân chính là do "free radicals" mà ra. Người ta khám phá ra rằng có từ 40 đến 50 căn bệnh con người đều do free radicals gây nên.

- Người nào thường xuyên tiếp thu 2 chất này sẽ giảm được bệnh mắt cườm và sẽ không bị giải phẫu mắt nữa.

Bác sĩ nhãn khoa sẽ làm lỏng thủy tinh thể bằng lutein vibration, sau đó, hút hết ra và thay thế bằng một contact lens. Lutein có ở trong rau dền (spinach) mà có mấy ai ăn rau này hàng ngày đâu?

Nên cứ hút thuốc, uống rượu, tránh tia X rays khi chiếu điện, người nào bị bệnh tiểu đường có nguy cơ bị bệnh mắt cườm sớm hơn là người thường.

Sau đây là những sinh tố giúp chống bệnh mắt cườm:

- Sinh tố A (cần từ 25.000 đến 50.000 I.U)
- B1, B2, B5 tức B complex 50 mg mỗi ngày,
- Sinh tố C 3000 mg uống 4 lần một ngày,
- Sinh tố E 400 I.U cần chất zinc 50 mg không quá 100 mg.

Ngoài công hiệu bảo vệ đôi mắt, chất lutein còn ngăn lượng LDL tức là chất cholesterol xấu tăng và bám vào thành mạch máu, giảm sự lưu thông của máu dẫn đến bệnh tim và stroke.

Lượng lutein còn giúp tăng sự hoạt động của não bộ. Còn chống được sự tàn phá của ánh nắng mặt trời trên làn da và ung thư da (xem tiếp trang 56).

Đoàn Giáo hội Phật giáo Việt Nam thăm nhĩ vị Đại Tăng thống của Phật giáo Campuchia

Hoàng Độ (từ Phnom Penh)

Phái đoàn Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) đã đến chùa U-na-lom (thủ đô Phnom Penh) thăm HT. Tep Vong, Đại Tăng thống Phật giáo Vương quốc Campuchia (phái Maha Nikaya).

Ngài Đại Tăng thống đã đón đoàn tại cửa phương trượng. HT. Thích Trí Quảng cùng phái đoàn đã thắp nến, dâng hương, hoa sen cúng dường lên Đức Phật.

Hoà thượng Trưởng phái đoàn GHPGVN đã thăm hỏi sức khỏe của ngài Đại Tăng thống, bày tỏ niềm vui được gặp lại ngài ngay trên đất nước Campuchia sau nhiều lần gặp gỡ tại các hội nghị, sự kiện Phật giáo quốc tế tổ chức tại nhiều quốc gia mà hai ngài là khách mời đặc biệt đại diện cho Phật giáo hai nước.

Hai vị Hoà thượng đã ôn lại những dấu ấn lịch sử và mối thâm giao giữa Việt Nam và Campuchia, đặc biệt là Phật giáo giữa hai nước từ nhiều năm trước.

"Đầu thế kỷ XX, nhiều vị Tăng Việt Nam đã sang Campuchia tu học, sau đó, truyền bá Phật giáo Nam tông về Việt Nam như chư vị HT. Hộ Tông, HT. Thiện Luật, HT. Siêu Việt, Giới Nghiêm, Bửu Chơn...; ngược lại cũng có nhiều vị Tăng Việt Nam đưa Phật giáo Đại thừa vào Campuchia. Hiện nay, tại đất nước chùa Tháp có rất nhiều người Việt sinh sống, và cũng có rất nhiều sư sãi Nam tông Khmer đang tu học trên đất nước Việt Nam, trong lòng GHPGVN. Chuyển thăm Phật giáo Campuchia lần này theo truyền thống tốt đẹp đó, đồng thời, phát triển mối quan hệ giữa Phật giáo và hai đất nước qua Phật giáo trong mục đích chung là xây dựng nền hoà bình, vì sự an lạc cho số đông", HT. Thích Trí Quảng phát biểu.

TT. Thích Thiện Thống, Ủy viên Thư ký HĐTS, Thư ký đoàn đã thông tin tóm tắt đến Hoà thượng Đại Tăng thống về tình hình hoạt động của GHPGVN. Theo đó, hiện nay, tại Việt Nam có khoảng 10.000 sư sãi Nam tông Khmer. Trong các ngôi chùa Khmer đều có Đại tạng kinh tiếng Campuchia.

"Chúng tôi ủng hộ con đường trung đạo mà GHPGVN đã đi trong lịch sử, qua việc đấu tranh bảo vệ chánh Pháp năm 1963, trong việc thành lập GHPGVN năm 1981, cũng như đang đi hiện nay. Bản thân tôi



Ngài Đại Tăng thống Tep Vong bày tỏ niềm vui khi được đón đoàn GHPGVN tại Campuchia



Tặng quà lưu niệm



Phái đoàn đến thăm HT. Bour Kry, Đại Tăng thống phái Thamayut Nikya tại trụ sở Đại học Phật giáo Preah Sihamoniraja (Phnom Penh)



đã chứng kiến những khổ đau do chiến tranh, những thiệt hại trầm trọng do các chính sách cực đoan gây ra cho đất nước và người dân, trong đó có Phật giáo. Là đệ tử Đức Phật, chúng ta cần tham gia xây dựng xứ sở theo con đường trung đạo, tránh xa các cực đoan, nhằm xây dựng sự hòa hợp, lợi lạc cho số đông”, Hoà thượng Đại Tăng thống chia sẻ.

Cũng trong buổi sáng này, đoàn đã đến thăm HT. Bour Kry, Đại Tăng thống phái Thamayut Nikya tại trụ sở Đại học Phật giáo Preah Sihamoniraja (Phnom Penh).

HT. Bour Kry đã có lời chào mừng đến Hoà thượng Trưởng phái đoàn cùng các thành viên tháp tùng. Sau thời kinh ngắn chúc phúc cho tình hữu nghị giữa hai quốc gia Việt Nam - Campuchia luôn phát triển và bền vững, Hoà thượng Đại Tăng thống cũng đã thông báo đến đoàn các hoạt động, đặc biệt, là lĩnh vực giáo dục của Phật giáo Vương quốc Campuchia. Đại Tăng thống Bour Kry ngỏ lời mong muốn trong tương lai sẽ có các hoạt động trao đổi, giao lưu giáo sư, Tăng sinh, sinh viên giữa các Học viện PGVN với các đại học Phật giáo tại Campuchia.

Hoà thượng Đại Tăng thống cho biết: Tại Campuchia, Phật giáo được Hiến pháp công nhận và bảo vệ. Các hoạt động Phật sự được điều hành theo hệ thống quản lý hành chánh của Bộ Lễ nghi và Tôn giáo từ Trung ương đến địa phương. Tất cả việc bổ nhiệm các nhân sự thuộc Phật giáo đều phải có sự đồng thuận của hai vị Đại Tăng thống thuộc hai hệ phái Maha Nikaya và Thamayut Nikaya mới trở nên chính thức và hợp pháp.

HT. Thích Trí Quảng đã nhắc lại những dịp 2 vị lãnh đạo cao cấp của Phật giáo hai đất nước đã từng gặp nhau tại các hội nghị, sự kiện Phật giáo quốc tế ở Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ... trong tình đạo vị thân thiết. Trước khi tạm biệt, hai Hoà thượng đã trao tặng những món quà lưu niệm ý nghĩa.

Trước khi tham dự tiệc chay theo lời mời của ngài Bộ trưởng Bộ Lễ nghi và Tôn giáo, đoàn đã được hướng dẫn tham quan Hoàng cung, thăm chùa Phật Ngọc Bích (chùa Vàng chùa Bạc) – một địa chỉ Văn hoá - Chính trị - Tôn giáo quan trọng ở thủ đô Phnom Penh của Vương quốc Campuchia; đoàn cũng đặt hoa, cầu nguyện tại Đài tưởng niệm Quân tình nguyện Việt Nam. ■

(tiếp theo trang 54)

2. Bệnh A.M.D age related macular degeneration.

Trên võng mạc có một điểm giúp ta nhìn thật rõ chi tiết đó là điểm macula. Điểm này khi ta về già thường bị suy thoái dẫn đến mù mắt.

Do free radicals tàn phá, điểm macula chứa đựng rất nhiều 2 chất lutein và zeaxanthin, nên càng về già phải cung cấp 2 chất này cho đầy đủ.

Thí nghiệm cho thấy những người già dùng 10mg lutein mỗi ngày giảm bệnh này rất nhiều. Ngoài ra nên ăn nhiều rau xanh như rau dền (spinach), rau broccoli, rau cải (bok choy).

3. Bệnh Glaucoma

Bệnh này do áp suất trong con mắt từ từ tăng lên làm hư hại dây thần kinh mắt gây sự mù lòa, nếu không chữa kịp thời. Đó là nguyên nhân thứ nhì gây sự mù mắt bệnh mắt cườm. Xảy ra sau tuổi 60 có thể sớm hơn từ 40 tuổi, do thiếu dinh dưỡng, stress và bệnh tiểu đường.

Áp suất trong con mắt khác với áp suất trong mạch máu. Có thể xảy ra từ từ gọi là kinh niên hoặc cấp tính.

Triệu chứng gồm có mắt mờ, mắt nhìn hạn hẹp (tunnel vision), nhức mắt, buồn nôn, mắt đỏ.

- Chỉ có BS nhãn khoa mới định được bệnh này. Cách chữa dùng thuốc nhỏ mắt như timolol maleate làm giảm áp suất, có người phải nhỏ suốt đời.

Nếu không thuyên giảm, một ngày nào đó bệnh trở thành cấp tính, áp suất tăng quá cao, nước trong mắt không có lối thoát phải đưa đi bệnh viện cấp cứu liền để chữa trị bằng tia laser nếu không sẽ bị mù tức khắc.

- **Cách ngăn ngừa:** Nên ăn rau trái cây, ăn nhiều hạt nguyên chất như bánh mì nâu, ít dùng chất béo, tránh uống cà phê, rượu, thuốc lá. Dùng thêm sinh tố A, B1, C, alpha lipid acid, khoáng chất như chromium, magnesium, lecithin fatty acids, ginkgo biloba, bilberry chống quáng gà lúc chập tối (các phi công thời đệ nhị thế chiến hay dùng bilberry để nhìn rõ lúc bay phi vụ ban đêm).

- Ngoài ra có chất pycnogenol lấy từ vỏ cây thông bổ sung mạch máu nuôi con mắt là một chất antioxidant chống free radicals cần chất Zinc.

Tóm lại, phòng bệnh hơn trị bệnh, các cụ có thể ngăn ngừa các bệnh về mắt nếu dùng thêm Lutein và zeaxanthin cùng các sinh tố kể trên.

Tất cả đều tìm thấy ở trong bột gạo lứt mà giờ đây tôi mới được biết chưa có thức ăn thiên nhiên nào sánh bằng (còn tiếp). ■

Hà Nội: Hội nghị Tu chỉnh Hiến chương GHPGVN lần thứ V

Hoàng Tuấn - Ngọc Hiếu

Ngày 25/05/2012 tại Hội trường trụ sở TW GHPGVN chùa Quán Sứ Văn phòng I đã tổ chức long trọng Hội nghị Tu chỉnh Hiến chương GHPGVN lần thứ V

Chứng minh buổi lễ có HT. Thích Thanh Nhiễu Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng trị sự GHPGVN, HT. Thích Quảng Tùng Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN; HT. Thích Gia Quang – Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh văn phòng I TW cùng Chư tôn đức HĐTS TW GHPGVN; BTS các tỉnh thành phía Bắc

Về tham dự đại diện các ban ngành có ông Nguyễn Văn Thanh – Phó trưởng Ban dân tộc Tôn giáo MTTQ Việt Nam, ông Tăng Thanh Hà – Phó trưởng Ban ban Tôn giáo chính phủ, ông Lê Đình Luyện – Thiếu tướng, Cục trưởng cục An ninh xã hội – Bộ công an cùng các đại diện cơ quan chức năng TW, các sở ban ngành lãnh đạo cùng về tham dự.

Tại Hội nghị HT. Thích Thanh Nhiễu phát biểu khai mạc, HT. Thích Gia Quang triển khai thông tư và kế hoạch hướng dẫn góp ý tu chỉnh hiến chương. ĐĐ. Thích Minh Tiến giới thiệu khái quát hiến chương hiện hành và sự cần thiết phải tu chỉnh hiến chương. ĐĐ. Thích Tiến Đạt phát biểu hiến chương GHPGVN và mối quan hệ pháp luật Nhà nước và giới luật Phật chế.

Hội nghị đã được nghe thảo luận của chư Tôn Đức Tăng Ni - Ủy viên HĐTS GHPGVN và đại diện BTS các tỉnh, thành, hội. Đại biểu các cơ quan chức năng phát biểu và đóng góp ý kiến tu chỉnh hiến chương. Tại Hội nghị đề nghị sửa đổi những vấn đề sau:

1. Sửa đổi nội dung lời nói đầu của Hiến chương GHPGVN cho phù hợp với thời kỳ hiện nay.
2. Về hệ thống Tổ chức Hành chính của Giáo hội cần sửa đổi các danh xưng từ Trung ương đến địa phương.
3. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Hội đồng Chứng minh
4. Bổ sung thành lập Ban pháp chế, ban Kiểm soát, ban Dân tộc miền núi và hải đảo, Ban phụ trách Phật tử Việt kiều ở nước ngoài.
5. Yêu cầu sửa câu từ, nội dung ở các điều mục trong Hiến chương cho phù hợp với thời kỳ hội nhập.

6. Đề nghị chư tôn đức Tăng, Ni trong Giáo hội chỉnh sửa hiến chương để đi đến thống nhất cho sự đổi mới, bền vững, phát triển lâu dài của Giáo Hội.

ĐĐ. Thích Đức Thiện thay mặt ban Thư ký Hội nghị tổng kết những ý kiến đóng góp của chư Tôn Đức Tăng Ni và đại biểu các ban ngành về việc tu chỉnh hiến chương của GHPGVN. ■



Toàn cảnh buổi Hội nghị



Đại biểu dự Hội nghị



Hội nghị Sinh hoạt Giáo hội tiến tới Đại hội VII GHPGVN

Bảo Thiên



Chư tôn giáo phẩm chứng minh Hội nghị

Sáng ngày 25-5, tại TP. HCM, kỳ sinh hoạt Giáo hội hướng đến Đại hội Phật giáo toàn quốc chính thức khai mạc.

HT. Thích Từ Nhơn, Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS cùng chư tôn giáo phẩm Ban Thường trực HĐTS đã chủ trì Hội nghị. Gần 400 chư tôn giáo phẩm HĐTS, các ban ngành Trung ương, Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh thành phía Nam tham dự Hội nghị.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, HT. Thích Thiện Nhơn, Phó Chủ tịch HĐTS kiêm Tổng Thư ký HĐTS, cho biết theo chương trình hoạt động Phật sự năm 2012, Nghị quyết Hội nghị Hội đồng Trị sự Giáo hội kỳ V khóa VI ngày 31-12-2011, Trung ương Giáo hội kết hợp với các Ban Tổ chức Đại hội, Ban Nội dung, Ban Tu chỉnh Hiến chương, Ban Thông tin Báo chí, Văn nghệ, Triển lãm thuộc Ban Trù bị Tổ chức Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VII, tổ chức Hội nghị sinh hoạt Giáo hội, hướng tới Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VII, cung thỉnh chư Tôn giáo phẩm lãnh đạo các cấp Giáo hội, Ban ngành Viện Trung ương và địa phương cùng đại diện Tăng Ni, Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam về tham dự Hội nghị mở rộng tại Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội (TP. HCM).

Qua đó, với tinh thần trách nhiệm, ý chí cộng đồng, trí tuệ tập thể của toàn thể chư Tôn đức đại biểu các Ban Ngành Viện, các đơn vị Phật giáo địa phương và từng thành viên Tăng Ni, Phật tử của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hòa thượng tin tưởng Hội nghị sẽ giúp cho công tác góp ý tu chỉnh Hiến chương lần thứ V của Giáo hội, cũng như chương trình hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VII hoàn thiện, phong phú trình Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VII thông qua, làm tiền đề cho công tác Phật sự nhiệm kỳ tới, với niềm tin và ý chí quyết tâm xây dựng, phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày càng vững mạnh,

trang nghiêm trong lòng dân tộc và cộng đồng Phật giáo thế giới của thế kỷ XXI và những thế kỷ tiếp theo.

Ngay sau đó, HT. Thích Thiện Pháp đã báo cáo công tác tổ chức kỳ sinh hoạt Giáo hội hướng đến Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII. Hội nghị cũng nghe phần đạo từ của HT. Thích Từ Nhơn.

Được biết, Hội nghị sẽ diễn ra trong 2 ngày 25, 26-5 với các nội dung: Góp ý tu chỉnh Hiến chương GHPGVN lần thứ V; góp ý chương trình hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VII (2012-2017) của Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Ban Thông tin, Báo chí, Văn nghệ, Triển lãm trình bày kế hoạch thông tin truyền thông tiến tới Đại hội VII Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Ban Tổ chức trình bày mô hình tổ chức Đại hội VII GHPGVN v.v... ■



HT. Thích Thiện Nhơn phát biểu khai mạc



Chụp hình lưu niệm

170 Học sinh tỉnh Vĩnh Long và TP. Cần Thơ sinh hoạt Phật Pháp ở chùa Bửu Quang - Q. Thủ Đức, TP. HCM

Ths. Hoài Lan

Vừa qua, ngày 27 tháng 05 năm 2012, chùa Bửu Quang - Tổ đình Phật giáo Nguyên thủy có tổ chức giảng giáo lý cho 120 học sinh giỏi của trường Bình Hòa Phước và An Bình, thuộc huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Đại đức Minh Mẫn giảng sư Phật học TP. Hồ Chí Minh giảng pháp cho các em trong dịp này nhằm động viên học sinh học tốt ở trường và làm tốt ở nhà, siêng năng mọi việc, khiêm tốn mọi nơi. Chùa Bửu Quang chiêu đãi cho quý thầy cô giáo và học sinh một bữa ăn tự chọn (Fuffet). Buổi chiều phái đoàn tham quan khu du lịch văn hóa Suối Tiên. Được biết, Phật tử Minh Hiếu (trưởng nữ ông Tổng Giám đốc Suối Tiên) tài trợ cho 120 học sinh và quý thầy cô tham quan Khu du lịch Suối Tiên miễn phí.

Sau đó, Ngày 08 tháng 06 năm 2012 cũng tại Tổ đình Bửu Quang, tọa lạc số 171/10 QL.1A, P. Bình Chiểu, Quận Thủ Đức, TP. HCM đã tổ chức sinh hoạt Phật pháp cho hơn 50 em học sinh nghèo thuộc TP. Cần Thơ. Buổi lễ diễn ra trong niềm hoan hỷ, ấm áp tình thương với nghĩa cử tốt đời - đẹp đạo, TT. Thiện Minh Chủ tịch Chi hội Từ thiện Hương Minh Hiếu đã ủy nhiệm ĐĐ. Minh Nhân giúp đỡ, động viên và phát quà cho các em học sinh nghèo. Trong buổi lễ ĐĐ. Minh Nhân đại diện cho Chi hội Từ thiện Phật giáo Hương Minh Hiếu tặng 2.000.000 đồng cho các em học sinh nghèo hiếu học.

Đến tham dự và chứng minh buổi lễ có TT. Bửu Chánh - Phó Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM, TT. Thiện Minh Phó Tổng Biên tập kiêm Thư ký Tòa soạn Phật giáo Nguyên Thủy, cùng chư tăng, Tu nữ và Phật tử Tổ đình Bửu Quang đồng tham dự.

Trong buổi lễ, Đại đức Thạc sĩ Phước Định đã có cuộc trò chuyện với các em học sinh về chủ đề "Ước vọng tuổi vào Đời" với mong muốn các em sau này sẽ là những người có ích cho đạo pháp - dân tộc và xã hội, sau đó, Thượng tọa Tiến sĩ Bửu Chánh đã ban lời đạo từ sách tấn động viên các em học giỏi và có hiếu với cha mẹ. Các em học sinh đã được Đại đức Minh Nhân (trưởng nam ông Phó Tổng Giám đốc Suối Tiên) tài trợ dùng cơm trưa và tham quan du lịch Suối Tiên. ■



Đoàn học sinh giỏi của Trường Bình Hòa Phước và An Bình chụp hình lưu niệm



Học sinh nghèo thuộc TP. Cần Thơ

DANH SÁCH ỦNG HỘ TẠP CHÍ PGNT SỐ 20

01	Thích Ca Phật Đài	100 quyển
02	GĐ Minh Quân - Chu Kim Ngọc	20 quyển
03	GĐ Như Minh - Diệu Phát	10 quyển
04	GĐ BS Phạm Lê An	25 quyển
05	GĐ Lâm Thị Cẩm Lan	10 quyển
06	GĐ Đỗ Ngọc Núi	25 quyển
07	GĐ PT Nguyên Hương Tân	10 quyển
08	GĐ Xuân Hiến - Chu Kim Thạch	10 quyển
09	GĐ Trần Kim Khanh	10 quyển
10	GĐ Nguyễn Thị Hường - Tịnh Quý	10 quyển
11	GĐ Lý Ngọc Châu - Ngọc Hương	10 quyển
12	GĐ Chơn Minh	03 quyển
13	GĐ Nhật Đức	05 quyển
14	GĐ Đức Minh	03 quyển
15	GĐ Nguyên Hương (Hoan)	10 quyển
16	GĐ Diệu Tấn (Hong Anh)	05 quyển
17	GĐ Hòa – Vân	25 quyển
18	GĐ Nguyễn Thị Thúy Hằng	10 quyển
19	Phật tử Chùa Phổ Minh	24 quyển
20	Sư Giác Khoan - PV Thánh Sơn	50 quyển
21	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
22	Huỳnh Thị Mẫn	50 quyển
23	GĐ Nguyễn Ngọc Anh Thy	10 quyển
24	GĐ Văng Phi Nga - Hà Thế Hưng	100 quyển
25	GĐ Nguyễn Thị Bé - Pd. Từ Hỷ	05 quyển
26	Đạo tràng Giác Bảo Hoa	50 quyển
27	Trần Thị Giàu	03 quyển
28	GĐ Mười Trang	10 quyển
29	Cô Mai	10 quyển

30	Quang Nhiên	10 quyển
31	Hồ Thị Mỹ Duyên - Cô Ba	05 quyển
32	Chú Hội - Cô Lài	20 quyển
33	GĐ Trí Thọ	25 quyển
34	GĐ Thiện Trí - Như Hạnh	10 quyển
35	GĐ Đỗ Đăng	10 quyển
36	TN Quang Ngử (Trần Thị Liên)	05 quyển
37	Nguyễn Thị Tú Anh	10 quyển
38	Vương Ngọc Sinh - Tăng Ái Vân	05 quyển
39	Phạm Văn Kiệt - Nguyên Phước	06 quyển
40	Cô Tâm - Thiện Hữu	05 quyển
41	Cô Kim Thoa - Võ Thị Ánh	05 quyển
42	Nguyễn Thị Thúy Vinh	05 quyển
42	Nguyễn Phương Ngân	05 quyển
44	Thu Hồng - Nguyễn Thị Hoa	02 quyển
45	Nguyễn Văn Thành - Hữu Thạch	05 quyển
46	TN Phước Huệ - Phạm Minh Hùng	03 quyển
47	Thanh Phương - TN Phước Hạnh	02 quyển
48	TN Tịnh Giác - Huỳnh Thị Sáu	02 quyển
49	Trần Lê Khánh	10 quyển
50	Trương Thị Sơn - Hoàng Thị Chính	06 quyển
51	TN Quang Lục	05 quyển
52	TN Quang Hồng	05 quyển
53	Như Hoa	05 quyển
54	Tâm Hương	25 quyển
55	Ông Âu Xe Te	05 quyển
56	TN Viên Tuệ	03 quyển
57	Nguyễn Thị Mỹ Liên	03 quyển
58	Cô Thúy - TN Quang Ngọc	02 quyển
59	TN Phước Thủy	03 quyển

giá: 20.000 đồng